

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

LƯỢC-KHAO VỀ BỘ LUẬT MỚI BẮC-KỲ

TIÊU-DẪN

Người ta sinh ra ở đời, nếu người nào phó mặc người ấy, thì không có thể đủ được mọi thứ đề cần dùng về đường vật-chất và về đường tinh-thần của mình, bởi thế cho nên ngay từ khi hỗn-độn sơ-khai, vô-luận là ở đất nào, hễ đã có người tất phải hợp nhau làm thành đoàn-thể để giao-tế với nhau, bênh-vực lấy nhau; trong đoàn-thể tất phải kẻ nhường điều nọ, kẻ chịu điều kia, kẻ dỗi cái này, người trao cái khác, có đi có lại, có chịu có ăn; về thời thái-cổ ấy thường có khi chỉ lấy dây thắt nút làm tin, có khi chỉ vẽ vòng phát-thệ làm cứ; mà về phần tự-do của mỗi người trong đoàn-thể tự-nhiên hình như có hạn; ấy lẽ ở chung với đoàn-thể phải như thế, giá người ta ai ai cũng theo như thế, ai ai cũng biết đạo công-bằng biết lẽ phải trái, thì thiên-vạn-cổ thái-bình, mà cần chi phải đặt ra lệ nọ phép kia. Nhưng than ôi! người ta thường hay quá tự-do, cho nên hay sinh tranh nhau hại lẫn nhau, rồi thù riêng nhau, thù riêng nghĩa là người này làm hại người kia, người kia lại phục-thù lại, nhiều khi quá cái giới-hạn bị-hại, làm cho kẻ phạm-tội phải tức-giận phải sinh đánh nhau thù nhau không bao giờ hết. Bởi thế người đứng đầu trong đoàn-thể, vì sự giữ gìn trật-tự, phải đặt ra ít nhiều lễ-phép: đầu tiên đặt ra cái hình báo-phục (talion) nghĩa là kẻ phạm tội gì thì bắt lại phải chịu tội ấy, như đánh người gãy chân thì phải bị đánh lại gãy chân, cắt tai người thì mình lại phải bị cắt tai; thứ đến cái hình bồi-thường, (composition) nghĩa là bắt người phạm phải lấy kim-ngân mà đền cho người bị hại. Vì có hai cái hình đó mới cấm bớt được cái thù riêng, thế là từ đấy trở đi nhất-cá-nhân phải lui về quyền cho người thay mặt đoàn-thể định ra lễ - phép, ấy pháp-luật của nhân-quần phối-thai từ đấy, rồi mỗi đời mỗi phiền-phức mãi ra, nhất là từ khi nhân-trí bán-khai, thêm khôn - ngoan lại bớt phần trung-hậu, sinh ra điều-bạc, thành ra mỗi ngày mỗi thêm tội-ác, làm cho người có trách-nhiệm cầm cân thăm-phán phải theo cái trình-độ tội-phạm mà đặt thêm ra lệ nọ hình kia, quen dùng mãi thành ra *tập-quán*, truyền-bá mãi thành ra *phong-tục*. Mỗi xứ phong-tục, tập-quán một khác, cho nên giao-tế với nhau rất khó khăn, nhưng dù khó khăn mặc lòng, người cùng một đoàn-thể khi trước xứ nào chỉ ở riêng với nhau trong xứ ấy, về sau vì sự cần dùng chung, phải giao-dịch với đoàn-thể khác ở chung quanh khu-vực mình; mà giao-dịch ra ngoài như thế ít khi lấy đường nhân-nghĩa giao-hiếu đi lại với nhau, phần nhiều chỉ chực tranh-khí

sinh-sự. Bởi thế đoàn-thề nọ mới sinh ra đánh nhau với đoàn-thề kia, đánh nhau với ngoài thì trong tất phải hợp thành đội-ngũ, người đứng đầu cầm quân phải đặt ra quân-kỷ, định ra quân-pháp, (vì lẽ đó nên luật cổ phần nhiều là luật binh); nhưng các đoàn-thề đánh nhau mãi tất sau cũng phải có một đoàn-thề thắng được tất cả các đoàn-thề kia; đoàn-thề thắng ấy bấy giờ mới tôn người tướng của mình lên làm chúa-tể cả các đoàn-thề bị thua. Người chúa-tể ấy, muốn cai-trị được tất cả đoàn-thề khác xứ, khác phong-tục, khác lễ-phép, tất phải đặt ra nhất-luật, định ra cùng một qui-tắc, cùng một chế-độ, thiết-quan phân-chức để thay công-quyền mà trị-nhiệm, thi-hành hình-phạt cho kẻ làm trái phép; bởi thế mà quyền lập-pháp thi-hành từ bấy giờ chỉ thuộc về chánh-phủ, nghĩa là trong một xứ nhiều đoàn-thề khi đã thống-nhất, tất phải giữ quyền lập ra hiến-pháp, đặt ra qui-mô, nói tóm lại là phải làm ra pháp-luật nhất-tề thi-hành cho cả các đoàn-thề hợp-nhất. Lẽ đó là lẽ tự-nhiên mà lại là lẽ tất-nhiên, dù ở vào thời nào cũng thế, xứ nào cũng thế. Nay ta hãy xét như bên Thái-tây khi trước người La-mã nhất-thống Âu-châu, có lập ra pháp-luật rất là công-minh mà lại nhân-hậu, bởi thế pháp-luật La-mã thành ra có một cái ảnh-hưởng rất mạnh với pháp-luật của các nước Âu-Tây bây giờ. Lại như vua Napoléon nước Pháp, khi đã lập thành đế-quốc, tức thì san-định lại tất cả luật-lệ cũ, tập-thành luật-thư toàn-bộ, theo một chủ-nghĩa rất văn-minh là chủ-nghĩa trên phải giữ vững lấy sự trị-an của chánh-phủ, dưới phải bảo-toàn quyền-lợi cho bình-dân hợp với sự khai-hóa trong nước. (Luật Napoléon tức là luật của nước Pháp hiện-hành bây giờ nhiều chỗ đã thay đổi lại, song cái cốt-tử phần nhiều vẫn còn). Lại xét bên Á-Đông như vua Cao-Tô nhà Hán (nước Tàu) khi vào Quan-trung đầu tiên đã ước-pháp tam-chương, mà dân tín-phục, chỉ có tam-chương mà hầu gần tóm được hết luật-ý thời nay: *sát-nhân* tức là tội phạm về thân-thể người; *đạo* tức là tội phạm về tài-sản; còn *thương-nhân*, là gồm tất cả các tội phạm khác về thân-thể người, mà nói rộng ra thì cũng gồm cả tội lỗi khác hại về danh-giá, tài-sản của người. Lại như đức Gia-Long về quốc-triều ta, khi đã hợp-đồng nam-bắc, thống-nhất sơn-hà, cũng tức thì giáng-chiếu sai các quan san-định lại luật-lệ qui-tắc cũ, làm thành bộ luật thi-hành cho cả toàn-quốc cho đến ngày nay. Bộ luật Gia-Long là một bộ luật rất tinh-tường, chia tội-phạm có phân-biệt, định hình-phạt có sai-cấp, khi trước đủ thi-hành cho quốc-dân chỉ chuyên về nghề canh-nông, nhưng bây giờ cứ nguyên như cũ mà thi-hành thì không hợp: Một là bộ luật Gia-Long chỗ nào cũng thi hình-phạt, tức là luật Hình, quốc-triều định ra như thế không phải có ý ghét gì dân đâu, song chỉ lấy lẽ « xuất-hình-nhập-giáo » cốt để giữ dân lánh khỏi điều tội-ác, làm điều lương-thiện mà thôi. Hai là bộ luật ấy nhiều chỗ khuyết-diêm về đường dân-sự, trong luật phần nhiều chỉ định sự giao-tế của dân đối với chánh-phủ, ít chỗ định về sự giao-tế của dân đối với dân, nhất là như thời bây giờ vì sự tiến-hóa, nước nào cũng phải bảo-trọng dân-quyền; hưởng-chi ngày nay nhờ có cách-trí hóa-học, đường kinh-tế mỗi ngày một thêm rộng, thì đường giao-tế cũng phải mở rộng, phải định rõ quyền-lợi, nghĩa-vụ

của mọi người. Về hai phương-diện ấy luật cũ nguyên thi-hành ở Bắc-kỳ là xử đã quá thời-kỳ bán-khai cần phải san-định lại cho hợp với phong-trào thời nay. Bảy giờ chỉ riêng gì một xứ ta nên sửa lại pháp-luật, cả thế-giới đều thế. Khi trước các nước làm luật thì trong gia-tộc ngoài làng nước, toàn lấy hình-phạt mà bắt tội người ta, bây giờ theo lẽ văn-minh, phần nhiều thiên-trọng về đường tự-do của nhất-cá-nhân, có khi cùng một tội-phạm khi trước trừng-trị theo hình-sự, bây giờ trừng-trị theo dân-sự mà thôi. Gia-di về đường vật-chất vì sự chế-tạo sự phát-minh, làm đổi cả cách thương-mại, kỹ-nghệ, làm thay cả sự giao-tế trong nhân-quần, mà cũng vì các sự ấy sinh ra nhiều tội-phạm mới, phải thêm hình-phạt mới. Nhưng đường vật-chất tiến, đường tinh-thần cũng tiến, cách luận-tội bây giờ cũng nhiều chỗ khác cách luận-tội khi trước; các nhà làm luật khi trước muốn hành-tội một cách thâm-hại, bây giờ có ý khoan-thứ; ngày trước muốn làm cho thực sợ-hãi, bây giờ có ý trừng-giới; ngày trước bắt tội kẻ phạm bắt tội lấy cả đến người đồng-tôn, bây giờ có ý chỉ bắt ai làm nấy chịu; ngày trước hay bắt tội về thân-thể, bây giờ có thứ hình-phạt chỉ làm mất danh-giá; ngày trước muốn làm cho người phạm thành người bỏ đi, bây giờ có ý rèn lại người phạm khiến cho tự biết tỉnh-ngộ. Ấy hai cái tôn-chỉ làm luật xưa nay khác nhau như thế, cho nên dù ít dù nhiều, nước nào cũng phải theo trình-độ tiến-hóa, nhất-quyết làm sự cải-lương. Kia như Nhật-bản phải mời luật-sư bên Pháp sang nghiên-cứu kể quá mười năm, mới làm thành bộ luật bây giờ. Lại như nước Tàu là nước ngày trước chỉ biết tự-tôn tự-phụ, thế mà nay cũng phải mời luật-sư Thái-tây về nghiên-cứu làm lại tất cả các pho luật cũ các nước nhiệt-thành như thế. nay nước ta có làm như họ cũng là hợp-thời. Nhà-nước Đại-pháp từ lúc sang Bảo-hộ, sau khi lo việc dẹp yên, thì có định nhiều chương-trình cải-lương, mà chương-trình cải-lương pháp-luật khởi-thảo đã lâu, nhưng từ khi Kim-thượng lên ngôi đến giờ mới là thực-hành. Vì Kim-thượng là đấng anh-quân, thâm-hiếu thời-thế, phạm việc gì liệu có ích cho quốc-dân, thì nhất-quyết làm ngay, cứ xem bài diễn-thuyết của Kim-thượng ở toà Thượng-thẩm Hà-nội (1918, khi ngự-giá Bắc-tuần) nói nên phân-biệt các quyền hành-chánh và tư-pháp (séparation des pouvoirs Administratif et Judiciaire) thì đủ biết Kim-thượng nhiều tư-thường mới. — Về sự cải-lương nam-luật nam-án ở Bắc-kỳ, thì khi nhà-nước mới sang bảo-hộ thấy hiến-pháp bên này đã có nề-nếp vững-vàng, trước chỉ thay đổi ít nhiều về hình-thức, nghĩa là về cách-thức thẩm-án, về quan-chức phải kiểm-án: Từ khi bãi nha Kinh-lược (năm 1897) đến năm 1901 phạm các án của những toà nam-án xử đều giao cho hội-đồng tái-thẩm (commission de revision) duyệt-trình quan Thống-sứ Bắc-kỳ. Từ năm 1901 trở đi có sắc-lệnh đặt ra hội-đồng thượng-thẩm (Commission d'appel) cách tổ-chức thì có 3 quan Đại-pháp thẩm-ngị ở toà Thượng-thẩm và 2 nam-quan, hội-đồng ấy chuyên xét lại về các việc án của quốc-dân An-nam ở Bắc-kỳ. Đến năm 1905 có sắc-lệnh đặt ra phòng thứ 4 thuộc hẳn về toà Thượng-thẩm Đông-Pháp, cách tổ-chức cũng giống như hội-đồng Thượng-thẩm, song thủ-tục kiểm-bị hơn. Cùng năm 1905 lại

có sắc-lệnh bãi bỏ tất cả các cách nhục-hình cũ, như suy, trượng, giảo, lăng-tri, v. v. mà thay hình-phạt mới như hình xử-tử tức thời, khổ-sai, phạt giam, phạt-bạc v. v. Chánh-phủ thử bước mấy bước đầu tiên vào con đường cải-lương như thế, thấy dân đẹp lòng, bền vững chân bạo bước đi luôn. Bởi vậy năm 1913, quan nguyên Toàn-quyền SARRAUT sức san-định lại tất cả luật cũ Bắc-kỳ, đến năm 1917, Kim-thượng giáng-chỉ ban-hành các luật san-định lại ấy là: 1° luật Pháp-viện-biên-chế; 2° luật Dân-sự thương-sự-tổ-tụng; 3° luật Hình-sự-tổ-tụng; 4° luật Hình. Bốn quyền luật ấy đem thi-hành ra trong mấy năm thấy kết-quả một cách rất hiệu-nghiệm, đối với pháp-viện thấy làm mau việc mà giản, đối với nhân-dân thấy được xử-đoán thoả-đáng hơn xưa. Vì vậy đến nay quan Toàn-quyền LONG đồng ý với Nam-triều, nhất-định làm cho bộ luật Bắc-kỳ được hoàn-hảo, đặt hội-đồng giao cho đình-chính, tặng-bỏ tất cả luật cũ. Hội-đồng làm luật ấy vừa có quan Đại-Pháp vừa có quan An-nam, theo đuổi làm mấy năm nay, đến năm ngoái mới làm xong, cả thấy được năm quyền luật: — 1o Dân-luật (quyền thứ nhất) (Code Civil livre 1er), đã do nghị-định ngày mồng 9 tháng 11 tây, năm 1921, tuyên-bố thí-nghiệm trong tỉnh Hà-đông, rồi sau dần dần trong 5 năm sẽ thi-hành cả toàn-kỳ. — 2o Luật Pháp-viện-biên-chế (Code d'organisation des juridictions Annamites). — 3o Luật Dân-sự thương-sự tổ-tụng (Code de Procédure civile et commerciale). — 4o Luật Hình-sự-tổ-tụng (Code de Procédure Pénale). — 5o Luật Hình (Code Pénal). Bốn quyền luật dưới đã do nghị-định ngày mồng 2 tháng 12 năm 1921 tuyên bố đến ngày 1er tháng 5 năm 1922 sẽ bắt đầu thi hành trong cả Bắc-kỳ. Trước khi lược-khảo đến các quyền luật ấy, tưởng nên nói qua về cái lý-do làm luật. Về bộ dân-luật, thì nhà làm luật bằng chiếu: 1° ở luật Gia-Long; 2° ở phong-tục tập-quán bản-xứ; 3° ở lễ-nghi thái-độ của bản-quốc; 4° về văn-đề mới, thì chiếu luật Đại-Pháp, nhưng có châm-chước. — Về bộ dân-luật mới xong có quyền thứ nhất, định về người và tài-sản. Còn gia-tộc, hợp-đồng khế-rước thừa-kế v. v. cần phải nghiên-cứu và thí-nghiệm, rồi sẽ làm sau. Quyền dân-luật thứ nhất ấy, đã có M. T. T. lược-khảo đăng trong báo Thực-nghiệp; lại có M. LÊ-VĂN-HIỀN giải-thích làm theo lối bài dạy học, đã in thành sách. — Nay Bản-chỉ chỉ lược-khảo về 4 quyền luật sau. Về các lý-do làm ra 4 quyền luật ấy thì 1° cốt-từ bằng chiếu ở luật Gia-Long, hình-thức thì chiếu ở luật Đại-Pháp, nhưng châm-chước lại một cách rất giản; 2° gần đây từ khi thi-hành 4 quyền luật trước (16 tháng bẩy năm 1917) thì bằng chiếu ở các lời tư-bẩm hàng ngày của các quan coi việc nam-án; hay là ý-kiến của các quan hành-chánh bày tỏ theo sự kinh-lich; các lời tư-bẩm ấy, các ý-kiến ấy làm ra thành sách, giao cho hội-đồng làm luật nghiên-cứu bàn bạc thật kỹ rồi tùy nghi theo đó mà làm thành ra các quyền luật ấy. Ngoài 5 quyền luật nói ở trên, lại có hai bản Lệ-Phí - Giá-Mục, định về các tiền Lệ-phí dân-sự và hình-sự sẽ thi-hành trong các toà nam-án Bắc-kỳ. — Bản-chỉ làm bài lược-khảo này, không dám gọi là một khoa chuyên-môn học luật, chỉ mong

rằng hiểu các bạn đọc-báo một khoa phổ-thông học luật, vì thế nên không kiện nghĩa từng điều trong luật, chỉ nói lướt về luật-y; lại cũng không nói nhất-khái, chỉ bàn đại-khái mà thôi. Mong rằng khoa này sẽ có ích cho các ngài ít nhiều, vì xem hết khoa này, rồi sau mở luật (code) ra mà xem thì đã có ý sẵn mà hiểu mau lắm. Các luật sẽ lược-khảo sau đây là luật Bắc-kỳ mà nói rằng có ích cả cho các bạn đọc-báo là sao? là vì luật thời này của các nước văn-minh, đều là đại-dồng tiêu-dị, nghĩa là đại-y luật của nước nào cũng thế, chỉ có khác nhau là như hình-phạt khác, thủ-tục riêng; còn như cách thẩm-cứu, cách vạng-án v. v. thì nước nào hầu gần giống thế cả, cho nên hễ đã biết luật kim-thời thì có thể đi đâu làm quan thẩm-phán cũng được, bởi thế mới nói rằng khoa này cũng có thể ích cho cả bạn đọc báo như một khoa phổ-thông vậy. Nay xin dần dần lược-khảo các luật đã nói ở trên ra sau này:

PHÁP - VIỆN - BIÊN - CHẾ

Pháp-viện-biên-chế là luật định về cách tổ-chức các nha-môn tư-pháp; luật ấy gồm có 37 điều chia làm 9 chương, trong bài lược-khảo này theo cách xếp-đặt riêng, chỉ chia làm có ba chương: 1^o chương thứ nhất nói về cách tổ-chức các tòa sơ-cấp, đệ-nhi-cấp, đệ-tam-cấp; 2^o chương thứ hai nói về thẩm-quyền; 3^o chương thứ ba nói về lệ chấp-hành riêng.

CHƯƠNG THỨ NHẤT

Nói về cách tổ-chức các tòa sơ-cấp đệ-nhi-cấp, đệ-tam-cấp.

Chương này nói riêng về cách tổ chức các tòa nam-án và những vấn-đề phụ-thuộc, Luật mới đặt ra ba cấp nha-môn cũng là mô-phỏng luật cũ (luật Gia-Long), vì khi trước phạm các việc án đều do quan Phủ quan Huyện sơ-thẩm; rồi lên đến quan Án; những việc trọng-hình thì phải đệ về Bộ phúc-thẩm. Bây giờ chia làm 3 cấp hoạch-định quyền-hạn rõ ràng hơn trước, khi trước từ việc trọng-tội đến việc tạp-tụng, nhất nhất đều giao quyền cho Phủ, Huyện xét xử rồi cùng việc ấy lại đem lên Tỉnh, cũng có khi lại

phải đệ vào Bộ; luật cũ định ra như thế là rất hay, mà thực-hành nhiều khi sinh ra lắm tệ-đoan. Bởi thế luật mới định lại một cách minh-bạch hơn: về hình-sự thường bao giờ cũng có hai cấp, việc sơ-cấp xử đem kháng-cáo lên đệ-nhi-cấp, việc đệ-nhi-cấp xử đem kháng-cáo lên đệ-tam-cấp; về dân-sự thì ở Phủ, Huyện bao giờ cũng được quyền xử chung-thẩm, ở Tỉnh thì có việc chung-thẩm có việc chỉ sơ-thẩm. Luật mới định lại như thế là vừa giữ cho hết lẽ công-bằng, vừa giữ cho khỏi sự phiền-phí. Luật mới chia làm ba cấp: sơ-cấp thì vẫn như xưa, nghĩa là vẫn do quan-phủ quan-huyện quan-châu vừa làm chức hành-chánh vừa làm chức tư-pháp; về hình-sự thì phủ, huyện bây giờ chỉ có quyền xử đến án vi-cảnh, nhưng về dân-sự thì lại có quyền được xử chung-thẩm. Đệ-nhi-cấp là thay vào Niết-ti khi trước, thì do Pháp-quan làm chức chánh-án, nam-quan làm chức bồi-thẩm; sự đổi mới đó là bởi đương lúc giao-thời, vì luật mới nhiều chỗ theo luật Đại-Pháp, nên để Pháp-quan làm chủ-tọa là cốt giữ cho sự thi-hành pháp-luật được hoàn-bảo và để đỡ bớt cái

trách-nhiệm khó khăn cho nam-quan. Còn đệ-tam-cấp tức phòng thứ hai tòa Thượng-thẩm Hà-nội là tuân theo cách tổ-chức đã định ở trong các sắc-lệnh lập ra phòng ấy.

TIẾT THỨ I

Các tòa tư-pháp

Các tòa tư - pháp ở Bắc - kỳ chia làm 3 cấp:

1^o) *Tòa sơ-cấp*, do quan phủ, quan huyện hoặc quan châu đầu trong địa-hạt làm chức đơn-độc thẩm-phán. Nếu địa-hạt là sở-tại tòa án tỉnh, thì có thể chọn một quan trợ-thẩm kiêm làm chức sơ-cấp thẩm-phán.

Phiên tòa. — Về tòa sơ-cấp, thì trong mỗi một tuần-lễ, ít ra phải mở hai phiên tòa công; gặp khi nhiều việc, thì có thể xử kiện hằng ngày, mỗi ngày hai buổi, dù là ngày chủ-nhật hay là ngày lễ cũng được; và quan thẩm-phán sơ-cấp lại có thể nhân ngày phiên chợ hay là bất-cứ ngày nào, thân-hành đến nơi xa cách bản-nha, chiếu kỳ mở phiên tòa công để người sở-thuộc đến thưa cho tiện (điều 12 Pháp-viện-biên-chế).

Quản-hạt. — Quản-hạt tòa sơ-cấp là gồm tất cả tổng xã trong bản-phủ, bản-huyện, bản-châu, theo giới-hạn hành-chánh. Nếu cần phải thay đổi quản-hạt, thì sẽ do quan Toàn-quyền chiếu đồng-ý quan Thống-sứ và quan Nam-án thủ-hiến Bắc-kỳ mà nghị-định. Và thuộc về mấy châu miền thượng-du, quan Toàn-quyền lại có thể chiếu đồng-ý cùng các quan thủ-hiến ấy mà làm nghị-định riêng để mở rộng hay là thay đổi chức-quyền và thẩm-quyền quan thẩm-phán sơ-cấp (vì thế nên có mấy quan châu có thể vừa làm chức thẩm-phán sơ-cấp, lại vừa làm chức bồi-thẩm đệ-nhi-cấp).

2^o) *Toà đệ-nhi-cấp* (nhất-danh là tòa án tỉnh) do quan Chánh-công-sứ bản-

tỉnh làm chức chánh-án, và do một nam-quan cao chức nhất trong hàng tỉnh làm chức bồi-thẩm. Nếu quan chánh-án bận việc, thì có thể do quan Phó-sứ hoặc do một quan tư-pháp sung làm chánh-án. Và quan bồi-thẩm An-nam bận việc, thì cũng có thể do quan Thống-sứ trình quan Toàn-quyền xin bổ một quan trợ-thẩm thay làm bồi-thẩm. Vậy thời ở tòa án tỉnh thông-thường chỉ có hai chức thẩm-phán: quan chánh-án Đại-Pháp và quan bồi-thẩm An-nam; trừ ra ở các tỉnh lớn, sẽ đặt thêm một Nam-quan ngang hàm án-sát trở lên để giúp quan chánh-án giữ chức dự-thẩm về hình-sự, hay là giữ chức điều-tra về dân-sự.

Phiên tòa. — Luật không định rõ rằng mỗi tuần lễ tòa đệ-nhi-cấp phải mấy lần mở phiên tòa công; bởi vậy tùy quan chánh-án đệ-nhi-cấp được tự định lấy, song ít nhất trong một tuần lễ cũng phải có một phiên tòa, vì rằng cứ như sau này sẽ nói, thì mỗi tuần lễ phải gửi lên quan Nam-án-thủ-hiến một bản trích-lục sổ phiên tòa thuộc về hình-sự.

Quản-hạt — Quản-hạt tòa án tỉnh sẽ do quan Toàn-quyền chiếu lời trình của quan Thống-sứ Bắc-kỳ và quan Đông-Pháp tư-pháp-tổng-trưởng mà định.

3^o) *Toà đệ-nhi-cấp*, tức là phòng thứ hai tòa Thượng-thẩm Hà-nội (nhất-danh là viện kháng-tổ), có 3 quan thẩm-nghị (conseiller) Đại-Pháp và hai Nam-quan; hiện bây giờ tòa ấy có chia làm hai ban.

Phiên tòa. — Vì tòa đệ-tam-cấp là phòng thứ hai tòa Thượng-thẩm Hà-nội, cho nên đều thông-dụng thủ-tục của tòa án Đại-Pháp, nghĩa là hầu gần có đủ cả các cơ-quan, mà mỗi cơ-quan đều có chức-vụ nhất-định. Thí-dụ như cách bài-bổ phiên tòa thì các quan nghị-thẩm ngồi giữa, khi nói cứ ngồi mà nói; bên tả là lục-sự; bên hữu là

chưởng-ly, chưởng-ly khi nói phải đứng mà nói; ở dưới tụng-đình là để làm chỗ đứng nói cho các người đương sự; sau các người đương-sự là các viên biện-hộ trạng-sự; ngoài cùng là chỗ công-chúng đến bàng-thính. Các viên-chức trong tòa đệ-tam-cấp khi ra phiên tòa đều mặc chế-phục riêng; mấy cái hình-thức đó khác hẳn với sơ-cấp đệ-nhi-cấp.

Quản-hạt. — Quản-hạt tòa đệ-tam-cấp là gồm hết các tỉnh hạt (trừ ra mấy nơi nhượng-địa Đại-Pháp) trong xứ Bắc-kỳ, và chỉ chuyên coi về việc nam-án Bắc-kỳ mà thôi.

TIẾT THỨ II

Các chức thẩm-phán

Chức thẩm-phán (*juge*) là một chức chuyên về việc án; có khi cũng gọi là chức tư-pháp (*magistrat*), nhưng chữ tư-pháp chỉ nghĩa rộng, vì gồm tất cả các viên-chức chuyên việc tư-pháp. Nhân giải nghĩa chữ thẩm-phán, tưởng nên nói thêm về mấy điều cốt-yếu trong việc tư-pháp: 1^o là sự phân-biệt quyền hành-chánh và quyền tư-pháp; về sự ấy, đức Hoàng-thượng đã nói ra từ năm 1918 (như trên đã nói), song chưa thực-hành được, vì còn thiếu người. 2^o là trong các viên-chức tư-pháp nên chia ra chức thẩm-phán và chức chưởng-ly; chức chưởng-ly thì thay mặt xã-hội, trông nom về sự thi-hành pháp-luật, truy-sách tầm-nã kẻ phạm đến trước công-môn để quan thẩm-phán kết-nghĩ. Nhưng chức chưởng-ly được tự-ý khởi sự công-tố, còn chức thẩm-phán thì phải thụ-ly (nghĩa là phải có chức chưởng-ly yêu-sách hay là người đương-sự đến kiện) mới được khởi-phán. Thí-dụ: như có sảy ra một việc phạm-pháp, thì khi chức chưởng-ly đã biết, phải đốc-sức đề thẩm-cứu cho phát-minh ra sự thực, nhiên-hậu mới giao

việc án cho chức thẩm-phán; kịp khi việc án đã đem ra trước phiên tòa, thì chức chưởng-ly kê tội-trạng rồi xin chức thẩm-phán kết án; chức chưởng-ly buộc tội rồi thì biện-hộ trạng-sự viện lẽ cãi lại. Chức thẩm-phán nghe một đấng buộc tội một đấng gỡ tội sẽ xét lý thẩm tình mà chiếu luật khép tội. Về việc nam-án thì thủ-tục ấy mới thi-hành ở trước đệ-tam-cấp mà thôi.

Cách lựa bỏ các chức thẩm-phán

Sơ cấp. — Chức thẩm-phán sơ-cấp thì hoặc giao ngay quan hành-chánh đầu trong địa-hạt (quan phủ quan huyện, quan châu) kiêm-nhiệm; hoặc bỏ riêng một quan thẩm-phán chuyên-nhiệm riêng về địa-hạt sở-tại tòa án tỉnh, có thể giao luôn cho quan trợ-thẩm trong tòa án ấy kiêm làm, về cách lựa bỏ thì do quan Thống-sứ Bắc-kỳ chiếu đồng ý quan Nam-án thủ-hiến, mà nghị-định.

Đệ nhị cấp. — Chức chánh-án thì thông-thường do quan Chánh-công-sứ bản-tỉnh kiêm làm, khi nào quan Chánh-công-sứ tạm-thời bận việc, thì do quan Phó-công-sứ sung làm; hay là do một quan tư-pháp của viện Đông-Pháp tư-pháp tạm ủy sung vào chức ấy. Chức bồi-thẩm tức là chức thẩm-phán An-nam thì do quan cao chức nhất trong hàng tỉnh sung làm; nếu không thì do quan Thống-sứ trình quan Toàn-quyền xin bỏ một quan trợ-thẩm, nhất-danh là quan thẩm-phán dự-khuyết (*juge suppléant*).

Đệ tam-cấp. — Các chức thẩm-nghị Đại-Pháp (*conseillers*) ở đệ-tam-cấp thì đều theo kỷ-luật Đại-Pháp như các chức thẩm-nghị khác ở tòa Thượng-thẩm, nghĩa là do sắc-lệnh quan Giám-quốc Đại-Pháp bổ-nhiệm, và thuộc quyền quan chánh tòa Thượng-thẩm. Các chức thẩm-nghị Annam thì do Triều-đình Annam Khâm-sai, giao qua Toàn-quyền chọn bỏ.

TIẾT THỨ III

Các chức chưởng-ly

(Ministère public)

Chưởng-ly là chức gì, và tổ-chức thế nào, thì tiết trên đã nói; lại có nói rằng ở sơ-cấp, đệ-nhi-cấp chưa đặt chức chưởng-ly; song cứ xem như luật Hình-sự-tổ-tụng nói rằng quan chánh-án đệ-nhi-cấp có quyền trông nom tất cả các quan thẩm-phán trong hàng tỉnh và đốc-biên việc thẩm-cứn về hình-sự, thì tức luật Đại-Pháp cho là làm chức chưởng-ly vậy. Kỳ-thực chỉ ở toà đệ-tam-cấp ở Hà-nội mới có chức chưởng-ly. Chức chưởng-ly ở toà ấy tức là quan Chưởng-ly (Procureur Général) hay là quan Tà-ly (Substitut du Procureur Général). Chức chưởng-ly, đối với toà đệ-tam-cấp, có quyền được yêu-sách (réquisitions) hoặc kết-luận (conclusions) về tất cả các việc nam-án; đại-khái chức chưởng-ly được thay xã-hội, hoặc thay pháp-luật mà làm việc kháng-cáo án sơ-thẩm, thu-hồi nguyên-án, thủ-tiêu nguyên-án; đề-khởi các việc tái-thẩm, phục-quyền (các chữ này đề sau nói đến luật Dân-sự thương-sự-tổ-tụng, luật Hình-sự tổ-tụng, sẽ giải nghĩa) cũng là thuộc về khi trình-trí các quan thẩm-phán An-nam phạm tội. Chức chưởng-ly lại giám-thị về cách trị-sự trong các toà nam-án; muốn đạt sự hành-vi ấy, các toà sơ-cấp, đệ-nhi-cấp phải chiếu kỳ trích-lục các hạ-dùng về việc nam-án, như sớ thu-đơn, sớ phiên-tòa, đệ-trình lên quan Chưởng-ly. Luật định ra như thế là sớ-dĩ đề cho chức Chưởng-ly biết rõ được công-việc của mọi viên-chức làm, và pháp-luật thi-hành có đúng hay không. Các việc kể ở trên này sau nói đến luật Dân-sự-tổ-tụng luật Hình-sự-tổ-tụng sẽ nói tương.

TIẾT THỨ IV

Các viên bổ-t trợ

Các viên bổ-t trợ thì hoặc do quan-chức có quyền bổ-nhiệm hoặc do pháp-luật định ra để giúp về việc nam-án.

Lục-sự. — Trước hết nên kể các viên lục-sự. Điều thứ 3 trong Pháp-viện biên-chế định rằng: « Các viên lục-sự tòa sơ-cấp thì do quan Thống-sứ Bắc-kỳ lựa bổ từng người. » Điều thứ 12 P. V. B. C. cũng nói: « Các viên lục-sự tòa-án tỉnh do quan Thống-sứ lựa-bổ từng người » Vậy thì ở sơ-cấp cũng như ở đệ-nhi-cấp, đều có lục-sự. Luật không định rõ mỗi cấp phải đặt mấy viên, song về sơ-cấp chỉ một viên lục-sự cũng làm đủ công việc. Về đệ-nhi-cấp thì trong các tỉnh lớn, phải nên có hai viên lục-sự, một viên chuyên về dân-sự thương-sự, một viên chuyên về hình-sự. Thuộc về dân-sự, thương-sự, thì chức-vụ các viên lục-sự là phải vào-sổ các đơn kiện đệ đến bản-nha, giúp-đỡ toà án trong khi phiên toà, ký tên vào các án-vấn cùng với quan chánh-thẩm-phán, vào sổ các sự kháng-cáo, kháng-án, thủ-tiêu-nguyên-án, thu-hồi nguyên-án, trích-lục về các việc ấy để đính vào các bút-lục, trích-lục các thứ sớ về việc nam-án để hằng kỳ đệ lên quan Nam-án-thủ-hiến, và đại-khái kiêm cả các việc giấy-mả trong việc tư-pháp. Thuộc về hình-sự, thì các viên lục-sự cũng phải làm cả các việc nói ở trên; song không những giúp-việc toà-án thẩm-phán về hình-sự, mà lại giúp-việc cả quan thẩm-cứn trong thủ-tục thẩm-cứn nữa. Các viên lục-sự tự mình làm cả bấy nhiêu công việc thì thường có khi không đủ thì giờ, cho nên khi có cần cũng có thể được thêm người giúp việc, gọi là trợ-biên-lục-sự (Commis-greffier).

Thông-dịch.— Vì trong các quan coi việc Nam-án, (trừ ở sơ-cấp không kể) vừa có Pháp-quan vừa có Nam-quan, cho nên nhiều khi cần phải có viên thông-dịch: về ngạch thông-dịch, giúp việc Nam-án, luật không minh-định, là y dễ do quan quản-hạt tùy-nghi bổ-dụng.

Thừa-phát-lại (huissier). — Các việc thừa-phát-lại tuy không trực-tiếp làm việc ở toà-án, song vì chức-vụ các viên ấy liên-thuộc với việc tư-pháp một cách rất mật-thiết, cho nên có thể cho vào ngạch bổ-trợ của các nha-môn.

Các chức-dịch khác. — Điều 16 Ph. V. B. ch. định rằng: « Phạm những ty-thuộc các công-nha An-nam không khi nào và vì lẽ gì mà được sung làm chức bổ-trợ hay là chức-dịch gì khác trong các toà-án, trừ khi nào quan Thống-sứ có lựa-bỏ rõ ràng thì không kể ». — Nguyên khi trước các quan tỉnh, phủ, huyện, làm chức vụ hành-chánh và tư-pháp, không có phân-biệt, nên trong các ty-thuộc công-nha thường không chia rõ viên nào làm việc chánh, viên nào làm việc án; bây giờ đã chia rõ chức-vụ hành-chánh khác hẳn với chức-vụ tư-pháp thì phạm thuộc về việc án bất-cứ là viên ty-thuộc nào cũng phải có nghị-định quan Thống-sứ, mới được sung làm chức bổ-trợ trong các nha-môn tư-pháp.

TIẾT THỨ V

Quan-kỷ

Các quan làm việc tư-pháp, đầu nguyên là ngạch hành-chánh, cũng thuộc về quyền quản-đốc của quan Nam-án thủ-hiến. Điều 17 Ph. V. B. Ch. nói: « Quan Nam-án thủ-hiến quản-đốc tất cả các quan thẩm-phán, quan bồi-thẩm, viên lục-sự và các viên phụ thuộc trong các tòa nam-án Bắc-kỳ. — Quan Nam-án thủ-hiến có quyền chiếu lời trình của quan Viện-trưởng và quan Trưởng-lý tòa Thượng-Thẩm mà răn bảo và cáo-giới những viên-chức nào

sai những phạm-sự của mình, và có thể tùy theo kỷ-luật của mọi hàng viên-chức mà xin nghĩ-phạt ». Vậy thì quan Nam-án thủ-hiến có thể trực-tiếp răn bảo và cáo-giới những viên-chức có lỗi; còn muốn thi các khoản phạt khác thì điều 18 nói rằng « Nếu người nào đã bị răn-bảo và cáo-giới mà vô-hiệu hay là sự can-cửu có thể hại đến phạm cách nhà tư-pháp thì quan Nam-án thủ-hiến sẽ xin chiếu theo qui-luật Nam-quan mà trường-phạt ». Các khoản-phạt nói đây là các khoản phạt thuộc về quan-kỷ, mỗi ngạch một khác, nên luật không nói rõ; (nhưng không nên lẫn khoản phạt trong quan-kỷ với hình-phạt trong luật Hình. Khoản-phạt quan-kỷ là riêng cho từng ngạch mà chỉ đến cách-chức là cùng; còn hình-phạt về luật Hình là chung cho cả các người cùng thụ-trị theo một pháp-luật, mà có thể làm tội tới thân-thể người phạm). Thuộc về các viên thừa-phát-lại, thì do quan nam-án thủ-hiến nghị-định quan-kỷ đối với các viên-chức ấy, qua thủ-hiến có thể trực-tiếp răn-bảo và khi có cần lại có thể xin cách-chức. Các chức-dịch An-nam kiêm làm thừa-phát-lại, cũng thuộc về quyền quan Nam-án thủ-hiến; đối với các chức-dịch ấy, quan thủ-hiến cũng có thể xin nghĩ-phạt như đối với các thừa-phát-lại vậy.

TIẾT THỨ VI

Hồi-tị và cáo-tị

Bất-cứ thuộc về án-vụ nào, quan thẩm-phán An-nam cũng có thể tư xin hồi-tị hay là bị người đương-sự cáo-tị (điều thứ 23 Pháp-viện biên-chế).

Giải nghĩa. — Hồi-tị và cáo-tị là hai cái thủ-tục đặc-biệt: Khi nào vì duyên-cớ sẽ kể sau này, quan thẩm-phán liệu định không nên đứng phân-xử một việc kiện nào của bản-nha đã thụ-lý, mà tự ý trình ra sự ấy thì gọi là xin hồi-tị,

nghĩa là xin lánh không xử. — Khi nào vì duyên-cớ sẽ kể sau này, người đương-sự xin không để cho quan thẩm-phán đã thụ-lý đứng phân-xử về việc kiện quan-hệ đến mình, thì gọi là xin cáo-tị quan thẩm-phán.

Luật nói : « *bất-cứ thuộc về án-vụ nào* », nghĩa là về hình-sự cũng như về dân-sự thương-sự ; « *quan thẩm-phán* » phải định nghĩa rộng, vừa là quan thẩm-phán chuyên-trách, vừa là quan thẩm-phán dự-khuyết (trợ-thâm) vừa là quan bồi-thâm, vừa là quan thẩm-cứu ; « *người đương-sự* » thì không cứ là chính bên nguyên chính bên bị hay là người bị đòi ra dự-sự, tự ra can-thiệp, song cái duyên-cớ viện-dẫn phải quan-thiết đến mình thì xin cáo-tị mới có hiệu.

Duyên-cớ. — Luật hạn-định những duyên-cớ sau này :

1^o Hoặc là quan thẩm-phán đối với bên nguyên hay là bên bị là vai họ nội từ hàng anh em con-chú con-bác trở lại, hay là vai họ ngoại từ hàng cậu hàng cháu trở lại. Luật định thế là để khỏi vị tình họ-hàng, song chớ nên hiểu rộng quá, vì chữ *trở lại* nghĩa là ngoài ra không kể.

2^o Hoặc là quan thẩm-phán đối với người đương-sự, trước đã có hay là hiện đương có việc kiện, mà thuộc về việc kiện ấy thì án nhất-định (nghĩa là hết hạn chống án) kết chưa quá một năm.

3^o Hoặc là quan thẩm-phán đối với việc kiện đương thừa ở tòa có lợi-quyền gì hiện có can-thiệp đến mình ; vì không có lẽ mình lại phân-xử lấy lợi-quyền cho mình.

Thủ-tục. — I *Thủ-tục thông-dụng cho quan thẩm-phán An-nam.*

1^o — Về việc hồi-tị.

a) *Hình-thức.* — Phạm quan thẩm-

phán muốn xin hồi-tị phải làm tờ trình nói rõ lý-do ; nếu quan xin hồi-tị là quan sơ-cấp, thì đệ tờ trình lên quan chánh-án đệ-nhi-cấp, để quan ấy chuyển trình lên quan chánh-án đệ-tam-cấp ; nếu là quan đệ-nhi-cấp, thì đệ tờ trình lên quan chánh-án tòa ấy, để chuyển-trình lên quan chánh-án đệ-tam-cấp ; nếu là quan đệ-tam-cấp, thì đệ tờ trình lên quan chánh-án tòa ấy.

b) *Kỳ-hạn.* — Tờ trình xin cáo-tị phải làm trước khi chưa bắt đầu công-phán thuộc về tình-lý việc kiện, nghĩa là trước khi chưa bắt đầu xét đến công-việc tranh kiện.

c) *Thẩm-phán.* — Quan chánh đệ-tam - cấp tiếp tờ trình sẽ sức biện-minh các lẽ rồi họp tòa ấy để quyết-nghị trong phòng nghị-sự. Quyết-nghị thế nào sẽ thông-đạt cho quan xin hồi-tị biết. Nếu tòa đệ-tam-cấp chuẩn đơn hồi-tị, thì quan-chức xin hồi-tị sẽ không được xét-xử về việc xin hồi-tị ; về việc ấy sẽ do quan khác đứng xử thay. Nếu tòa đệ-tam-cấp bác đơn xin cáo-tị, thì quan-chức xin hồi-tị phải cứ giữ quyền phân-xử như thường.

2^o — Về việc cáo-tị.

a) *Hình thức.* — Phạm người đương-sự muốn xin cáo-tị phải làm đơn theo cách-thức làm đơn khởi kiện theo điều thứ 2 luận Dân-sự Thương-sự-tổ-tụng, trong đơn phải nói rõ duyên-cớ xin cáo-tị ; phải đính theo giấy-má làm chứng-cứ. Nếu cáo-tị quan sơ-cấp thì đầu-đơn lên quan chánh-án đệ-nhi-cấp ; nếu cáo-tị quan đệ-nhi-cấp hay là đệ-tam-cấp, thì đầu-đơn lên quan chánh-án đệ-tam-cấp.

b) *Kỳ-hạn.* — Người xin cáo-tị phải đệ đơn chậm nhất là sau khi giải-hòa mà giải-hòa không thành hay là trước khi tòa-án chưa bắt đầu công-phán thuộc về tình-lý việc kiện.

C) *Thẩm-phán.* — Cáo-tị quan sơ cấp thì thuộc về tòa đệ-nhi-cấp thẩm-phán; trước hết quan chánh-án tòa ấy thông-tri cho quan bị cáo-tị đề quan ấy thuyết-minh, rồi tòa đệ-nhi-cấp sẽ chung-thâm về sự cáo-tị.

Cáo-tị quan đệ-nhi-cấp hay là đệ-tam-cấp thì thuộc về tòa đệ-tam-cấp thẩm-phán : trước hết quan chánh-án tòa ấy thông-tri cho quan bị cáo-tị biết rồi tòa đệ-tam-cấp (nếu là quan thẩm-phán An-nam đệ-tam-cấp bị cáo-tị, thì phải chọn một quan thẩm-phán An-nam ở ban khác hoặc một quan trợ-thâm để làm bồi-thâm) sẽ chung-thâm về sự cáo-tị.

Nếu đơn cáo-tị bị bác, thì người xin cáo-tị phải phạt bạc : cáo-tị quan sơ cấp thì phạt 5 \$, cáo-tị quan đệ-nhi-cấp thì phạt 10 \$, cáo-tị quan đệ-tam-cấp thì phạt 20 \$; ngoài sự phạt bạc tòa án lại có thể xử người xin cáo-tị phải

bồi-thường.... Nếu đơn cáo-tị được chuẩn, thì quan bị cáo-tị sẽ do quan thẩm-phán khác tạm thay.

II. Thủ-tục thông-dụng cho quan thẩm-phán Đại-Pháp

Nếu quan xin hồi-tị hay là bị cáo-tị chính là quan hành-chính, hoặc quan tư-pháp Đại-Pháp sung làm chức chánh án đệ-nhi-cấp, thì do tòa đệ-tam-cấp đứng xử, không có quan An-nam bồi-phâm ; khi ấy tòa đệ-tam-cấp sẽ cử một quan thẩm-nghị Đại-Pháp thay quan An-nam và chiếu thủ-tục thông-dụng cho quan thẩm-phán An-nam mà xử.

Nếu quan xin hồi-tị hay là bị cáo-tị chính là quan thẩm-phán Đại-Pháp ở đệ-tam-cấp, thì sẽ chiếu theo thể-lệ luật Đại-Pháp.

H. T.

(Còn nữa)

Cách ngôn

Cái nghĩa-vụ thứ nhất của thần-dân đối với nước, là cốt phải tuân-thủ pháp-luật. Pháp-luật đặt ra là lấy cái quyền-lực công-chính vô-tư, để hạn-chế bụng tư-dục của người ta và giữ gìn sự ích-lợi cho công-chúng : trừng-phạt kẻ gian-ác là để che chở cho người lương-thiện, và giữ sự trị-an cho nhà-nước. Thế cho nên làm kẻ thần-dân trong một nước phải nên phục-tùng pháp-luật, mà trước nhất là phải nên hiểu pháp-luật.

VĂN-HỌC-SỬ NƯỚC TÀU (1)

II

THIÊN THỨ II

Thời-dại từ-thắng

Lời tổng-thuật. — Từ đời nhà Hán, các nhà từ-phú thịnh lên, biết bao nhiêu người danh-nho tuấn-tài trước sau đua nhau, mãi đến đời nhà Đường hơn một nghìn năm, đại-đề chỉ chuộng văn-từ, cho nên gọi là thời-dại từ-thắng, nguyên-nhân bởi như sau này :

Một là quan-hệ về học-thuật :

A) *Sùng-thượng kinh-học.* — Từ khi đức Khổng phu-tử tu-định sáu kinh, các học trò đều đem cái học-thuyết của thầy truyền cho lại truyền-thụ lẫn cho nhau, từ bấy giờ kinh-học càng thịnh. Đến đời vua Võ-đế nhà Hán nghe lời Đồng Trọng-Thư, Vệ-Quán, ruộng bỏ cả trăm nhà, chỉ tôn-sùng một đạo Nho, nào là lập nhà Thái-học, đặt ra quan Bác-sĩ để dạy các đệ-tử sinh-viên, phong-khí đã khai dân, rồi đến đời Ngụy, đời Tấn, đời Nam-Bắc-triều, Tùy, Đường, phạm các học-sĩ đại-phu đều đua chuộng về lối học chương-cú huấn-hổ và các danh-vật, ảnh hưởng nó lan ra, đến văn-học cũng chỉ sùng-thượng văn-từ, không đoái xét chi đến cái lẽ chất-tục nữa.

B) *Lối chữ viết phổ-thông.* — Đời Hán vốn còn đạo cổ, văn sùng-thượng tự-học, cho nên Tiêu-Hà làm luật có một điều định rằng : « Hễ kẻ học-đồng hay đọc được lối chữ *Lưu-thể* tự chín nghìn chữ trở lên, thời được làm quan sử » Vì thế những người văn-hào trong đời thường thường làm ra sách khảo

chữ, Tư-Mã Trương-Như thời có thiên *Phàm-tương* 凡將 ; Dương-Hùng có thiên *Huấn-toán* 訓纂 ; mãi đến đời Lý-Đường vẫn còn lấy sách *Thuyết-văn*, sách *Tự-lâm* để thi hỏi học-trò về các lối chữ, tích-lũy lâu ngày, nên về sau lại càng thịnh mãi lên.

C) *Kẻ sĩ-phu su-hướng.* — Đời Hán-sơ còn chịu cái ảnh-hưởng của Khuất-Nguyên, Tống-Ngọc, hễ ai làm được lối văn *Sổ-từ*, là bậc văn-nhân cự-phẩm, cho nên kẻ nho-sinh như là Giả-Nghị 賈誼, Đồng Trọng-Thư 董仲舒, kẻ từ-khách như là lũ Mai-Thừa 枚乘, Nghiêm-Ky 嚴忌, Tư-Mã Trương-Như 司馬相如, Chu Mãi-Thần 朱買臣, Mai-Cao 枚皋, Nghiêm-Trợ 嚴助, trong sách sử đều khen những người ấy có tài văn *Sổ-từ*, cho nên trong đám sĩ-lâm tập-thành phong-thói, trái hơn nghìn năm vẫn không suy.

D) *Quân-chủ đề-xướng.* — Các vua đời Hán-sơ không chuộng văn-từ, song những các hàng phiến-vương như là Ngô vương Tị, Sở Nguyên-vương Giao, Lương Hoài-vương Ấp, Hiếu - vương Võ lại thích văn-từ lắm, mà hai vua nước Lương lại hết sức đề-xướng văn-học, cho nên những kẻ văn-sĩ như Giả-Nghị, Mai-Thừa, Nghiêm-ky, Tư-Mã Trương-Như đều là môn - hạ cả, đến khi vua Võ-đế lên ngôi, tính lại thích văn-từ, mà làm vua lại lâu năm, nên mới tập-thành ra phong-thói. Sau như các vua đời Ngụy đời Lương cũng tự mình xướng-suất mãi nghề văn-từ, đời vua Văn-hoàng lại càng thích từ-hoa lắm. Vì thế cái phong-

(1) Xem *Nam-Phong* từ kỳ 56. Dịch theo quyển Trung-quốc văn-học-sử của ông Vương Mộng Tằng 王夢曾

thói sùng-thượng từ-phú, liên-miên mãi trải đến hơn nghìn năm, nay chia ra bốn thời-kỳ như sau này :

1^o Thời-kỳ thứ nhất : Lối văn từ-phú cực-thịnh. (Từ đời Hán-sơ đến đời vua Võ-đế).

2^o Thời-kỳ thứ hai : Lối văn từ-phú biến ra lối biên-lệ (1). (Từ đời vua Hán Tuyên-đế đến cuối đời Tây-Tấu).

3^o Thời-kỳ thứ ba : Lối văn biên-lệ thành-lập. (Từ đời Đông-Tấn đến đời Lương Trần).

4^o Thời-kỳ thứ tư : Lối văn biên-lệ lại chuyển ra lối cổ-văn. (Từ đời Tùy đến đời Đường đời Ngũ-đại).

Chương-thứ III

Thời kỳ từ-phú cực-thịnh

TIẾT THỨ 15

Đại-khái văn-học đời Hán-sơ. — Nhà văn-học đời nhà Tần thời Lý-Tư là tay cự-phách. Tư là người nước Sở, cho nên văn-chương cũng chuộng từ-hoa, song cái thể-cách với khi-cốt hầy còn cái lối cũ như văn chư-tử bách-gia. Đời Hán-sơ mới yên việc binh-qua, khắp mọi nơi chia ra các nước phiên-bang, hình như cái cuộc chiến-quốc phân - tranh, vì thế kẻ văn-nhân thời ấy cũng còn theo cái thói đời nhà Tần, như là lũ Lịch Tự-Cơ 酈食其, Lý Tả-Xa 李左車, Khoái-Thông 蒯通, Vũ-Thiếp 武涉, Tùy-Hà 隨何, Lục-Giả 陸賈, thời vẫn căn-bản theo cái học-thuật tung - hoành của họ Tô họ Trương. Còn như Giả-Son 賈山, Giả-Nghị 賈誼, Triều-Thố 晁錯, thời cũng bắt chước họ Luân, họ Mạnh, họ Tôn, họ Ngô, họ Quán, họ Yến, song vì thiên-hạ còn nhiều việc, nên chưa bàn đến việc văn-chương phong-nhã được.

TIẾT THỨ 16

Đời vua Văn vua Cảnh, lối văn từ-phú mới nổi lên. — Đời vua Văn vua Cảnh không chuộng lối văn từ-phú, mà từ-phú lại khởi-phát lên từ thời ấy. Sáng-thủy ra trước là tự Giả-Nghị. Nghị là người đất Lạc-dương, vì ở thời ấy bất-đắc-chí, nên có làm ra bài phú Tích-thệ 惜誓, bài Điều-Khuất-Nguyên 吊屈原, bài phú Phục-diều 鵬鳥, đều bắt chước tự Khuất-Nguyên Tống-Ngọc. Phong-khi khai dân mãi ra, rồi đến ông Châu-Dương 鄒陽, Mai-Thừa, Hoài-nam 淮南小山, Nghiêm-Kỵ nổi theo, vẫn còn theo trong cái phạm-vi lối văn Ly-tao, như là bài Mai-thúc-thất-phát 枚叔七發 thời thoát-thai ở bài Thiên - vấn thất-gián 天問七諫; bài Đối-Sở-vương-vấn 對楚王問 thời làm biến-hóa ra cho kỳ-quái diễm-lệ, cái mảnh-mối lối văn từ-phú nhà Hán là phát-đoan ra từ đó.

TIẾT THỨ 17

Thời vua Hán Võ-đế lối văn từ-phú cực-thịnh. — Vua Võ-đế sùng-thượng văn - học, làm bài chiếu-lệnh nào ra cũng văn - hoa trang-sức quá hơn đời vua Cao-tổ, vua Văn vua Cảnh, cho nên những người tả-hữu cận-thần toàn là người văn-học cả. Khi ấy có Trang-Trợ 莊助 là tiến lên trước nhất, rồi đến Chu Mãi-Thần 朱買臣, Ngô Khâu-Thọ 吾邱壽. Lại có Tư-Mã Tương-Như 司馬相如 tên tự là Trường-khanh 長卿 người đất Thành-đô, khi vua Võ-đế mới lên ngôi, đọc bài phú Tử-hư 子虛 của Trường-khanh lấy làm hay, bèn sai tả-hữu vờ đến, cho làm bài phú Thiên-tử du-liệp 天子遊獵, vua Võ-đế lấy làm thưởng-thức lắm. Rồi lại có lũ Đông - Phương-Sóc 東方朔, Mai-Cao, Chung-Quán

(1) Lối văn đặt đối nhau từng câu song-quan cách-cú.

終軍, mà Tượng - Như, thời đứng đầu, những bài phú Thượng-lâm 上林 Tử-hư 子虛 của ông dấu nguồn gốc từ bài phú Cao-đường 高唐, song từ tảo khí-phách lại hơn. Thứ hai đến Sóc 朔 với Cao 鼻, văn ông Sóc thời hơi tạp giọng khôi-hài, văn ông Cao cũng đồng-bệnh ấy, song có tài mãn-tiếp. Văn ông Sóc thời có bài *Đáp-khách-nạn* 答客難 và bài luận *Phi-hữu-tiền-vương* rất hay, dấu rằng khí-phách từ - hoa không bằng ông Cao, song chính-đỉnh hơn ông Cao. Ông Trường-Khanh thời hơn hết cả.

TIẾT THỨ 18

Cái trạng-huống văn luận-lý sau khi văn từ-phú nổi lên. — Từ sau khi lối văn từ-phú nổi lên, các nhà làm tản-văn, dấu không được thịnh bằng lúc Hán-sơ, song các nhà đại-văn-gia xuất-hiện ở thời ấy cũng nhiều, như ông Đồng Trọng-Thư làm ra bài *Thiên nhân-tam-sách* 天人三策, đã bỏ cái lời cấp-thiết của ông Giả-Nghị, mà giọng văn đã hàm-dưỡng thung-dung, lý-luận rất là thuần-chính. Công-Tôn Hoằng 公孫弘 có bài *Hiền-lương đối-sách* 賢良對策, lời văn cũng ôn-hậu nho-nhã. Lại còn như Chủ-Phủ Yền 主父偃 có tờ thư can dưng đánh rợ Hung-nô, rõ rệt và nghìn lời nói, lời văn cũng sơ-khoảng khoáng hoát. Từ-Nhạc 徐樂, Nghiêm-An 嚴安 có bài điều-trần thế-vụ, lời văn cũng chỉnh-khiết có phép. Còn như văn Tư-Mã Thiên 司馬遷 thời thực là hoành-tuyệt thiên-cổ, cũng xuất-hiện ra ở thời ấy. Thế thời trong hơn năm mươi năm đời vua Hán Vũ văn-học thực là thịnh đến cực-điểm.

TIẾT THỨ 19

Thê kỹ-truyện của nhà chép sử thành-lập. — Ông Thiên sinh ra ở đất Long-môn, cha tên là Đàm 談, năm đầu đời vua Võ-đế làm quan Thái-sử-lệnh đã có trước-thuật sử-lệnh-dại, chữa xong mà mất. Thiên nối giữ chức của cha,

bền khởi-phát lập ra phạm-lệ, làm thành pho *đế-kỷ-liệt-truyện*. Thế, gia-biểu-thư một trăm ba mươi thiên, thực là một pho đại-trước-tác không - tiền-tuyệt-hậu, mà thực là một ông tỉ-tổ về thê văn quốc-sử kỹ-truyện vậy. Song ông Thiên sở-trường không phải ở phạm-lệ mà cốt tại ở văn, cứ như lệ thời thê kỹ-truyện thế gia gốc từ kinh Thượng-thư Quốc-ngũ; thê biểu-thời gốc từ thê Thế-bản, thê bát-thư thời gốc từ thiên Vũ-cống, thiên Chu-quan; ông Thiên chẳng qua nhặt lấy những điều sở-trường của người trước, hợp lại mà làm thành ra một pho sách, sở dĩ nguy-nhiên làm tổ cả các nhà văn-gia, sử-gia trăm đời ấy là cốt tại ở văn khéo phô bày sự-lý, biện-bác mà không văn-hoa, chất-thực mà không què-mùa, không điều tốt nào là không nói đến, không điều thiện nào là không chép đủ, những các nhà cổ-văn về đời Đường đời Tống trở về sau, nếu bắt chước được một đôi chút-đỉnh, cũng đủ ngạo-nghe một đời. Người ta khen ông Thiên hay nói được lối văn Tả-thị, thực là chí-đáng vậy.

TIẾT THỨ 20

Thơ ngũ-ngôn và lối nhạc-phủ mới xướng-khởi lên. — Đường thời ấy lại có lối thơ ngũ-ngôn và lối nhạc-phủ. Từ đời Hán mới chia ra thơ với nhạc khác nhau. Bài ca Đại-phong 大風 của vua Hán Cao-tổ, là còn thừa cái phong-khí cuối đời nhà Chu, vẫn còn là lối thơ thất-ngôn. Bài ca phòng-trung của bà Đường-sơn phu-nhân, thời là nhân cái ảnh-hưởng từ bài Thành-tướng của Tuân-khanh, vừa làm tam-ngôn tứ-ngôn lẫn lộn, đời Hán cho đó là lối nhạc. Bài ca Hồng-học 鴻鶴 của vua Cao-tổ, bài ca Tử-chi 紫芝 của ông Tư-hiệu Thương-sơn, bài thơ phúng-gián của ông Vi-Mạnh, đều là tứ-ngôn, đời Hán bèn cho đó là lối thơ. Đến đời vua Văn vua Cảnh lối thơ ngũ-ngôn mới khởi-phát ra, xướng

khởi ra trước là tự Mai-Thừa, nay còn truyền cổ-thi 19 bài, như những bài: *Thanh-thanh hà-bạn thảo* 青青河畔草; *Tây bắc hữu cao lâu* 西北有高樓; *Thiệp giang thái phù-dung* 涉江採芙蓉; *Đình trung hữu kỳ-thụ* 庭中有奇樹; *Thiều - thiều Khiên - ngưu tinh* 迢迢牽牛星; *Thành đông cao thả trường* 城東高且長; *Minh-nguyệt hà hiệu-hiếu* 明月何皎皎. Bài *Ngọc-dài tân vịnh* 玉臺新詠 người ta cũng đều cho là Mai-Thừa làm ra. Vua Võ-đế lại thích làm lối thất-ngôn, như bài *Biều-tử-ca* 匏子歌 thật là cổ-kính, bài *Thu-phong-từ* 秋風辭 thật là mỹ-lệ uyển-chuyên, và những bài vua tôi xướng-họa vịnh đài Bách-lương, đều là thể thất-ngôn cả. Các nhà văn-nhân lại thích làm thơ ngũ-ngôn, Trác Văn-Quan 卓文君 có bài *Bạch-dầu-ngâm* 白頭吟; Tô-Vũ 蘇武 Lý-Lăng 李陵 có bài *Hà-lương tống-biệt* 河梁送別 thơ họ Tô họ Lý thời thật là ý-trường thần-viễn, âm-hòa điệu-thích đủ làm tổ trăm đời cho lối thơ ngũ-ngôn, thơ đời Hán thịnh lên từ đó. Vả tự vua Cao-tổ định cho bài *Phòng - trung - ca* 16 chương làm nhạc tế; vua Võ-đế định lễ tế giao, bèn mới lập ra nhạc-phủ, nhặt các câu thơ lại để hát đêm, lấy cả những câu âu-ca nước Triệu cùng nước Tần nước Sở, cho Lý Diên-Niên 李延年 làm quan Hiệp-luật đô-úy, họp cả mọi người văn-học như là Tư-Mã Trưng-Như, Mai-Cao làm ra bài ca tế giao 19 chương, nhà Hán từ đó mới đủ các khúc nhạc-phủ, mà thực làm tiên-thanh cho các từ-khúc tự đời Tống, Nguyên trở về sau.

Chương thứ IV

Thời-kỳ từ-phủ biến ra lối biên-lệ

TIẾT THỨ 21

Thời-kỳ thứ nhất. — Tự đời vua Chiêu vua Tuyên cho đến đầu đời Đông-Hán là thời-kỳ thứ nhất, họ Mai

họ Mã đều biến các thể-cách từ-phủ của Khuất-Nguyên, Tống-Ngọc, song làm ra lời uyển-chuyên để đạt-ý, điệu tông-thác để thành-văn, vẫn chưa thoát khỏi cái diện-mục bản-lai của lối từ-phủ. Đến thời vua Tuyên-đế lại theo như việc cũ vua Võ-đế, với những người tài văn Sở-từ như là lũ ông Bị-Công 被公, Lưu-Hương 劉向, Trương Tử-Kiều 張子僑, Hoa-Long 華龍, Liễu-Bao 柳褒; ông Vương-Bao cũng là người tài giỏi được vời vào. Ông Bao là người nước Thục làm văn thuần dùng lối văn biên-ngẫu, xem như bài tụng *Thánh-chủ-đắc-hiền-thần* thời biết.

Đó thực là trên biến lối văn họ Mai họ Mã, mà dưới khởi-phát cho họ Thôi họ Sái. Đến đời vua Thành vua Ai lại có ông Dương-Hùng 楊雄 nổi lên, một mình lập-dị ra một lối văn. Ông Hùng cũng là người ở Thành-đô, lối văn hay mô-phỏng bắt chước ông Trương-Như, có làm bài phú *Trường-dương* 長楊, cũng giống như một cách-diệu với bài phú *Tử-hư* của ông Trương Như. Lối văn biên-ngẫu của Vương-Bao khai mào ra, cuộc văn-chương đã muốn biến mà không thể biến đổi ngay được, cũng là vì có công Dương-Hùng vậy. Nối theo sau lại có Ban-Cố 班固, Trương-Hành 張衡, Cố là người Phù phong, cảm-giác những lối văn của Trương-Như, Thọ - Vương, và Đông-Phương Sóc ngày trước, có làm bài phú *Lưỡng-đô*, cũng bắt chước bài phú *Tử-hư* và bài *Thượng-lâm* mà làm khôi-trương ra cho rộng, dẫu có hơi bề-bộn quá, nhưng cũng là cái cách-diệu lối văn Trương-Như. Ông Hành người Nam-dương, thường bắt chước bài phú *Lưỡng-đô* của Ban-Cố mà làm bài phú *Lưỡng-kinh*, nghiên ngẫm đến mười năm. Thuyết-giả có người bảo rằng: Bài phú Tây-kinh thời hùng-vĩ, đủ sánh được bậc Lan đài; còn bài Đông-kinh thời khí văn

yếu không được lưu-loát, dễ thường cái lưu-phong dư-vận của họ Tư-Mã đến đó đã hơi suy mà muốn chuyển biến khác vậy.

TIẾT THỨ 22

Lối văn luận-lý biến cách. — Đồng-thời với Vương-Bao thời có ông Lưu Hưởng 劉向, Ông Hưởng tên tự là Tử Chính 子政, con cháu sau vua Nguyên-vương nước Sở, văn-chương quán-thông cả mọi sách, kể dường yêm-bác thời hơn Đồng Trọng-Thư, nhưng tinh-vi thời không bằng; tuy rằng bút-lực không bằng họ Đồng, nhưng bác-hợp hơn mà lại có cái khí hùng - kiệt. Kịp đến ông Phùng-Diễn 馮衍 nổi lên mới biến hẳn văn cách. Ông Diễn tên tự là Kinh-thông, người đất Kinh-triệu, làm văn thời thuần là phò-diễn đối nhau, như bài thuyết *Liêm-dan*, bài thuyết *Pháo-vĩnh* và bài *sớ-tự* điều-trần, đều là phò-diễn đối nhau cả.

Từ đó trở về sau, như bài *Luận-hành* 論衡 của Vương-Sung 王充, bài luận *Tiêm-phu* 潛夫 của Vương-Phù 王符, bài *Xương-ngôn* 昌言 của Trọng-Trường-Thống 仲長統, bài *Chính-luận* 政論 của Thôi-Thực 崔寔, bài *Thần-giám* 申鑒 của Tuân-Duyệt 荀悅, những bài trên đó luận-biện thời-sự, phân-biệt phải-chăng lối văn đều phò-diễn bày ra chớ không có cái khí-khái tuấn-vĩ lối - lạc, đó là tự lối từ-phú mới biến ra lối văn biền-lệ mà chữa thành, mà lối văn luận-lý lại ra trước nhất.

TIẾT THỨ 23

Lối văn chép sử mới ngắt ra chép từng đời. — Bản sử-ký Tư-Mã Thiên làm ra là sách *Thông-sử*. Tự khi Ban-Cổ chịu tờ chiếu nhà vua biên-tập sách *Hán-thư*, cứ theo sự-tích một đời Tiên - Hán làm thành ra thể kỷ-truyện biều-chí 120 quyển, đời sau ngắt ra từng đời mà làm ra sách sử là trước tự đó. Trong sách chép từ đời Võ - để trở về

trước, thời nhật lấy ở *Sử-ký*; chép từ năm Thái-sơ trở về sau, thời nhật lấy cả văn của *Sử Hiếu-Sơn* 史孝山, *Trử Thiếu-Tôn* 褚少孫, *Dương-Hùng* 揚雄, *Lưu-Hâm* 劉歆, *Ban-Buru* 班彪, *Tào đại-gia* 曹大家, văn-thề rất là bác-tạp không được thuần, không bằng sách *Sử-ký* làm thành ra là ở tay *Đàm*, *Thiên* hai cha con có phẩm tinh-túy hơn. Vả lại sách *Sử-ký* sơ-lược mà sách *Hán-thư* mật - sát, sách *Sử-ký* hoảng-phóng mà sách *Hán-thư* tường-chỉnh, cứ như thể sách-sử mà nói thời *Hán-thư* đặc-thể, cứ như văn mà bàn thời *Hán-thư* kém *Sử-ký* một bậc.

TIẾT THỨ 24

Thời-kỳ thứ hai. — Là tự đời vua Minh vua Chương đến cuối đời Đông-Hán là thời-kỳ thứ hai. Phùng Kinh-Thông đã lấy lối văn bài-diễn biến cái thể-cách văn luận-lý, đến khi làm bài phú *Hiển-chí* 顯志, cũng phỏng thể *Ly-tao* chuộng làm lời văn biền-ngẫu, thể biền-ngẫu bắt đầu ra từ đó. Kinh-Thông thời là thòi cái gio tàn của Vương Bao, mà ông Ban Cổ, họ Thôi họ Sái lại nối thêm lửa vào cho cháy lên. Ông Cổ có làm ra *điền-dẫn*, thể-tài cũng mật - sát, thực là mở ra thể văn biền-ngẫu. Ông Thôi Nhân 崔駰 có bắt chước thể *Giải-trào* của Dương Hùng làm ra thiên *Đạt-chỉ* 達旨, lời văn bài-ngẫu mà ý nông nổi. Sái Ung 蔡邕 thời nhân cảm-súc cái bài *Khách-nạn* của Đông-Phương Sóc và các lối văn của Dương Hùng, Ban Cổ, Thôi Nhân, làm ra bài *Thích-hối* 釋誨 cũng chuộng thể biền-ngẫu, song tài không giỏi cho nên khí văn càng kém. Đương lúc ấy lại có người cổ-diện độc-dan đề-xương lối văn của họ Mai họ Mã là ông Mã Dung 馬融, Vương Diên-Thọ 王延壽. Ông Dung làm ra bài phú *Quảng-thành* 廣成 mĩ-lệ điền-nhã, ba lan rộng rãi. Ông Diên Thọ làm ra bài phú *Lỗ Linh-quang điện* 魯靈光殿

văn-thái phát-việt, linh-cơ lưu-loát, cũng còn có cái di-phong lối văn Tây kinh. Song lối văn Đông-kinh, tuy bài-diễn ra mà không đối, làm theo biên-thể mà không nệ, khí-cách dẫu kém Tây-kinh, nhưng vẫn khác lối văn về đời Tấn, Ngụy.

TIẾT THỨ 25

Thể chữ biến-đổi. — Đời nhà Tần đã làm ra lối chữ *Triện* chữ *lệ*, đời Hán dẫu kiêm tập cả tám thể chữ, song những ấn tín thời dùng chữ *Triện*, còn các việc khác đều dùng chữ *Lệ*. Thời nhà Tần lại có lối chữ *Thảo*, song vẫn chưa thông-hành. Đến đời vua Nguyên-đế nhà Hán, quan Hoàng-môn-lĩnh là Sử-Du làm chương *Cấp tưu* 急就 viết bằng chữ *Thảo*, song lối chữ còn nhiều chỗ gợn vấp. Đời Đông-Hán đã biến văn-thể, cho nên tự-thể cũng biến đổi, Trương Chi 張芝 đặt ra lối *Thảo-thư nhất-khi*, Vương Thử-Trọng 王次仲 đặt ra lối *bát-phân*, Trần-Tuân 陳遵 đặt ra lối *biến-thể*, dụng để viết những tờ biểu-chương tiên-ký trình-khóa, nên gọi là lối chữ chương - trình. Trung Do 鍾繇 thời làm ra lối chữ *khải*, Lưu Đức-Thăng 劉德昇 lại làm ra lối *hành-thư*, tự-thể đến thể mới đủ dùng.

TIẾT THỨ 26

Thời-kỳ thứ ba. — Là về thời-kỳ Tấn Ngụy, Lúc đời Tam-quốc, có cha con họ Tào, và bảy nhà danh-thi Kiến an, đều có tiếng hay chữ. Song Ngụy-Võ thời giỏi về bút pháp chứ không giỏi về văn. Văn-đế thời tứ quân mà không rộng rãi; Khổng Dung 孔融 thời sở-trường về bút-pháp; Vương Sán 王粲 thời sở-trường về phú; Từ Cán 徐幹 thời sở-trường về luận; Trần Lâm 陳琳, Nguyễn Vũ 阮瑀 thời sở-trường về văn hịch; Lưu Trinh 劉楨 Ứng Dương 應瑒 thời sở trường về văn thư-ký. Kiêm cả sở-trường của các nhà mà hơn nhất thời ấy thời có ông Tào Thực 曹植. Tuy

tên tự là Tử-Kiến 子建, vẫn làm ra thời mô-phỏng lối văn Đông-kinh, mà lại chỉnh-khiết, cho nên lối văn biên-lệ lại càng khoáng-trương mãi ra, xem như bài phú *Lạc-thần* 洛神 thời biết, lời văn đẹp dễ như ngọc châu, lối văn Lục-triều mĩ-lệ là tự ông Thực khai mào ra vậy. Đến khi Lục Cơ 陸機 nổi lên, cái văn-phong ấy lại càng thịnh, đời nhà Tấn có ông Trương Hoa 張華, Tôn Sở 孫楚, Chi Ngu 摯虞, Thúc Tích 束皙, Kê Khang 嵇康, Nguyễn Tịch 阮籍, dẫu văn chương có vẻ thanh-kỳ cùng đậm đều có sở-trường cả, song cũng đều là theo sau họ Ngụy, trông theo đời Lưỡng-Hán, chớ không có câu nệ gì lối văn biên-lệ. Ông Cơ là người nước Ngô, cuối năm Thái-khang cùng với em là Văn 雲 vào đất Lạc, nổi tiếng văn-chương hoa-tảo, đối đáp tinh-công, mà Lục-Cơ lại càng tuấn-tú hơn. Xem như bài phú *Hào-sĩ* và bài *Văn-phú*, di văn liên-châu, lại mở ra cái lối văn tứ-lục, thể văn biên-lệ như thế cũng ví như con ngựa kỳ-ký chạy sộc xuống dốc không thể nào hãm-ngữ lại được. Song đương lúc đời Tấn đời Ngụy giao-tiếp, các nhà văn-nhân phương Bắc, hãy còn nệ giữ cái qui-củ đời Lưỡng-Hán, như là Tào Nguyên-Thủ làm bài luận lục-đại, văn-từ phóng-dật còn có cái di-phong đời Tây-Hán, Hà Bình-Thúc làm bài phú *cảnh-phúc*, văn cũng đẹp-dẽ cứng-cáp, đều là thoát-thai lối văn Đông-đô. Đương khi Cơ, Văn vào đất Lạc, phương bắc còn có ba anh em họ Trương là: Tải, Hiệp, Cang, cũng chỉ muốn địch với họ Tào họ Vương, theo kịp họ Mai họ Mã. Đồng-thời với Cơ-Văn, lại có ông Phan-Nhạc 潘岳, xem như bài phú *Tịch-điền*, *Xạ-trĩ*, khi-lục hùng-hồng có khác gì Ban Mã. Cùng với Phan-Nhạc tề-danh lại có ông Tả-Tư 左思, làm ra bài phú *Tam-đô*, hoa-tảo dẫu không bằng Sĩ-hành, nhưng Sĩ-hành cũng phải chịu, bởi vì văn-thể cách-cục của ông, muốn vượt hơn Tào

Thực, Vương Sán, mà dè cả Dương Hùng, Ban Cố, thực là một cái cột đá đứng ở giữa dòng, là nhờ có ông vậy.

TIẾT THỨ 27

Phát-minh cổ-sử-học. — Đương thời ấy các nhà sử-học theo thể-lệ cũ mà làm sách sử, thời có sách *Tam-quốc-chí* của Trần-Thọ 陳壽 nước Tấn, lại chép tôn nước Ngụy cho là chính-thống, đời sau dấu ché là không phải, nhưng xưa nay vẫn liệt làm chính-sử. Còn như mới phát-minh ra ấy là sách cổ-sử. Tư-Mã Thiên làm ra sách *Sử-ký*, chép từ đời vua Hoàng-đế trở xuống. Từ khi đời Hán có cái học sấm-vĩ nổi lên, kẻ học-giả thường lấy lời sấm đề giải kinh, lại đem sao chép lại để làm sách cổ-sử. Ngô Vi-Chiêu 吳韋昭 có bài *Đổng-ký*, chép từ đời họ Bào-hi. Thục Tiều-Chu 蜀譙周 có bài *Cổ-sử-khảo*, cho vua Thần-nông, vua Viêm-đế làm hai người, lời nói cũng khá tin được. Tấn Hoàng-Phủ 皇甫謐 làm sách *Đế-vương-thế-kỷ*, chép bắt đầu từ đời Tam-hoàng. Bởi thế những việc đời hoàng-cổ, mới dần dần có thể kể ra được.

TIẾT THỨ 28

Thi-học lại chấn-hưng. — Từ đời Hán Võ trở về sau, nghề làm thơ đã suy dần, trong khoảng đời vua Nguyên vua Thành, chỉ có bài thơ *Tự-hặc* của ông Vi-Huyền-Thành 韋玄成, thời thực là cổ-kính uyên-thâm, có thể sánh với bài văn *Tại-châu* của Vi-Mạnh được, đó là thể tứ-ngôn. Bài *oán-ca* của nàng Ban-Tiếp-Du, dụng ý dụ-dàng tinh-vi, âm-vận hoà-bình, đáng khen là bậc nhất ở thời ấy, đó là thể thơ ngũ-ngôn. Còn về sau thơ tứ-ngôn như ông Phó-Nghị, không theo gót kịp được hai họ Vi. Thơ thất-ngôn như bài *Đông-dô* của ông Ban-Cố, lại hầu giống như vận-văn. Đến như bài *Ngũ-y* 五噀 của Lương-Hồng, bài *Tứ-sầu* 四愁 của

Trương-Hành, lại tự thành ra một thể thơ riêng, không thể sánh với thơ đại-nhã được. Chỉ có bài thơ *Âm-mã Trường-thành* 飲馬長城 của Sái-Ung, bài thơ tặng vợ của Tần Gia, hai bài ấy đều ý-từ chiền-miền khúc-chiết, hoà-nhã động lòng người, song cái di-phong hồn-hậu của nhà Tây-Hán cũng đã xa vắng đi mất cả. Đến khi bảy nhà danh - thi Kiến-an (về đời Ngụy-Tào) nổi lên thời thi-học mới lại chấn-hưng. Thơ vua Ngụy Võ thời trầm-hung, phảng-phất được như thơ tam-hầu; thơ vua Văn-đế thời uyển-chuyên, gần giống như bài *Thu-phong*; còn như thơ ông Tào-Thực thợt lại đủ cả ngũ-sắc rõ ràng, hợp cả bát-âm hoà xướng, trên nổi được họ Tô họ Lý, dưới khai được trăm đời, nay kể những điều quan-hệ về thi-giới đời sau như sau này:

1^o là *điệu*. — Cổ-thi thời không phải cần nghĩ ngợi, song thơ Tử-kiến thời khởi-điệu lên tất dụng-công, đều cố ý làm cho thật công-xảo.

2^o là *chữ*. — cổ-thi không phải rèn đút từng chữ, song Tử-kiến thời luyện từng chữ rõ khéo, đều chọn những chữ tiêm-tàn rèn đúc cho rõ luyện.

3^o là *thanh*. — Cổ-thi âm-hưởng tiết-tấu tự-nhiên, song thơ Tử-kiến thời tiếng bằng tiếng trắc ôn-luyện, bài nào cũng âm-điệu khanh-trương, đã phát-lộ ra cái mảnh-mối thơ Đường-luật.

Đó là phân-biệt thơ Hán với thơ Ngụy, song thể thơ khi văn của đời Ngụy, vẫn còn chứa mất cái lối cũ đời Tây-Hán. Trong thất-tử đời Ngụy thời Công - Cán 公幹, Trọng-Tuyên 仲宣 hơn cả, vì với Tào-Thực, cũng như là Hán-Tín, Bành-Việt ví với vua Hán-Cao. Đời nhà Tấn thời có Trương Hoa 張華 Phó - Huyền 傅玄 cũng

là tay hay thơ. Ông Thúc - Tích bỏ những bài thơ mất ở trong kinh Thi, cũng phong-nhã lắm. Ông Cơ ông Vân nổi nên thời chỉ chuyên-công thơ vịnh-vật, ngoài cái lối cổ-thi ngôn-chí ra, lại mở thêm một đường thơ nữa, chững-chất những câu bài-ngẫu, cùng với ông Phan-Nhạc cùng làm biến mất cái phong-cách thơ hùng-kiện của hai đời Hán, mà đem vào

lối phô bày nông nổi. Thi-nhân đời ấy mà hay nổi được thanh-âm họ Tô họ Lý, chỉ có Nguyễn-Tịch với Tả-Tư mà thôi. Bài thơ vịnh-hoài của Nguyễn-Tịch, thời thiên-cơ linh-động; bài vịnh-sử của Tả-Tư, thời sơ-khoảng nhàn-nhã, đều có phong-cốt cứng cỏi đủ ngăn được cái sóng đời-ba của họ Lục họ Phan.

ĐÔNG-CHÂU dịch

AI-LAO HÀNH-TRÌNH ⁽¹⁾

Ngại ngừng chân bước lên tàu,
Kể đi người ở thành sâu ai xây ?
Trương-đỉnh tiên biệt là đây,
Kià trắng sông Nhi, nọ mây núi Nùng.
Chia tay trong lúc hàn-đông,
Ngàn mai về tuyết, non tùng hơi sương.
Mấy lời dinh-chúc tỏ trường,
Ngọc-vàng há dám coi thường tác-gang.
Tình thân-thích, nghĩa chi-lan,
Dầu lòng xa cách quan-san nghìn trùng.

Sau mặt nhà Ga, trước đường thiết-lộ, hồi một giờ ngày mười tháng chạp năm canh-thân, đông đủ cha mẹ, anh em, bè bạn, ra đưa chúng tôi lên tàu, để sang tông-sự bên xứ Ai-lao. Người sâu nét mặt, kể gặt hàng châu, lời dặn trân-trọng của thân - nhân, tiếng chào ân-ái cùng quý - hữu. Trông tình mà cảm, nghĩ nổi thêm buồn ! Thấm thoát nửa chuyền đồng-hồ, tiếng còi nổi hiệu, tỏa ngọn khói đen, chân bước lên tàu, sàu chia đôi ngã. Tàu chạy đã xa ga, càng trông càng khuất, nhìn mãi lại, nào còn thấy chi, trông cảnh cảnh nhạt, trông mây mây rầu, trông hoa hoa khuất, trông người người xa, *Bàng-khuáng nhớ cảnh nhớ nhà, cảnh xa lạ cảnh nhà xa lạ nhà.*

Tôi ngồi trên lầu thơ thần, ruột tằm

trăm mối tơ vương, ngoảnh mặt trông về miền núi Nùng sông Nhi, tấm lòng yêu nhớ, hạt lụy khôn cầm. Tàu chạy vùn vụt, qua sông qua tỉnh, kinh-thành lấp bóng, thôn-dã lộ hình. Cõi phong cảnh đổi thay, nhanh như chớp mắt, há cuộc đời dẫu bề cũng như thế chẳng ru !

Bỗng chốc, tàu đã tới Ga Hải-phòng, chúng tôi xuống tàu, trong lòng ngơ ngẩn. Trông về phương tây, một vùng đỏ chói đã gần chân trời; đàn chim nhạn đang bay về tổ, con la con bông, tiếng kêu riu-rit, vui vẻ cùng đàn, thấy vật mà cảm tình, ngắm cảnh mà ngán dạ. Chợt nhớ câu : « *Nam-nhi chi tại tứ phương* », lại tự nghĩ rằng : « *Quản chi trèo núi lội sông, gió trắng một túi tang bông đôi vai* ». Lúc bấy giờ bóng chiều đã tà-tà, tôi đến sở Đốc-ly trình giấy, lấy vé ở nhà tàu bẻ, mang hành-lý xuống tàu. Đoạn rồi, chúng tôi lên chơi xem phố ta phố khách, coi phong-cảnh vui vẻ mà bụng nào có vui, người buồn cảnh có vui đâu bao giờ.

Quá khuya, chúng tôi về nghỉ nhà người bạn. Nhưng thế nào mà yên được giấc hòe. Tôi ngồi tựa ghế cho tôi gà gáy, tỉnh như mơ, lo cùng

(1) Bản-chỉ tiếp được bài *Ai-lao hành-trình* của ông Trần Quang-Huyền khi sang làm việc bên Vientiane đã có công ký-thuật những điều kiểm-vấn trong khi lịch-lâm, vậy cứ nguyên-văn lục-đăng như sau này.

nghĩ, sầu riêng khôn xiết nói ra. Đêm khuya canh vắng, lại nghe tiếng đồng-hồ kêu tích ! tích !... như gọi cơn buồn. Chuông báo 4 điểm, chúng tôi lên xe ra bến tàu. Vũng đông vừa rạng, bóng thỏ đã mờ, nước biển mông-mênh, gió sa lộng-lộng. Tháp thoảng đàng xa mấy ngọn Đảo, nhấp nhô mặt sóng mười cánh mảnh. Cảnh tạo-hóa tra nhìn, bức tranh sơn thủy thiên-nhiên, bút tiên khôn họa.

Bóng Hăng vừa khuất non cây,
 Vũng đông tia ngắt, nước mây một màu.
 Lồng đáy nước bóng tàu thấp-thoảng,
 Ánh thái-dương nhấp-nhoáng đầu non,
 Ngư-ông chiếc bách con con,
 Nhấp nhô mặt sóng, lon son giữa dòng.
 Mở coi-mắt mênh-mông biển Cả,
 Cảnh tự-nhiên bút tả nên thơ.
 Xông tàu, hành-khách ngâu-ngơ,
 Buồn trông mặt bề chân bờ xa xa.

Chúng tôi xuống tàu « Orénoque », vừa tang-tảng sáng, ở riêng một phòng, trong phòng có sáu giường nằm, bắc từng lên hai bên, bàn rửa mặt, gương soi, một ngọn đèn điện. Phòng ăn cũng gần đây, bữa ăn có chuông báo. Chiếc tàu ấy dài rộng, cũng là một chiếc tàu lớn chạy bề.

Hồi 7 giờ, súp-lê một tiếng, tàu quay mũi ra, sinh-sịch trên mặt nước, rẽ sóng ra hai bên; chân bờ càng trông càng xa tít. *Coi đà xa cách nước nhà, chân mây mũi bẻ biết là quê đâu?* Ra khỏi Đầu-sơn, mông-mênh một trời một nước, tiếng sóng ào-ào, tiếng gió vu-vu, tàu du như võng đưa, chèo bên nọ, nghiêng bên kia, trông ra bề, sóng hoa cả mắt, chúng tôi thấy trong bụng nôn nao, nằm yên trong phòng không dám dậy.

Suốt đêm, trời trong trăng sáng, mặt bề gấm thêu, đáy nước vàng lát, nằm trên mặt sóng, trông lên cung

trăng, biết bao nhiêu sự mơ-tưởng: Ước gì được lên gốc Đa, ngồi với chú Cuội, để ngắm Thế-giới: Kê tranh danh, người tranh lợi, kia đua trí, nọ đua tài, nghìn hình muôn trạng, biến hóa khôn cùng, như hoa sen nở, như cánh trà tươi, như ngọn lửa cháy, sáng khắp chân trời, như dòng nước lên, đầy chàn mặt đất. Núi sóng gấm vóc, cây cỏ quỳnh giao, hiện ra một chốn vũ-đài, áo xiêm rực rỡ, cờ quạt bành bao, múa hát tung bừng, trống chuông rầm rĩ, vui thú biết nhường nào!

Đài-múa, nay ra đủ mặt trò,
 Cung-trăng coi tỏ tấn tuồng to.
 Thử nhờ di gió đưa tin họ,
 Nhấn Cuội đem thang bắc xuống chơ.

Quá nửa đêm rạng ngày 12, tàu chạy qua cửa Thần-phù. Sóng lên cuộn-cuộn ầm ầm như sấm, hết lớp nọ đến lớp kia; gió thổi vu vu, rào rào như bão, thối cơn này kể cơn khác. Tàu chạy lúc bấy giờ, coi cảnh-tượng thiệt rất hãi-hùng!

Thần-phù có phải chốn này không?
 Cửa biển tàu qua sóng hãi-hùng!
 Khói tỏa lưng trời mây tám mạn;
 Mây chao mặt bề nước mênh-mông.
 Nội chìm truyện cũ nào ai biết?
 Khéo vụng đường tu thử mắt trông.
 Thần sóng có sao to mãi thế?
 Mũi tên Tam-thánh há còn dung!

Đến 5 giờ chiều, tàu tới Tourane, lại mới trông thấy bờ với núi. Tàu đỗ ngoài xa, có thuyền ra tải đồ chở khách. Trông lên ba phía bờ, lở-nhổ những trái núi, cây cỏ xanh um. Trên núi dưới nước, thấp-thoảng gương lồng. Đến 7 giờ, tàu chạy ra bề, thối lại chỉ thấy trời với ước. Đêm trăng vắng vạc, sóng bề ầm ầm. Đối cảnh há chẳng cảm tình ru! mà người vẫn chệnh-choáng bởi vì say sóng.

Lênh-đênh tàu chạy mới đêm qua,
 Khỏi núi Đầu-sơn tít nẻo xa.

Rượu biền say nghiêng bầu tạo-hóa,
Sóng Thu trao lộn bóng Hằng-nga.
Mặt vàng luống dải sương cùng gió,
Gan tím nào quên nước với nhà.

Dấu chẳng hơi men nhưng chênh choáng,
Trời cao bề rộng mặt lòng ta.

Đến trưa 13, tàu ghé vào Qui-nhon, cũng đậu ngoài xa, vài chuyến đồng-hồ lại chạy. Mười giờ đêm, tới Phan-rang, tàu đỗ lại một giờ. Chân bờ còn xa, chỉ thấy bóng đèn thấp-thoảng, ánh nước rập-rờn. Một tiếng còi vang, tàu lại lênh-dênh mặt sóng. Chiều 14, qua Cap-Saint-Jacques, tàu chạy ven bờ. Mông-mênh sóng biếc, vôi-vôi non xanh; phong-cảnh vui mắt, non nước có tinh.

Tàu rẽ vào cửa bể. Đến 9 giờ tối, tới Sài-gòn. Ở trên bến tàu, ánh đèn bóng nhà, kẻ chờ người đợi. Trong bụng ai chả vui thắm! Bốn ngày đi bể, sóng gió say-sưa, nay được đến bờ, tinh-thần khoan-khoái, hình như có cái thanh thú êm-đềm. Sáng bữa sau, chúng tôi đi xin giấy; đoạn rồi đến lấy vé ở nhà tàu thủy, lại phải đợi kỳ tàu thứ bảy.

Chúng tôi ở lại Sài-gòn một tuần lễ, ăn ở khác lối, cách thức lạ-lùng. Đường đi bờ-ngõ, tiếng nói khó nghe. Hào gọi là cắc, xu gọi là chim, quả gọi là trái, hoa gọi là bông v. v. . . . Nói tiếng ngoài mình người Nam cũng khó hiểu.

Tỉnh Sài-gòn to rộng đông vui, đường phố như bàn cờ, lầu-đài như bát-úp. Dinh cao tòa lớn, vườn hoa tượng đồng, trên bến dưới tàu, thiết là nơi danh-đô thắng-cảnh. Đẹp mà vui nhất là phố « Catinat ». Từ nhà thờ thẳng ra bến tàu, hai bên phố: hiệu tây hiệu ta, hiệu khách, cửa kính đồ hàng choáng lộng. Mĩ-hóa kỳ-vật tinh-cơ xảo-khí, coi rất lạ mắt. Nhà hàng cơm « Hotel Continental », nhà hát tây, lầu-đài trang-trọng. Đến tối, đèn điện thấp lên, rõ ra một chốn

dô-hội rục rờ. Các phố khách cũng đông vui, nhưng chỉ nhiều cửa hàng khách.

Thắng giông bề Á ngọn phong-trào,
Ngắm cảnh danh-đô đẹp xiết bao!
Tàu bến về vang thương-phụ lớn,
Dinh tòa rục-rờ tượng đồng cao.
Văn-minh đủ mặt người Âu Á,
Danh-lợi đua tay kẻ phú-hào.
Quang-cảnh ngày nay đi mới biết,
Bắc Nam non nước khác chi nào!

Chợ mới Tân-thành cũng to bằng chợ Đồng-xuân ngoài ta, mà kiểu làm đẹp hơn. Cửa chợ làm hình như gác chuông, có cái đồng-hồ lớn. Bốn mặt có bốn cổng. Chung quanh đường rộng, xe ngựa tới-lấp. Trong chợ cũng bán đủ các thứ hàng-hóa vật-thực. Nhiều thứ thanh bông hoa quả mà ở ngoài ta chưa đến mùa. Dừa thì hăng-hà sa-số. Người mua kẻ bán, cũng đông vui như chợ Đồng-xuân vậy.

Bốn bề tới tấp ngựa xe quây,
Chính phải Tân-thành chợ mới đây.
Cầu rộng thênh-thang đông buổi họp,
Lầu cao ngất-ngưỡng bóng kim xoay.
Thương vàng hạ cám hàng không thiếu,
Kẻ bán người mua khách xúm đầy.
Đạo gót qua chơi xem cảnh chợ,
Đồng-xuân cũng ná cảnh vui này.

Trước cửa chợ, có mấy đường xe-hỏa chạy. Lên ngược xuống xuôi, dờn toa đổi chuyển, tàu chạy sinh-sịch luôn. Đường phố sạch-sẽ quang-dãng, có xe-hơi tưới nước rất tiện.

Nhân được ở lại lâu, chúng tôi đi xe hơi sang Tỉnh « Thudaumot » cách Sài-gòn hơn 30 Kilomètres. Xe chạy khỏi kinh-thành, lại ra phong-cảnh nhà-quê. Đồi cao bãi rộng, trại lớn làng to, trông lưng chừng trời bát ngát những ngọn dừa phát-phới. Nơi Tỉnh, giữa có một cái chợ, trông xuống một con sông con, hai bên thì hai dãy phố, cũng buôn bán sầm-uất. Ở đấy chơi ba ngày, chúng tôi lại trở về

Sài-gòn. Rồi đi xe lửa sang tỉnh «Chợ-lớn». Tỉnh ấy chỉ thấy rặt các chú Hoa-kiều, như là một tỉnh Trung-hoa vậy. Các hiệu Khách sạn-xát như ở phố hàng Buồm ngoài ta. Thôi thì thượng-vàng hạ-cám bán chẳng thiếu gì; đồ Tàu, đồ Ang-lê, đồ Hoa-kỳ, cửa hàng thật đẹp, có phần đông vui hơn Sài-gòn.

Cả thấy ở vừa 7 ngày, được ngao-du trong mấy tỉnh. Thôi thế nào cũng đành tâm, đã đi cho biết đây biết đó. Tới ngày 21, chúng tôi xuống tàu «Attalo» 9 giờ đêm tàu chạy, lại ra cửa bể; rồi rẽ lên ngọn sông khác. Ở dưới lâu trông lên bờ, nghĩ cảnh lại nhớ. Nào biết bây giờ đi đâu? *Lênh-đênh qua khắp mặt dòng, chơi cho thỏa chí tang-bồng một phen.*

Đã thôi ra bể lại vào sông,
Bề rộng sông dài bát-ngát trông.
Nhấn hỏi ông Xanh quen đất lối,
Phải chăng dòng nước ngọn Mê-kông?

Tàu chạy đêm, trên trăng dưới nước; vân-vân mây xanh, rập-rờn sóng biếc. Bên bờ thấp thoáng, cây cối um tùm, cá nhẩy mặt dòng, dế kêu trong bụi. Lác-đác mấy bóng nhà tranh, lập-lòe ngọn đèn ngư-phủ. Đương trong lúc bốn bề thanh vắng, tàu đi dưới bóng trăng, chợt nghe tiếng gà gáy, tiếng chim kêu trong thôn-dã; trời đã rạng đông. Tới ban ngày, cảnh-tượng lại càng thanh-thú, chỗ làng xóm lưa-thưa mươi nóc nhà; chỗ quãng đồng xáo-xạt những người làm. Cảnh vui nông-phố, tiếng hát mục-đồng, lấm lòm như giục nhớ quê nhà.

Quá trưa, tàu tới Mỹ-thọ, trong tỉnh có đường xe-lửa chạy về Sài-gòn. Đến chiều ghé bến Vĩnh-long. Những hàng quả lên bán, các trái quả, cua bề với tôm luộc. Những con tôm lớn râu dài, gọi là tôm hùm.

Loài tôm ở bề thuận dòng bơi,
Hùm lấy làm tên nghĩ mực cười.
Mình lớn râu dài coi cũng dữ,
Giống chẳng chẳng giống mọ ba-mươi.

Lại suốt đêm ở mặt nước, đến 3 giờ ngày tết ông Táo, tàu tới Nam vang (Phnompenh), kinh-đô Cao-miên vốn là nơi danh-thắng. Dinh tòa rực rỡ, chùa tháp nguy-nga, Ngoài bờ sông, có các công-sở. Trong phố, dân-cư đông đúc, buôn bán vui vẻ. Có hai cái chợ, riêng một cái để bán cá. Ở đây lắm cá; nhân-dân phần nhiều chỉ chuyên nghề chài lưới.

Dinh vua lộng lẫy, cung-điện oai-nghi. Ở gần đấy, có Chùa Vàng chùa Bạc, cảnh đẹp có tiếng; trong có tượng tuyền bằng vàng, bằng bạc, lại lấp mặt kim-cương lóng lánh, còn lắm đồ kim ngân châu báu, coi rất kỳ-dị. Ở bến tàu trông lên, tháp cao mấy tầng, lầu cao mấy mái, trót vót lung trời, ánh lờng đáy nước. Suốt một dọc sông, lâu-đài quang-cảnh, thiệt là ngoạn-mục.

Tám giờ tàu tới bến Nam-vang,
Là chốn kinh-thành cảnh cũng sang.
Oai-vệ phủ Vua và phủ Tướng,
Nguy-nga chùa Bạc với chùa Vàng.
Bản-đồ xưa thuộc nơi văn-hiến;
Phong-hóa nay theo lối phú-cường.
Ai đó vẽ mình còn thói cổ?
Xiêm quàng khăn quần ấy Cao-miên.

Bốn giờ chiều, chúng tôi sang tàu « Bassac », đi lên ngọn sông trên, thoi lại chỉ trông thấy rừng với nước; thỉnh thoảng gặp vài người Cao-miên quần cái xiêm xanh đánh cá bên sông mà thôi. Năm giờ ngày 24, tàu ghé vào tỉnh « Kratié ». Hết đường tàu chạy, phải đi thuyền, vì có thác. Chúng tôi lên bờ đi xe hơi, ở trọ lại hai ngày, để chờ chuyển xe. Nhà trọ của Nhà-nước « Bangalow », làm lối nhà sàn. Tỉnh nhỏ, mà tối cũng có đèn điện, lèo tèo vài dãy phố, ngày đêm quạ kêu buồn

rút. Sau tỉnh giáp rừng, thường tối có cộp ra.

Một giờ ngày 26, chúng tôi lên xe hơi. Xe chạy trong rừng, trên con đường mới đắp, hai bên cỏ gianh. Độ hai chuyền đồng-hồ, xe tới Sambot; xuống thuyền lên Sambor, có tàu «Gougeard» chờ ở bên bãi cát. Ngủ lại ở đây một đêm, tàu nhỏ không có phòng, nằm cả ở trên khoang. Đêm trông ra trên rừng dưới nước, bốn bề mù mịt, nghe tiếng dế kêu nước chảy, như gọi cơn buồn. Lại nghe những hành - khách nói chuyện: Ở trên Lèo có giống ma, gọi là «*Chầu hú búp*», hay làm người đau, đè hiện vào trong bụng ăn ruột gan, với những sự bùa ngái» lắm điều huyền-hoặc, lại thêm nổi chán-ngán.

Tang tảng sáng ngày 27, tàu mở máy chạy, qua dòng nước xoáy, bãi cát gồ. Hai bên, rừng xanh cây rậm. Có một quãng rừng, công ra như đàn gà, con đậu da bờ, con bay qua sông, trông rất vui mắt.

Chốn ấy sao mà thấy lăm công ?
Con bay con đậu ở dia sông.
Sinh ra đã sẵn đeo vòng nguyệt,
Thẳng hướng đường mây một cánh lông.

Nhiều khúc sông, những tảng đá lớn nổi trô - trồ trên mặt nước, không biết bao nhiêu mà kể; nên tàu không dám chạy tối, sợ vướng đá. Thác nhỏ cũng nhiều. Chiều tới «*Stung-treng*», tàu đỗ giữa sông, lại sang tàu «*Albatros*», cũng nhỏ, ăn nằm cũng vậy.

Sáng 28, tàu chạy lên «*Khone-Sud*», quanh-co hết khúc sông nọ đến khúc sông kia, nước xuôi tàu ngược, 2 giờ mới tới. Có cu-li Lào ra tải đồ lên xe lửa. Tiếng người gọi phu nhao nhao: «*Ma phil Ma phil!*» (Lại đây) — «*Au pay! Au pay!*» (Mang đi). Đi một quãng đến nhà ga, làm mấy gian bằng nửa. Có một chiếc xe-lửa, một chiếc chở khách với một chiếc xe tải đồ.

Đường sắt bắc qua trong rừng; xe chạy độ nửa chuyền đồng-hồ, rồi xuống, vào trình giầy ở sở dây-thép; lại đi thuyền mười phút tới Khone Nord, có tàu «*Trentinian*» ghé ở bến,

Quanh khúc sông Mê nọ nước giao.,
Ngang dòng lại nổi cái gò cao.
«*Khone Nord*» tới đó tàu quay mũi,
Xe hỏa đưa sang địa-giới Lào,

Xe Hỏa đưa sang địa-giới Lào-
Tàu chờ «*Khone Sud*» rẽ dòng trao.
Sông sâu thăm thẳm rừng xanh ngắt,
Non nước buồn trông lạ xiết bao!

Non nước buồn trông lạ xiết bao!
Cỏ cây riu-rít tiếng chim chào.
Kìa ai kéo vó bên sông đó?
Thấp thoáng lưng đen mấy chú Lào.

Thấp thoáng lưng đen mấy chú Lào,
Đầu thì trọc lóc khó thì cao.
Lửa reo trên bãi nổi xôi chín,
Sắp sửa dừng tay cắt vó vào,

Sắp sửa dừng tay cắt vó vào;
Bóc xôi chẳng quản cá tanh-tao.
Nhủ tàu ghé lại cho ta hỏi:
Mắm nhái Lào ăn ướp thế nào?

Sáng ngày 29, tàu ngược dòng lên, sông khúc quanh queo, bên núi bên rừng, có quãng hai bên bờ, những tảng đá lớn chĩa tua-tủa ra sông, chỗ nước chảy reo, chỗ hai dòng xô lại. Trong khúc sông ấy, thường lắm cá xấu, con bơi trên mặt dòng, con phơi mình bên bãi-cát. Lại một quãng rừng, biết bao-nhiều cò-trắng, bay như bướm-bướm, trắng xóa một khúc sông.

Trắng xóa bên sông một lũ cò,
Khéo sao lặn lội kiếm ăn no.
Lòng tham những muốn tìm chai nuốt,
Luống đê ngư-ông được lợi to.

Vùng ô đã khuất non tây, khí núi
che mờ mặt nước, cảnh chiều hôm như
giục tấm lòng! Tàu ghé ngủ bên bãi-
cát, hai bên rừng xanh. Đêm vắng-
vắng tiếng vợa hót, nghe rõ buồn rứt.

Trông chung quanh bóng cây mờ mịt,
thấp-thoảng bên sông mấy chiếc thuyền
chài. Đêm thanh cảnh vắng, đối-cảnh
hung-hoài.

Mù mịt non xanh nhạt bóng ngày,
Tu-tu còi thổi khói cao bay.
Tàu kê bãi cát dây neo vững,
Đêm vắng bên sông giấc mộng say.
Chợt tỉnh buồn nghe bài vượn hát,
Giật mình thoảng thấy bóng cây lay.
Gió bay phấp phới bướm ai đó?
Dám hỏi Đào-nguyên có phải đây?

Trưa ngày 30 tết, chúng tôi tới Paksé.
Ở trong tỉnh, người ta với người khách
đương rộn-rịp sắm sửa tết. Nghe tiếng
pháo đốt, trong dạ thiết buồn. Tỉnh
ấy cũng nhỏ, có vài dãy phố, với
một cái chợ, tối hôm ấy, người ta với
người Lào họp lại ở đấy đánh bài-cào,
sóc-đĩa, it-xi, nhân ngày tết được phép.

Sáng ngày Nguyên-đán, lều cất dây-
neo. Trên tỉnh pháo đốt rầm-rầm, ra
cảnh ngày tết. Ở dưới tàu, những
người xa cố-hương, dằng mặt ngo-ngần,
trông cảnh buồn tênh. Mà thấy những
người Lào, lối-nhớ đầu như bụt-ốc,
quần cái khố sặc-sỡ, ngồi xúm lại giở
rỏ com nếp bốt ăn với mắm-cá đựng
trong ống-nứa, coi bộ lạ-lùng. Chúng
tôi mới biết được vài câu tiếng Lào,
hỏi đùa họ rằng: « Châu kin khẩu cạp
nhắng? » (Anh ăn com với gì?). Họ trả
lời: « Khói kin khẩu cạp Pa-đet » (tôi
ăn com với mắm-cá) — « Sẹp bờ? »
(ngon không) — « Sẹp lải » (Ngon lắm).
Họ lại hỏi rằng: « Nai Pay sậy? » (Thầy
đi đâu?) — « Khói bay Vientiane » (Tôi
lên Vientiane) — « Nai hết can trắng
đây? » (Thầy làm việc ở đâu?) — « Khói
hết can Thần Phù-nhầy » (Tôi làm việc
ở sở quan Khâm-sứ). Chúng tôi lại
hỏi: « Dú Vientiane, mi phù-sảo lại
bờ » (ở Vientiane, có nhiều con gái
không?) — « Mí lải, phù-sảo ngám thè
thẹ » (Có nhiều con gái đẹp lắm). Rồi

thỉnh-thoảng họ lại hỏi chuyện; câu gì
không hiểu, chúng tôi lại trả-lời: « Và
nhắng? Khói bờ hu chắc khuôm-lao
lải » (Nói gì? Tôi không biết tiếng Lào
nhiều). Chúng tôi trông thấy cái gì
muốn hỏi họ đề biết tiếng, lại hỏi « An
ny khuôm Lao va chàng đây » (Cái này
tiếng Lào gọi là cái gì). Họ lại bảo.
Thí-dụ: Cái tàu « khăm-Pan »; cái
thuyền « Thang hũa »; mặt trời « Tà-
van »; mặt trăng « Đươn » v. v. . . .

Chúng tôi làm cho khuấy những cái
cảnh vui ngày tết ở quê nhà mà chợt
nhớ đến, không thể nào không ngao
ngán trong lòng.

Đường đi vừa đúng hai tuần,
Cỏ-cây vui đón chúa-xuân tới rồi.
Nhớ cảnh tết bồi hồi trong dạ,
Trách ngày xuân sao chả vui ta?
Dầu lòng xa nước xa nhà,
Càng trông cảnh vắng đường xa thêm buồn.
Ròng Mê-kông nước cuộn-cuộn chầy,
Bước chân đi đã mấy dặm xa.
Đường mây thăm thẳm quê nhà,
Ngần ngơ cảnh lại nay đã quê ai?

Đầu canh năm sáng ngày mồng hai,
chúng tôi xuống thuyền, đề sắp lên qua
thác. Chín giờ tới thác, nước chảy
reo âm-âm, ở trên xô xuống, bọt trắng
như nước sôi. Bao nhiêu hành-
khách phải lên bờ, trèo qua những
tảng đá lớn, cao bằng nóc nhà. Thủy-
thủ Lào giòng dây kéo thuyền. Đi
khỏi quãng đó, sang chiếc tàu con
« Ibis », chạy được một quãng, lại sang
thuyền lên qua thác khác. Đến nơi,
người lại lên bờ, để thuyền đi không.
Xuống thuyền bơi một quãng, lại sang
tàu nhỏ « Vanneau ».

Đang mùa nước cạn, nước chỉ mấp-
mé đáy sông, hai bên bờ trơ đá với
cát. Quãng nào lắm đá chồi ở đáy
sông lên, nước chảy xoáy qua, lại
thành ra thác.

Mé-kông một dải nước trong veo,
 Khuất khúc dòng sông thẳm lại queo.
 Tàu chạy ngang rừng khi dưới núi,
 Thuyền đi lên thác lúc qua đèo.
 Áo xiêm sặc-sỡ người coi lạ,
 Thôn-dã tiêu-diêu cảnh vắng teo.
 Dầu dãi ba tuần sương, nắng, gió,
 Thử đi cho biết nước non Lào.

Đến 10 giờ ngày mồng ba, tàu lại buông neo, để thuyền thả mái chèo, lên qua hai thác dữ: « Kèng Chóc » — « Kèng Sả », là hai thác lớn. Ở xa đã nghe tiếng nước chảy rào-rào, như báo tin sợ. Đến nơi trông bọt nước xô chảy trắng xóa, reo lên âm-âm. Có quăng, người đi lên bờ được; có quăng, đành ở dưới thuyền. Nhiều quăng hãi-hùng quá, nước sóng vào trong thuyền, mà thường khi thuyền không lái lên được. Người Lào lại lấy nắm xôi, để trên mũi thuyền, cúng ông thần Thác. Cứ quăng nào khó đi, ông Thác lại được ăn xôi. Đoạn rồi, lại qua một lạch sông nước chảy mạnh hơn thác. Chúng tôi lên bờ, trèo đá, lội nước, qua bãi cát. Xuống thuyền đi một quãng thì tối. Thuyền đậu bên sông, trên rừng dưới bãi-cát. Đêm hôm ấy, chúng tôi ngủ ở thuyền. Tất cả độ mười người hành-khách, đi bốn chiếc thuyền. Mỗi chiếc có bảy người Lào cầm chèo. Lúc bấy giờ, họ lên kiểm củi bắc bếp, để đồ cơm nếp. Ăn xong rồi, reo hát truyện trò, tiếng nói lừ-lờ. Rồi cứ thế mà nằm ngủ ngổn-ngang ở bãi-cát. Người nào cũng đen trùi-trụi, đầu trọc lông-lổc. Ở lưng với hai bên đùi vẽ chàm, quần cái quần nịt lên khỏi đầu gối, trông như quỷ-sứ hiện-hình ở trên dương-gian.

Chúng tôi ở trong thuyền, trông lên thì rừng xanh núi mù-mịt. Đêm nghe tiếng thác chảy xa xa, để kêu ti-tỉ, nghĩ cảnh vừa buồn vừa nhớ nhà, chung quanh những nước non người, vãn-vơ cảnh vắng nên vài câu thơ.

Thuyền ghé bên sông lúc bóng tà,
 Trên rừng dưới nổi bãi phù-sa.
 Dừng chèo thủy-thủ vui lên đất,
 Yên giấc hành-nhân hoảng nhớ nhà.
 Ráo-rất bên tai kèn chú Thác,
 Mập mờ trước mắt bóng đi Nga.
 Cột người tiếng để kêu ti-tỉ,
 Mong chóng vừng đông ngó mặt ra.

Tới lúc mặt trời lên, thuyền đi ba chuyền đồng-hồ, đến tàu « Massie », 10 giờ tàu chạy; phong-cảnh như thường, chỉ thỉnh-thoảng lại thấy con cá xấu, mình đen đầu lớn, ngo lên mặt nước, (Giống cá này thường hay làm hại người, cho nên ai bắt được nó có tiền thưởng).

Cá tên là Xấu lạ-lùng thay !
 Xấu bởi thân mày dở chẳng hay.
 Há miệng những toan gì cũng nuốt,
 Thế là thói xấu, tối chi mày.

Bốn giờ chiều, tới Savannakhet, chúng tôi ở lại hai ngày ở trên tàu. Tỉnh này, tuy không được đông-vui lắm, nhưng ở xứ Lào, thế cũng đã là một thành-phố. Các cửa-hàng buôn bán, phần nhiều là người Ta với Khách, còn người Lào, cứ sáng lũ-lượ, rỏ rau gánh gà, kéo nhau ra chợ.

Sáng ngày khai - hạ, sang tàu « Garcerie », chạy lên Vientiane. Từ đây trở lên, sông bằng nước phẳng, mà bờ bên hữu-ngạn thì thuộc về nước Xiêm. Tàu cũng ghé vào bến Xiêm. Gần bờ-sông có tỉnh « Nông-khai » là vui, lính-tráng đi tuần-phòng, cách-thức binh-phục theo lối Ang-le. Cách một con sông, địa-giới ngăn ra hai nước.

Hôm sau, tàu tới Thakhek, đỗ lại lấy thơ ở bên ta tải sang. Tỉnh ấy có đường-bộ đi về Vinh, đi độ 15 ngày, người bên ta thường hay đi về lối ấy. Nhưng đường đi chưa được thông-đồng, còn nhiều quãng phải qua rừng trèo núi.

Tất cả vừa 3 đêm 4 ngày, lên tới Vientiane, lúc 5 giờ chiều ngày mồng mười tháng giêng. Chúng tôi thu xếp đồ-đạc lên bến-tàu, trời đã nhòa tối, đèn điện vừa máy. Phố xá vắng vẻ, lạ cảnh lạ người. Đường xá mùng đã đến nơi, còn công việc làm, cách ăn ở nay mai chưa biết thế nào.

..

Thành-phố Vientiane mới mở-mang trong mười năm nay, coi đã lịch-sự. Phố-xá quang-đãng, có đèn-điện, có máy nước. Ngoài gần bến tàu, có dãy phố khách bán hàng, gọi là « Phố-chết ». Ở trong tỉnh, các nhà dân ngụ-cư, cũng ở ra hai bên phố; dân Lào thì ở riêng từng khu. Hai lớp chợ làm bằng gạch ở giữa tỉnh, người ta với người Lào, hằng ngày đến buôn bán; nhưng chợ chỉ họp từ sáng đến 10 giờ trưa thì tan.

Các công-sở thì có : Toà Khâm-sứ, tòa Đốc-ly, sở Kho-bạc, sở Công-chính, sở Kiểm-soát tài-chính, sở Điện-tín, sở Thương-chính với sở Sen-dâm. Còn cách cai-trị dân bản-xứ ở trong hạt thì thuộc về châu-mường.

Kinh-thành vừa một mẻ trung-châu,
Ba phía rừng xanh dưới bến tàu.

•Chùa tháp năm xưa còn dấu Thái,
Lâu đài lối mới nhuộm mưa Âu.
Lâm ăn vẫn cách dân mường-mọi,
Khai-hóa nhờ tay nước mạnh-giàu.
Họp mặt đông-vui người các xứ,
Lên đường tiến-hóa chẳng bao lâu.

Chùa Lào thấy lắm, mà nhiều cái đồ-nát; làm kiểu dọc như lối nhà-thờ. Trong chùa không có bài-tri đồ-thờ, không chuông cũng không mõ. Chỉ thấy lắm bụt, một ông bụt lớn ngồi giữa, thì hằng trăm ông bụt nhỏ để quây chung quanh bệ. (Nguyên ngày xưa người Lào có tục hoả-táng những người chết, đem xác thiêu, lấy gio để đúc tượng. Nhà giàu đúc bằng vàng

bằng bạc; nhà nghèo đúc bằng đồng hay bằng đất. Rồi đem tượng ấy dâng lên chùa, để hồn-phách người chết được lên cõi Cựu-lạc.) cho nên lắm bụt, mà bây giờ thất-thác cũng nhiều. Lúc cúng Phật, thì bày nhiều hoa, hoa mào-gà, hoa dâm bụt, v. v. . . không cứ gì hoa thơm. Lễ-vật thì xoi nếp với các thức hoa-quả. Các nhà-sư mặc áo mùi-vàng khoác lên trên vai như áo cà-sa; giọng họ tụng kinh cũng tựa như tiếng chư-sư bên ta. Sáng sớm hằng ngày, chúng-tăng đi tụng lễ độ mười người, đeo một cái coi-dồng, để đi xin của thập-phương. Nào có gì đâu ! Các nhà dân Lào có lòng công-đức, đem rỏ xoi đứng đầu ngã-ba, thấy các sư đi qua, thì rón rén bốc bỏ vào coi cho mỗi vị một nắm.

Trong một năm, mỗi chùa mở hội một lần (tiếng Lào gọi là « Bun »), ở trong chùa, các sư tụng kinh cầu Phật; chung quanh chùa làm những nhà rạp, để sư thập-phương đến ngồi trong, còn đàn bà con gái các nơi đến, trang-diềm lịch-sự, ngồi một hàng ở ngoài. Rồi đàn-ông con - trai, mỗi bọn độ mười người, vẽ mặt hề làm trò, vác một cái kèn ghép ống-sậy, múa hát trông ghẹo những bọn con-gái, trò-vè chỉ có thế, mà lắm sự nực cười.

Nghe nói Chùa-Lào mở hội « Bun »:

Rủ nhau lũ lượt tới chiêm-môn.

Liu-lô trước bệ sư hòa-thượng,

Lỡ nhỡ trên tòa phật Thế-tôn.

Câu hát trêu hoa hoa hơn mặt,

Tiếng kèn bỡn nguyệt nguyệt say hồn.

Hội hề nào có trò-vè khác,

Lấy thế làm vui nức tiếng đồn.

Quá bên trong tỉnh, lại giáp rừng, có các dân Lào ở. Nhà làm tuyền một lối nhà-sàn; trong nhà tối-um, trông ngoài lụp sụp. Ăn ở đun nấu cả ở trên; gà lợn trâu bò nuôi ở dưới. Cách cư-xử

cũng tựa như dân Mường mọi ở trên mạn Thượng-du bên ta.

Cách may mặc thì bây giờ họ cũng bắt-chước lối người ta, xưa họ không biết. Đàn-ông quần khổ, đàn-bà váy xiêm, còn áo mặc, hoặc kiểu Tây, hoặc kiểu ta. Đàn-bà nhiều người cũng cạo đầu, thường hay cỡi trần, quần cái khăn mùi ở trước ngực hay vắt lên bên vai. Ăn uống thì không có dĩa bát, chỉ thò tay bốc. Cơm thì cơm nếp, nước thì nước lã; đồ-ăn lắm thứ lạ: cóc gác bếp, chuột phơi khô, xé ra nướng ăn; mẳn cá « Pa-đet » (thức mẳn cá ướp ngấu đen xì, hình như pha lẫn cá) là đồ-ăn thường-nhật của họ. Cách-thức làm lụng vẫn còn lối dã-man lắm.

Lira-thưa mui chiếc nóc nhà-sàn,
Thóc-lúa trâu bò để ngồn-ngang.
Lỡ-nhớ những cô đầu trọc lóc,
Nhớn-nhờ các chú khổ hoa quàng.
Nhà suông, vài rổ cơm xôi-trắng,
Chùa rỗng, giùm ông sãi áo-vàng.
Phong-cảnh tiêu-diêu coi lạ mắt,
Dân lười đất bỏ mọc rừng hoang.

Ở bên này, thủy-thổ lạnh, khí-hậu thuận, không nóng lắm cũng không rét lắm. Sáu tháng nắng luôn, sáu tháng hay mưa. Quanh năm có một vụ lúa, cây cấy về mùa mưa. Sản-vật với súc-sinh cũng nhiều, lắm thức thực-vật ở bên ta mang sang, nhất là các giống rau.

Người nước Nam ta sang đây, buôn bán hay làm việc, nhân-số có tới hàng nghìn, mà phần nhiều là người ở Trung-kỳ.

Đường mây dậm liêu, mắt vẫn-vơ coi,
Nước biếc non xanh, cảnh thay đổi lạ.
Chúng tôi đi vừa một tuần trăng, qua sông vượt bể, lên thác xuống ghềnh;
nay đã dừng chân thành-trấn, hóng gió sông Mê. Nước non xa-lạ, phong-cảnh tuyết-vời, dám đem ngọn bút, tỏ giải mười trang, lời thô-bỉ, câu quê-kịch, xin tường-thuật lại những cảnh-ngộ ở dọc đường trong bấy nhiêu ngày, thăm-thẳm trên sông mặt bể, dưới núi bên rừng, đề ghi nhớ những sự từ binh-sinh đến giờ mới được từng biết.

Trong vòng trời đất sinh ra,
Bốn phương hồ-thỉ ấy là nam-nhi.
Hồ minh cũng đấng tu-my,
Trèo non vượt bể quản chi nhọc-nhần.
Đường mây vừa một tuần trăng,
Sông Lào bể Việt dám rằng xa xa.
Lạ-lùng phong-cảnh coi qua,
Tôi xin tường-thuật nôm na mấy lời,
Văn-nhân tao-khách xem chơi.

Trải bao đông-tuyết tới xuân hoa,
Con tào trêu người khéo khéo mà !
Trời đất một bầu nào đã khắp,
Non sông muôn dặm quản chi xa,
Tấm-thân há dám vì danh-lợi,
Tắc dạ sao khuấy nhớ nước nhà.
Cảnh lạ xin đem đầu bút giải,
Cửa Ban đâu đó múa riu qua.

TRẦN QUANG-HUYẾN

*Secrétaire à la Résidence supérieure
au Laos*

(Vientiane)

TIÊU - THUYẾT CỔ

LĨNH - NAM DẬT - SỬ (1)

嶺南逸史

VIII

HỒI THỨ IX

*Ba lượt thỉnh-binh, khtch-nộ Đốc-phủ,
Hai lần chiêu-hồn, man-quá Mai Anh.*

Lý công-chúa từ khi bại-binh trở về, điếm xét binh-mã, ba phần mất đến một phần; lại chết mất hai viên đại-tướng, hai viên nữ-tướng, hơn 30 viên ti-tướng; và các đồ quân-trang khí-giới bỏ mất vô-thiên-số. Lý công-chúa nghĩ đau lòng thương tiếc khóc òa lên. Bèn sai người tồ tượng Hoàng Phùng-Ngọc đề ở bên tượng Đê-bối đại-vương; tồ tượng Phù Ly, Phùng Lực-Mộc đề ở hành-lang bên tả, tượng Dương Phiên-Phiên, Hứa Ngọc-Anh đề ở hành-lang bên hữu. Công-chúa thân mặc áo trắng đề tang, sai dựng một lá cờ trắng, bày đàn hướng tây điện-tế chiêu-hồn, khóc thực thương thảm! Cảm động cả ba quân đều rỏ nước mắt. Tế xong, lại sai người bày đàn chay ở trước cửa miếu, mời nhà sư đến hiến-cúng, đề siêu-độ vong-hồn, một ngày hai buổi sớm tối công-chúa thân đến trước đàn dâng hương, lại thân đến những nhà có người tử trận ủy-lạo chôn-tuất, cực kỳ chu-chuân, bởi vậy người nào cũng cảm lòng ân-đức. Tuy rằng sau khi táng-bại, mà nhân-tâm vẫn phục-tùng vui vẻ, không tỏ-chí chút nào. Được ít lâu, công-chúa sai mời Phù Hùng, Đặng Bru hai tướng đến trại trong, thi-lễ mời ngồi, công-chúa hướng vào Đặng Bru rỏ nước mắt khóc mà nói rằng:

— Quân giặc Thiên-mã, giết chết mất

chồng tôi là Hoàng-Lang, lại làm hại mất mấy viên đại-tướng; tôi cùng với quân giặc ấy thề không đội trời chung, xin thúc-phụ và cứu-cha nghĩ đến thề-diện Đê-bối đại-vương tôi trước, vì tôi mà bày mưu hoạch-kế, đề báo thù tiết-hận cho tôi.

Công-chúa nói rồi, cúi đầu khóc nức nở.

Đặng Bru nói:

— Việc báo-thù bây giờ chưa nên nói đến là vì có ba điều: 1^o là quân bị-thương hãy còn chưa khỏi hết, nơi táng-bại hãy còn chưa bỏ xong, đó là một điều không nên. 2^o là phủ khố không hư, quân-trang tàn-khuyết, đó là hai điều không nên. 3^o là tôi vẫn nói muốn đánh La-bàng phi ba mươi vạn quân đánh không nổi. Nay Ngô đốc-phủ đã phải điều-khiển đến Bá-châu đề đánh Dương Ưng - Long, bây giờ thụ chức Đốc-phủ là Súc-Nục chính là người đối-dịch với ta xưa nay, xin quân giúp tất hẳn không cho nào, đó là ba điều không nên. Nay công-chúa hãy nên bắt chước như chúa Việt Câu-Tiến năm gai nếm mật, lo đường sinh-tụ độ mười năm, giáo-huấn độ mười năm, đợi cho đến khi binh-mã tinh-cường, lương-thảo sung-túc, lại gặp được quan Đốc-phủ hiền-minh đảo-nhậm, bấy giờ sẽ thỉnh binh trợ-chiến, quân ta đi trước, quan binh tiếp theo sau, chia binh ra giữ các nơi yếu-hại, đề chẹn đường quân giặc trốn chạy; như thế thời bình-định giặc Thiên-mã cũng

(1) Xem Nam-Phong từ số 48.

chẳng khó gì, mà báo thù cho Hoàng-lang cũng dễ. Chớ như ngày nay thời tiều-tướng không biết bày mưu-kế gì được cả.

Công-chúa nói :

— Tôi hề nghĩ đến quân giặc lúc nào, thời đau lòng như cắt ! Nếu như lời thúc-phụ nói thời lâu-lai biết đến bao giờ, tôi đến đời chết cũng không hay rửa được hờn này hay sao ?

Công - chúa nói rồi, giẫm chân xuống đất, đấm ngực khóc lóc thương-thảm. Phù Hùng nói :

— Công-chúa nếu đã thương đau mà nóng nảy như thế, thời phải sai người đem vàng lụa đến hối-lộ thỉnh-thác Súc Nục xem thế nào, hẳn là đưa tham-bỉ, hoặc-giả tham vàng lụa của ta, chịu xuất binh ra giúp đỡ cũng chưa biết chừng.

Công-chúa nói :

— Tôi có một vòng ngọc-đời, đáng giá đến nghìn vàng, cũng xin hiến cho Súc Nục, nhờ cứu-phụ giúp cháu viết thư sai người đi cho, nếu được y thuận giúp binh, thời cháu chết mới nhắm mắt được.

Hai tướng nghe lời cáo từ lui ra, rồi viết thư sai Triệu Tín cầm đến cửa quân dâng nộp. Súc Nục mở thư ra xem, thư rằng :

« Gia-quế sơn Kim-hoa công-chúa
 « Lý mỗ khấu bầm Đại-nhân trưởng-
 « hạ : Vì việc khất xin đại-binh đi tiêu-
 « trừ quân giặc La - bàng để cho địa-
 « phương được yên tĩnh: Nguyên chúa
 « giặc La-bàng là Mai Anh chiếm-cử
 « sơn-lâm, tàn phá châu huyện, đi
 « cướp bóc của người ta, lột da hút
 « máu, hơn 20 năm trời, nhân-dân sợ
 « hãi, nằm ngủ không được yên chiếu.
 « Tháng năm năm nay, bắt chồng tôi
 « là Hoàng Phùng-Ngọc, hiếp phải ép
 « duyên với con gái giặc, chồng tôi
 « thề chết không chịu nhục, thời bị

« roi vọt nó đánh cho cực-thảm, rồi
 « giam vào nhà tù tường đất, tuyét
 « không cho ăn mà chịu chết. Quân
 « giặc nó hung-ngược như vậy, nếu
 « không chu-dệt sớm đi, thời nó tất
 « tràn khắp ra, tai hại không vừa, Cúi
 « xin Đại-nhân phát binh tiêu-trừ, tôi
 « xin đem quân bản-bộ đi tiên-khu,
 « nếu quét sạch được khí yêu-phân,
 « thời dân La - bàng may lắm ! mà
 « chúng tôi cũng may lắm v. v. »

Súc Nục xem thư xong, nỗi giận dùng dùng xé tờ thư nát như ra như cám ném quang xuống đất, mà rằng :

— Nó chỉ cốt báo thù cho chồng nó, mà lại mượn tiếng là vì dân, xin binh để giúp đỡ, quan binh triều - đình lại đem đi báo thù hộ cho nó hay sao ?

Nói rồi bèn truyền tả hữu đuổi người cầm thư đi. Triệu Tín phải bị đuổi ra, khí tức uất lên, dừ mắt cứng mồm, đại cả người đi, phải thu xếp lấy lễ-vật lại đem về Gia-quế để bảm-mệnh. Công-chúa nói :

— Súc Nục không chịu phát-binh đã đành, còn như tất cả các quan tỉnh không có một người nào sẵn lòng nhân - nghĩa cứu - dân, trung-tâm vì nước hay sao ? Tướng-quân nên lại đem lễ đến các nha-môn mà cố khẩn-cầu nhờ nói với Súc Nục hộ cho, họa may có được chẳng.

Triệu Tín không nỡ trái ý công-chúa, cũng phải sắm sửa mười bao lễ-vật cực hậu, lại đem đến các nha-môn Tâm-ty Tuần-phủ, thỉnh - thác khẩn cầu. các quan đều nhận lấy lễ hối-lộ, hẹn cùng đến phủ Đô-đốc sẽ liệu lời xin binh hộ cho Lý công-chúa. Súc Nục nhất-định không nghe mà rằng :

— Các ông đã có nhận lấy lễ hối-lộ của con Lý tặc-tý thời cứ chiêu-binh mai-mã mà đi đánh báo-thù hộ cho hắn. Chớ như bản-hội-đường đây thục-mệnh triều-đình, quyết không dám

đem binh-mã triều-đình đi giúp hộ việc cho người đê đổi lấy lễ-vật !

Súc Nục nói rồi giơ tay vái một cái dài rồi lui vào nhà trong. Các quan phải Súc Nục nói mát cho mấy câu, đều then dò mặt, lui ra về bản-nha không dám nhận lễ-vật của Lý công-chúa nữa phải nguyên-phong giao trả. Triệu-Tín lại nhận lấy đem về phục-mệnh, công-chúa thấy Súc Nục nhất-định không giúp binh, ngày đêm lo phiền khóc lóc, quên cả ăn cả ngủ, thành ra bệnh đau không dậy được. Phù Hùng thấy quang-cảnh như thế, tự nghĩ bụng rằng: « Trước kia Bao-Tur người Sở sang nước Tần thỉnh-binh, vua Tần không nghe. Bao-Tur phục ở trước sân khóc lóc, tiếng khóc nghe thấu đến trên đền rồng, ba ngày không thôi, khóc hết nước mắt rồi rỏ ra máu, bởi thế hay cảm-dộng được người nhà Tần phát binh để khôi-phục lại được nước Sở. Nay công-chúa thương lo như thế này, lũ ta sao nên tiếc mình, mà không giải lo hộ cho công-chúa. Ta phải nên bắt chước Bao-Tur thân đến cửa quân khóc-lóc khẩn-cầu, may ra cảm-dộng được lòng Súc Nục cũng chữa biết chừng. » Bụng nghĩ như vậy bèn thưa với công-chúa rằng :

— Xin công-chúa khoan-tâm, tiểu-tướng xin thân đến cửa quân khóc-lóc khẩn-cầu, may ra Súc Nục thương đến chút lòng trung thành của tiểu-tướng, chịu phát-binh ra tương-trợ, họa có thể giải được lo cho công-chúa chăng.

Công-chúa nghe nói cả mừng mà rằng :

— Xin cứu-phụ liệu lời kêu cầu cho khéo, cháu chỉ đánh lòng ngóng đợi tin lành.

Phù Hùng bèn cáo-từ công-chúa, đi đến cửa quan Đốc-phủ, nhờ lính vào bẩm đề vào yết-kiến. Súc Nục cự không cho vào. Phù Hùng bèn phục ở ngoài cửa quân khóc ầm lên. Quân-chúng thất-kinh bèn thét mà mắng rằng :

— Đây là chỗ nào có biết không ? mà mày dám rồ dại, đến chỗ này mà khóc lóc !

Phù Hùng nói :

— Triều-đình mà thiết-lập ra binh-linh, là để hộ-vệ nhân-dân, dân không được yên, thời thiết-lập ra binh để làm gì ? Chủ trại tôi chỉ muốn trừ hại cho dân, hưng-binh đánh giặc, vì quân giặc nhiều, quân mình ít mà phải giặc đánh thua. Đốc-phủ đại-nhân thống cả đại-binh cứ ngồi yên mà không cứu. Nay đã ba lần đến xin binh, mà đại-nhân vẫn không phát-binh ra cứu, chẳng hay ý ra làm sao ?

Phù Hùng nói rồi, lại khóc òa lên. Quân lính cầm roi vọt ra tay đánh đập. Phù Hùng lại càng khóc lóc thương thảm, động đến tai Súc Nục bèn hỏi rằng :

— Ở ngoài ấy cái gì mà om xòm làm vậy ?

Quân lính đem lời Phù Hùng nói bẩm lên. Súc Nục cả giận, sai lính lôi vào, chẳng hỏi ban gì cả, cầm cái bàn cờ đập lên trên án thét sai nọc ra đánh. Thương thay Phù Hùng phải quân-sĩ giăng nọc ra trên mặt đất, đánh cho 30 côn, rách nát cả da thịt, rồi đuổi ra ngoài viên-môn. Quân-sĩ theo hầu vội vàng chạy lại cổng Phù Hùng về nơi nhà trọ, tìm thuốc cao thuốc dầu buộc vào chỗ bị-thương, rồi thuê kiệu, đưa về sơn-trại. Công-chúa đón vào, thời thấy đã gần chết ngất, chư-tướng đều cả giận, đồng-thanh mà rằng :

— Xin công-chúa phát-binh đánh phá lính thành, chém lấy đầu Súc Nục rồi kéo thẳng đến núi Thiên-mã đánh báo thù, chờ lại chịu thế à !

Đặng Bru can rằng :

— Cái nhục hôm nay, là bởi tại Phù tướng-quân. Khổng-tử có nói rằng : « Người không thể lấy lời bảo được mà

lại bảo, thì hoai mất lời » Súc Nục là đưa tiêu-nhân tham-tàn, y vẫn giặc công-chúa làm nhục y ở trận đánh Lê-pha, nếu Tô, Trương phục-sinh cũng không hay nói được cho y cảm-động. Huống chi đương đời bây giờ, mà muốn bắt chức làm như sự-nghiệp cổ-nhân, đến trước cửa quân kêu gào rầm rĩ, tài nào mà nó chẳng đánh cho nhục. Nếu công-chúa kíp muốn báo-thù, để tiêu-tướng bày một kế nhỏ này, khiến cho nó tự khắc phải cầu mình mới được.

Công-chúa hỏi :

— Chẳng hay kế ra làm sao ?

Đặng Bru nói :

— Bây giờ nên khiến quân do-thám đi đến tỉnh-thành về đường huyện Đức-khánh, thả lời nói phao, bảo rằng : « Chúa núi Thiên-mã chực lại cướp phá tỉnh-thành, rồi bên đông đánh lấy đất Huệ-hồ, bên tây lấy đất Lê-khâu, để lo toan dựng nghiệp như Úy Đà, hiện bây giờ ở trong sơn-trại ngày đêm rèn tập, chẳng bao lâu tất có việc binh-qua ». Nói phao lên thế thời dân sự nghe thấy tất là kinh-hoảng, tin-tức ấy truyền vào trong thành. Bọn quan binh kia chẳng ra trò gì đâu, hễ nghe thấy tiếng quân giặc Ngũ-hao thời tất là hồn bay phách lạc, nay mà nghe tiếng quân giặc đến phá thành, thời tất thế nào y cũng phải cần đến ta, phát-binh ra trước đề chống chế hộ. Song kế ấy không nên vội vàng, cứ thông thả mà làm, thời mới không đến nỗi họ khám-phá được.

Công-chúa bấy giờ không biết nghĩ sao, phải chịu dẹp cơn tức-khí nóng này, để nghe cho họ từ-đồ mưu việc. Thực là :

*Tức lòng đau đớn vì đâu,
Tức gan mà phải gượng sầu làm vui.*

Nói về Phùng-Ngọc ở núi Thiên-mã ngày ngày hằng nói với Mai tiêu-thư

buông tha ra để xuống núi đi tìm Trương, Lý hai nàng, và về nhà thăm cha mẹ, rồi sẽ tái-lai cùng ở với Mai tiêu-thư. Mai tiêu-thư nói :

— Thưa lang-quân, bây giờ đương buổi tàn-đông, gió bẽ dòi cơn khăn-cấp, xin lang-quân ở lui lại ít bữa, cho qua hết mùa đông này rồi ra đi cũng chẳng trễ gì. Nay hoa mai vừa nở, thiệp xin cùng với lang-quân hãy tới hiên nam rót chén rượu thưởng-mai đã nào !

Tiêu-thư nói rất lời liền dặt tay Phùng-Ngọc đưa vào mái nam-hiên ở đằng sau trại cùng ngồi chơi. Khi ấy khi trời vừa tiết tiêu-xuân, hoa mai đã thấy lơ thơ nở đôi ba bông trắng xóa. Phùng-Ngọc trông thấy hoa mai lại càng thêm bụng nhớ nhà, buồn rầu trăm nỗi, ngồn ngàng bên lòng !
Hoa sao hoa khéo nỡ-nùng, cảnh xuân như giục tấm lòng thân-hôn !

Mai tiêu-thư sai tả hữu bày ra tiệc yến, cùng mời Phùng-Ngọc uống độ vài chén, liếc mắt trông Phùng-Ngọc thấy ra ý buồn rầu, vì thế Mai tiêu-thư trong bụng cũng không vui, cúi đầu xuống mân-mê đầu dãi yếm không buồn nói câu chuyện gì cả. Trong đám thị-tì có một tên gọi là Ngọc Tiêu tình rất thông-tuệ, tài lựa biết ý chủ, thấy hai người uống rượu ra dáng buồn bã, bèn chạy lại thưa rằng :

— Con thật chẳng có điều hiếu-kính chi đủ làm vui lòng cho chủ, nay con xin hát một câu đề chúa-công với tiêu-thư nghe có được chăng ?

Mai tiêu-thư gạt đầu. Ngọc Tiêu bèn cầm cái phách ngà gõ lên, tiếng đồ hồi như oanh ca yến hót, bèn hát lên một câu rằng :

*Chị em ơi, nỗi tương-tư !
Phong-lưu biết đợi bao trờ gặp nhau ?
Gió bay hoa rụng dải dàu,
Hoa kia đừng mãi trên đầu cảnh
[được chăng ?*

Mai tiều-thư nghe thấy câu hát có lý thú, bèn mỉm miệng cười mà rằng :

— À câu hát thú-vị sao ! tự mày làm ra đấy chứ ?

Ngọc Tiêu nói :

— Thưa phải, chẳng bỏ nghe bản tai!

Mai tiều-thư sai thưởng cho một chén rượu, Ngọc-Tiêu cầm lấy chén rượu, cười khanh khách, đưa đến trước mặt Phùng-Ngọc mà rằng :

— Chúa-công chừa uống, tiều-tỳ sao dám hôn-hào.

Phùng-Ngọc nói :

— Tỳ-nhi, mời tiều-thư cùng uống một chén, mày rót rượu hầu đi.

Ngọc Tiêu liền cầm cái hồ đến trước mặt tiều-thư rót dâng một chén, rồi lại tự rót lấy một chén cung-kính lễ-phép cầm đứng trước mặt hai người uống hết. Tiều-thư nói :

— Tỳ-nhi mày lại hát được một câu nào nữa rõ thật hay, thời ta với chúa-công lại thưởng cho mày chén rượu nữa.

Ngọc Tiêu nghe lời, lại cầm phách ngà gõ nhịp, hờn hờ du - dương, lại lên giọng hát một câu rằng :

*Tre kiu một gốc ba ngành,
Tốt sao mà lại nảy cành không hoa ?*

*Lúa kia xanh tốt rườm rà,
Đợi chờ chi đó ai là người vin bông ?*

Phùng Ngọc trông thấy Ngọc Tiêu là người xinh-xắn trắng chẻo mềm mại, tóc bỏ chấm vai, đã động lòng yêu mến, lại nghe tiếng hát lạnh-lãnh, lắng lơ bữu-tinh, câu hát nào cũng có ý nói dả-dộng đến mình, tự-nhiên bật ra nhovn cười. Mai tiều-thư trông thấy cả mừng, liền rút cái kim-thoa gài trên đầu đưa thưởng cho Ngọc Tiêu mà rằng :

— Chúa-công từ ngày đến sơn-trại đến giờ, không thấy một tiếng cười, nay mày ca một câu mà làm cho chúa-công

phải mỉm cười, chẳng nên trọng-thưởng hay sao ?

Ngọc Tiêu không nhận thưởng vội, chỉ cười khanh-khách mà rằng :

— Lời ca quê-khếch chẳng bỏ rườm tai, đâu dám nhận lấy trọng-thưởng. Chỉ xin mời chúa-công với tiều-thư cạn hết chén rượu này, tôi còn có câu ca này xin hiến-tiểu một thể.

Phùng Ngọc thích ý uống hết chén rượu. Ngọc Tiêu lại gõ nhịp hát bắt đi bắt lại mà rằng ;

*Rừng kia cây mọc xanh rì,
Chàng ơi ! lòng thiếp chàng thì có hay ?*

*Thấu chẳng lòng khổ thiếp này ?
Lòng này biết tỏ bấy chầy cùng ai ?*

Ngọc Tiêu hễ hát lên một câu lại cố ngân mãi ra giọng chua xót thê-thảm, như oán, như thương, như rên, như khóc, làm cho Mai tiều-thư phải thồn-thức lên lặn vào lòng Phùng - Ngọc khóc nức-nở mãi, Phùng - Ngọc lấy khăn tay lau nước mắt cho tiều-thư, mà rằng :

— Tiều-thư ơi ! Tiều-thư có lòng yêu tôi lắm, tôi lại chẳng biết hay sao ? Song chỉ có một điều là bảo tôi bỏ người cũ mà thương yêu người mới, thời tôi tự vấn-tâm tôi sao đang ?

Ngọc Tiêu lại cười khanh-khánh mà hát lên rằng :

*Nọc ong kia nhỏ nhỏ mà đau,
Hương dầu kia man mát, mà thom
lâu ai cũng dùng.*

*Chàng ơi ! Đẹp như nàng, chàng
chẳng yêu cùng,*

*Gan chàng họa sất, mới không yêu
đến nàng, nàng ơi !*

Ngọc Tiêu hát vừa rút lời, làm cho Phùng Ngọc và Tiều-thư cười ầm cả lên, ba người đương vui cười thích-ý, chợt có tên nữ-binh vào quì gối mà bẩm rằng :

— Thưa tiều-thư, đại-vương đã trở về sơn-trại.

Mai tiểu-thư đứng dậy bảo Ngọc Tiêu rằng :

— Người ở đó bồi-tiếp chùa-công, hãy ngồi thong thả uống rượu, để ta ra nghênh-tiếp đại-vương.

Lại ngảnh về Phùng-Ngọc mà rằng :

— Mời lang-quân hãy uống thêm vài chén, tôi chạy ra một lát, lại trở vào ngay.

Phùng-Ngọc nói :

— Tiểu-thư cứ tự-tiện, lượng rượu tôi ít lắm, đã thấy hơi say rồi.

Mai tiểu-thư cáo-từ Phùng-Ngọc, trở ra dăng trước trại thò thấy Mai Anh và Gia-Cát Đồng đã đánh tan được binh-trại Gia-quế thu quân trở về đến trong trại, thấy tiểu-thư ra đón, hai người đều nghênh-tiếp mời ngồi. Gia-Cát Đồng chấp tay mà rằng :

— Cung-hỉ tiểu-thư, Lý công-chúa đã xong đời rồi !

Gia-Cát Đồng lại tán rằng :

— Lý công-chúa dụng-binh thực là giỏi ! vào mãi chốn hiểm-trở như là mắc vào trong bẫy, thế mà còn giết được hơn năm vạn quân ta và hai viên đại-trưởng. Nếu tài hèn này không làm-cơ ứng-biến, xuất-kỳ cho nhanh, thì xuýt nữa cũng hỏng !

Mai tiểu-thư đứng dậy cảm tạ mà rằng :

— Thực không ai bằng quân-sư, song bây giờ nói với Hoàng-lang làm sao vậy ?

Gia-Cát Đồng nói :

— Việc đó tôi đã nghĩ tới rồi, tiểu-thư với đại-vương nói ra không tiện, ngày mai ta cứ làm như thế . . . Nếu y có nói điều gì, cứ đổ chút tội cả cho tôi, đại-vương với tiểu-thư thò đừng ngoài cứ liệu chiều mà chuyển-bát.

Mai tiểu-thư nói :

— Quân-sư mưu-kế cực-diệu ! thực là lựa hết được cả nhân-tinh.

Tiểu-thư nói rồi từ biệt trở vào.

Ngày hôm sau, Gia-Cát Đồng sai

người mời Mai Anh với Phùng-Ngọc đến trại dự yến tiệc.

Mai Anh hỏi :

— Chẳng hay thừa-ý tốt của quân-sư mời đến có việc chi ?

Gia-Cát Đồng thưa :

— Từ khi Hoàng tướng-công đến sơn-trại này, bắt-tài này chữa được hầu tiếp ; hôm nay vô-sự, nên mời đại-vương với Hoàng tướng-công tới đây, để chúng tôi được hầu tiếp chén rượu. Tôi có một câu này thưa với Hoàng tướng-công, xin tướng-công lượng-thứ cho nhé.

Phùng-Ngọc cầm lấy chén rượu mà rằng :

— Xin quân-sư cứ nói cho nghe.

Gia-Cát Đồng nói :

— Thưa tướng-công, tướng-công cùng với Mai tiểu-thư tôi kết-duyên, không biết dựa nào thóc mách, nói cho Lý công-chúa ở trại Gia-quế biết, Lý công-chúa cả giận, đem binh sấn đến đây, thanh-ngón bảo là đến chém lấy đầu tướng-công. Tôi tức y nói lời bất-tốn, mới thi tiểu-kế, đánh cho binh-mã y ôm đầu mà chạy tán-loạn, Lý công-chúa không may bị ngựa giầy chết ở núi Nha-cốc cửa bể La-bàng, vậy xin bẩm đề ngài biết.

Phùng-Ngọc nghe nói xong, chén rượu cầm trên tay không biết là rơi xuống lúc nào, ngắt đi một hồi lâu, rồi hỏi rằng :

— Việc đó có thực hay không ?

Gia-Cát Đồng thưa rằng :

— Sao lại không thực.

Liền bảo tả-hữu đem cái áo bào cắt lấy được của công-chúa ra, vừa nói vừa giơ lên cho Phùng-Ngọc xem. Phùng-Ngọc xem thấy cái áo hồng-cầm-bào máu rây đầy cả, đích-thị là của Lý công-chúa, liền khóc òa lên một tiếng, ngắt đi ngã lăn xuống đất, tả

hữu vội vàng đỡ dậy, một lát mới hơi tỉnh-tỉnh, lại khóc òa lên, trông thấy trên vách có treo một thanh kiếm, đứng phắt dậy lấy xuống cầm ở trong tay, mà rằng:

— Công-chúa ơi ! Công-chúa vì tôi mà chết, tôi còn sống làm gì nữa !

Nói xong, cầm thanh kiếm giơ lên toan đâm vào cổ. Tả-hữu vội vàng giữ lại. Gia-Cát Đồng liền lặn cút mất. Mai Anh quì trước mặt Phùng-Ngọc mà rằng :

— Đó đều là tại quân-sư làm bậy, xin tướng - công nể mặt chị em tôi, người bớt cơn giận lôi-dinh đi cho.

Phùng-Ngọc khi nào lại nghe, vẫn cứ làm rầm lên. Chợt đầu Mai tiều-thư khóc lóc đi vào, rửa mặt cho Gia-Cát Đồng một hồi, rồi cùng với Mai Anh đều cầm lấy tay Phùng-Ngọc mà khuyên - giải, Mai Anh nói uỷ-giải một hồi lâu, rồi từ ra về. Phùng-Ngọc biết rõ rằng bọn họ âm-mưu lập-cục làm hại mất công-chúa của mình, thương thay công-chúa là người tinh-thâm nghĩa-trọng, nay chỉ vì mình mà bỏ thân nơi khoáng-dã, thương kẻ thác oan, đòi cơn gió tát mưa sa, khóc rồi lại khóc, thương dà lại thương; nghĩ đến tình kia nỗi nọ, lại lẩm lức thiết-tha tưng-tưng, bèn giậm chân vô ngực, đập đầu xuống đất mà khóc. Thục là:

*Tầm kia đến chết lơ còn vương,
Sáp nọ gần tàn lệ chữa khô.*

Một hôm đầu trống canh năm, Phùng-Ngọc trở dậy viết hai phong thư, mặt phong kỹ-lưỡng đợi đến sáng rõ, cho người gọi Hoàng Hán đến, sẽ dặn bảo rằng:

— Hai phong-thư này: một phong đưa về cho Trương tiều-thư, một phong đưa về cho cha mẹ ta, mày phải giữ cho kín; hễ sau khi ta chết rồi, nó lưu giữ mày cũng vô-ích, thời mày đi về hộ tao đem lời về từ-tạ Trương thái-công và Trương tiều-thư, xin nằng

trân-trọng lấy mình, kiếp này dầu phụ-ước, kiếp sau xin làm thân trâu ngựa đền nghì Trúc Mai.

Hoàng Hán nghe nói, thất-kinh, khóc mà rằng :

— Trương-công sao nói gở làm vậy?

Phùng-Ngọc nói :

— Quân giặc này tàn-ngược sinh-dân, không bao lâu triều-đình tất đem binh lại tiêu - trừ; ta nếu ở mãi trong đám giặc này, không chết sớm đi, thời tất di-lụy đến cha mẹ, đó là một điều. Chốn sơn-trại này trùng-sơn điệp-chướng, đường núi quanh co, mà đồn giặc lại như tinh-la cơ-bổ, nếu không chết đi, mà mình lại lần trốn, tất là nó bắt được, bấy giờ phải bị nhục thời xấu quá, đó là hai điều. Lý công-chúa là người trung-trình tiết-nghĩa, chỉ vị ta mà thác; nay ta lại cùng với gái giặc cùng chung chẵn gối, ăn của nó mặc của nó, đành chịu nhần-nhục tham-sinh, như thế thời là Phùng-Ngọc này giết chết công - chúa chớ không phải là giặc giết Lý công-chúa, ta nghĩ điều ấy thời nên chết lẫm, đó là ba. Ấy có bấy nhiêu lời, mày có bụng trung-thành yêu chủ, thời nên làm trọn nghĩa cho chủ để toàn-danh cho chủ, chớ có để lỡ-làng.

Hoàng Hán nghe nói, lạy cúi đầu khóc lóc, giả cách vâng lời rồi lui ra, vẫn giấu bặt chuyện không nói, song chỉ đem cái ý Hoàng-lang nghĩ thương tình Lý công-chúa chực muốn tự-vẫn, mặt sai người báo tin cho Mai tiều-thư biết. Tiều-thư nghe nói cả kinh mà rằng:

— Thế ra mình muốn yêu lang-quân mà lại hóa ra làm hại lang-quân.

Liền hỏi tả-hữu : Chúa-công ở đâu? Tả hữu thưa rằng:

— Chúng con thấy chúa-công khóc lóc đi về đằng sau núi.

Mai tiều-thư vội vàng bỏ cả đồ trang-sức đi chân không chạy đến đằng sau núi, thấy Phùng-Ngọc lấy một tờ

giấy trắng làm cái phướn chiếu-hồn viết rằng : « *Cổ-thê Kim-hoa Lý công-chúa chi hồn* » Cắm về đằng phía đông rồi lấy một khối đất làm đàn thắp hương tế lễ khóc lóc chiếu-hồn, lễ xong lấy cái phướn trắng đốt đi, rồi vén áo muốn nhảy lên trên hốc đá cao. Mai tiêu-thư chột đầu chạy lại ôm lấy khóc to lên mà rằng :

— Lang-quân ơi ! thiếp đã biết tội rồi, lang-quân nên thứ tội cho thiếp đại tội, thôi thiếp xin tô-tượng công-chúa, chung-thân phụng-thờ để chuộc cái tội trước ; nếu lang-quân nhất định không thứ cho thiếp thì lang-quân bắt-tắt phải liều thân, xin cứ chém đầu thiếp để báo-thù cho công-chúa .

Tiêu-thư nói rồi khóc thảm-thiết, Phùng-Ngọc thấy tình-trạng như thế bèn dựng đôi lông mày lên nghĩ ngay ra một kế mà rằng :

— Nàng ơi ! nàng bảo tôi tha cho nàng tội gì mà ? nếu vậy, thì nàng phải cùng với tôi đến núi Nha-cốc, thu lấy hài-cốt công-chúa, khâm-liệm lại đem chôn rồi mời nhà sư làm chay sêu-độ cho nàng mới được. Nếu không thế thì tôi phải xuống dưới suối vàng tìm cho thấy công-chúa mới nghe, không lẽ nào lại cùng với nàng là đũa đố-phụ cùng ở một ngày nào nữa !

Mai tiêu-thư thưa rằng :

— Chàng dạy sao thiếp cũng xin tùng-mệnh .

Phùng-Ngọc nói :

— Trước kia ở núi Thổ-sơn có giao-ước ba việc, thế mà chớp mắt đã sai hết, người mán mèo đa-trá, ta không thể tin được .

Mai tiêu-thư nghe nói, liền qui về hướng đông trở mặt trời mà rằng :

— Thiếp nếu nói ra, lại ăn lời, thời đã có mặt trời kia !

Phùng-Ngọc thấy tiêu-thư thề-nguyên quả-quyết, bấy giờ mới nghe lời bèn cùng nhau xuống núi trở về trại. Tả hữu đem dâng cháo nhân-xâm, tiêu-thư đỡ lấy, thân cầm thìa ngọc điều-hòa đưa đến trước mặt Phùng-Ngọc mà rằng :

— Chàng ơi ! chàng đã ba ngày hôm nay không ăn tí gì, xin chàng cố gượng thìa này .

Phùng-Ngọc lấy tay hất ra mà rằng :

— Cỗ tôi còn nghẹn tắc lên đây, không thể nào nuốt được .

Tiêu-thư đứng tựa bên mình mà rằng :

— Xin khuyên chàng cố gượng một thìa này .

Phùng-Ngọc cứ dựa ghế không nói gì cả, Mai tiêu-thư đặt chén cháo trên bàn dựa ghế ngồi cúi gục đầu xuống. Phùng-Ngọc chột xoay đầu trông thấy nàng rầu rĩ thương tình, không cầm lòng được, bèn bảo rằng :

— Nàng ơi ! đừng dậy mà chải đầu đi chứ .

Mai tiêu-thư nói :

— Chàng ơi ! chàng còn chẳng tiếc gì thân nữa là thiếp còn cần gì vuốt ve trang-sức .

Tiêu-thư nói rồi khóc nức nở. Phùng-Ngọc phải cố gượng bước tới trước án cầm lấy chén cháo húp vài thìa. Mai tiêu-thư khi ấy mới sai tả-hữu đem cái đôn-hoa đến để ngồi gần bên đùi Phùng-Ngọc, sai Ngọc-Tiêu gỡ tóc trang chải vuốt ve. Lại truyền cho : « Ti-tướng kén lấy 500 quân-sĩ sáng sớm mai phải kéo đến núi Nha-cốc, dựng lấy ba gian nhà gianh, và cho gọi lễ-sinh, phường-nhạc, cùng đồ lễ-nghi. quan-quách khâm-liệm đều phải dự-bị cho đủ, ngày mai ta sẽ cùng với chúa-công ra đó để làm lễ liệm-táng công-chúa, không được làm lỡ, nếu sai thời phải trọng-phạt đó. » Tên ti-tướng vâng lệnh ra đi. Sáng ngày mai, Mai Anh đến dinh chơi, yết-

kiến Phùng-Ngọc xong, trông vào Mai tiều-thư mà hỏi rằng :

— Tôi nghe hai anh chị sắp sửa đến núi Nha-cốc để làm lễ liêm-táng công-chúa, xin cho em cùng đi để ra trợ-lễ được chút nào chăng.

Mai tiều-thư vâng lời. Mai Anh bèn dắt tay Phùng-Ngọc đưa ra trước trại, xoi cơm xong, rồi cùng lên ngựa, tiên-hộ hậu-ủng, kéo đến núi Nha-cốc. Khi kéo đến nơi tiến vào nhà rạp. Quân-sĩ đã đem thầy Hứa Ngọc-Anh rửa sạch, mặc áo bào đội mũ để yên trong quan, trên mặt phủ một vuông hồng-cầm, chực đợi Phùng-Ngọc đến nơi xem xét rồi mới đẩy áo quan. Khi Phùng-Ngọc đến trông thấy bước rảo lên đến bên thầy, mở vuông hồng-cầm ra thì thấy mặt mày sây sát nát cả ra không còn biết đâu mà nhận được nữa. Phùng-Ngọc bấy giờ cũng không ghê gì bần thủ, phục ở bên thầy khóc lóc rầm rĩ, khóc đến nỗi thắm-tinh húc cả đầu vào thầy mà khóc. Mai Anh vội vàng dỡ ra một bèn, tả-hữu liền đẩy nắp áo quan lại. Phùng-Ngọc hãy còn kêu trời kêu đất khóc cực thê-thảm. Thế mới biết :

*Thánh-nhân khóc vì đạo,
Thòh-nhân khóc vì sắc.*

*Dụng tình dẫu khác nhau,
Thương tá n đều một mực.*

Mai Anh khuyên rằng :

— Người chết rồi dẫu khóc cũng không thể nào sống lại được, xin tế-huynh bảo - trọng lấy qui-thể, để mà liệu-lý việc công-chúa cho xong là hơn.

Chợt có tên ti-trướng đến bẩm rằng :

— Cát - huyết của công-chúa để về phương nào ? xin đại - vương trở bảo cho, để chúng tôi cho thợ hưng-công chức-tạo.

Phùng-Ngọc nói :

— Nay phải tìm một nơi cát-huyết,

ngày sau không có làm đường sá, thành-quách gì đến, và không cày bừa chi đến, nước lớn cũng không lo xuug-phá chi cả, thời mới là nơi thiện-địa.

Mai Anh bèn dắt tay Phùng-Ngọc mà rằng :

— Tôi với tế-huynh ta cùng đi dạo sơn-thủy xem sao ?

Phùng-Ngọc bèn đứng dậy cùng Mai Anh lên ngựa, đi về đường Lệ-oa gần núi Nha-cốc xem qua, đều bảo rằng không được tốt ; lại đi tới xem đàng trước núi Đại-tiến, Phùng-Ngọc trở ngọn núi Cẩm-thạch, giả cách không biết mà hỏi rằng :

— Kia núi kia là núi chi ?

Mai Anh nói :

— Đó là núi Cẩm-thạch.

Phùng-Ngọc nói :

— Núi ấy cây cỏ đến mùa đông mà vẫn tươi tốt, tất là có vượng-khi chung-linh, tôi với đại-vương ta thử ra xem thử.

Mai Anh muốn thuận chiều ý Phùng-Ngọc liền nghe lời xin vâng. Bèn cùng qua đò Nam - giang lên núi Cẩm - thạch, thấy về mặt chính-tây núi, sông nước hồi-hoàn, phong-loan triều-củng. Phùng-Ngọc nói :

— Đàng núi này long-hồi hồ-phục, thực là nơi cát-địa, xin để ở đó là yên.

Mai Anh ngẩng đầu lên xem thời quả là nơi phong-tàng thủy-tụ, bèn gật đầu mà rằng :

— Tế-huynh nhần - lực xem thực đích-đáng !

Liền sai quân-sĩ di-doanh đến đóng ở núi ấy, sai hưng-công đào huyết, không đầy ba ngày khởi đắp nên một ngôi phần-mộ lớn, rước áo quan Hứa Ngọc-Anh, chọn ngày giờ tốt an-táng. Phùng-Ngọc lại lấy một tấm vải trắng viết làm một cây tràng-phan, đến núi

Nha-cốc chiêu-hồn rồi dẫn về nơi mộ, cử-ai điện-tế, Mai Anh cũng thấp hương vào lạy. Tế xong, ban thịt tế cho quân-sĩ, bày ra ở trước mồ uống rượu, nào là rượu từng bát, thịt từng mâm, hoan-hô túy-lý, uống đến hết canh một mới tan tiệc đi ngủ. Quân-sĩ phải mấy ngày khó nhọc luôn, tối đến lại uống hàng bát rượu, đều ngủ ngáy khò-khò tiếng kêu như sấm, gần đến trống canh ba, Phùng-Ngọc nghĩ ngay ra rằng : Bây giờ không trốn đi còn đợi đến bao giờ. Bèn sè-sẽ trở dậy, rón-rén bước ra ngoài trại, đi lần bước xuống núi, không

tưởng chi là gai góc đá sỏi cứ bước chân đi, trong đám cỏ rậm trắng mờ, dò được con đường nhỏ cứ theo men sông mà đi, đi qua ba bốn quả núi đá trong bụng hoang-mang, không đề-phòng chi cả; sương xuống rêu trơn, tiếng suối róc rách, không ngờ trượt chân một cái sa xuống sông Trường-kha. Thực là :

*Phúc lành đem tới không kỳ hạn,
Vạ dữ dồn cho cũng lắm khi.*

ĐÔNG-CHÂU dịch
Còn nữa

NỮ-HUẤN CA

(Truyền rằng của quan Binh-hồ Nguyễn. . . khi ngài tri-phủ Nam-sách làm ra).

Binh-hồ đất nước nhà ta,
Văn-chương chữ nghĩa kẻ đà thiếu chi.
Ca nôm rần dạy nữ-nhi,
Trước nghe chưa có nay ghi gọi là.
Lựa văn chấp nhật gần xa,
Tỏ cho con cháu trong nhà được hay.
Con trai học bạn học thầy,
Xem trong sách chép đã đầy phải chăng.
Gái nương cửa kín như bưng,
Khác nào chim chích vào rừng biết đâu.
Vậy nên dặn bảo nông sâu,
Tỉ tê thóc mách gót đầu kẻ ra :

Khi còn ở với mẹ cha,
Phải chăm chút lắm mới là đạo con.
Dầu sao chớ mỗi chớ chồn,
Sớm khuya vật lạ của ngon khuyên mời.
Khi ăn, đứng lại gần nơi,
Miếng gì cho biết tình người là tra.
Áo quần nên giặt thời thừa,
Nhắc người tắm gội không chớ phải sai.
Sẵn sàng chỉ quần kim cài,
Phòng khi rách gấu sớ vai dính vào.
Của gì người đã ước ao,
Mấy sông cũng lội mấy rào cũng chui.
Hoặc khi trái nắng giở trời,

Thuốc thang chực mọc năm ngời nâng
[niu,

Phải khi giận dữ trăm triều,
Đánh ra cửa trước bước vào cửa sau.
Chắc mình phải trái cứ đầu,
Chớ sầm con mắt chớ cau lông mày.
Quạt nồng đắp lạnh cho hay,
Ăn sau dậy trước ngày ngày chớ sai.
Mười phần hiếu vẹn cả mười,
Bên chồng thời cũng một bài như nhau.

Đến khi bước về làm dâu,
Đất lè quê thói cơ mầu phải trông.
Trước tiên chào bác mẹ chồng,
Tình người nhạt nhẽo lạ lòng dễ đau.
Gặp người khe khắt cơ-cầu,
Phải nhanh tiếng dạ phải mau nét làm.
Dù canh dù cháo dù cơm,
Dò la tói tớ trông nom ý người.
Già nua xấu nét lắm lời,
Dầu làm sảng bố cũng tươi cũng cười.
Chồng yêu mình một hay mười,
Chớ vênh vào mặt ra người trên người.
Lường-trong mới thực đại đời,
Càng thêm tỏ ghét cho người ích chi .

Phu-thê là đạo xướng-tùy,
 Sở nhân lỗ mũi kẻ gì người dung.
 Theo chồng như cối theo giàng,
 Hễ mà sứa vượt qua đấng chẳng lành.
 Gặp chồng là kẻ học hành,
 Tìm thầy nuôi bạn đồ-dành kiếm phương
 Chớ đeo huê-nguyệt thói thường,
 Đề công đèn sách trẻ-tràng tại ai ?

Gặp chồng là kẻ giống già,
 Khi mê ta sẽ liệu bài can ngay.
 Dẫn dần êm đẹp thời hay,
 Hễ già néo lắm thời dây không còn.

Đành-hanh đâu có người khôn,
 Quý gì những thói đa-ngôn lằng-loàn.
 Chồng yêu ơn đội muôn vàn,
 Càng thêm kính-trọng dám nhờn dám

[khinh.

Nhà mình phú-quí hiển-vinh,
 Chồng nghèo cũng chớ cậy mình thờ-ơ.
 Dù ai hay tám nghìn tư,
 Trăm năm chẳng khỏi cậy nhờ phu-

[quân.

Tuổi cao là số muộn mắn,
 Tìm người sửa túi nâng khăn đỡ mình.
 Dù chàng ba bảy tiểu-tinh,
 Mấy con thời cũng con mình ? con ai,
 Sợ chồng vả lại thương người,
 Khôn mừng đại dạy chớ hoai chấp chi.
 Ghen tuông nào có hay gì,
 Tan nhà mang tiếng bất-nghị vào thân.

Sao bằng tu lấy chữ nhân,
 Hiền lành đề dức đến phần mai sau.
 Những người ác độc hiển sâu,
 Giương treo tây liếp trên đầu thủ trông.

Anh em vây cánh nhà chồng,
 Trời cho càng lắm càng đông càng

[mừng.

Lẽ nào mặt vức mặt lưng,
 Rút dây chẳng sợ động rừng khéo hay.
 Lại còn những thói thầy-lay,
 Đêm hôm ỏn-thót đặt bày chuyện ra.
 Vì đâu máu mủ nên xa,
 Tội trời ai chịu rõ mà nghĩ xem.

Nhờ con chị cống con em,
 Lá lành đùm rách chớ hiềm đầy voi.
 Lời rằng sênh đó ra thời,

Của anh của chú cũng người nhà ta.
 Khó nghèo số phận sinh ra,
 Cùng bất-đắc-đĩ ai mà muốn chi.
 Ma, chay, giỗ, tết việc gì,
 Minh giàu đừng có suy bì với ai.
 Ngón tay còn có ngón dài,
 So tây vạc nhọn nhiều lời xấu xa.

Chị em con cái ruột già,
 Yêu nhau như thể cánh hoa trong lòng.
 Cả khôn ai nấy theo chồng,
 Mỗi người một xứ ở cùng mãi lâu.

Trong nhà cùng bạn làm dâu,
 Việc gì ta sẽ bảo nhau chớ hò.
 Khác nào như thể chơi đu,
 Nhún người một chút nọ chờ thi gan.
 Cũng đừng tranh-cạnh đa-đoan,
 Chia môi rầu mỗ là đoàn nhược nha.

Khi anh em rẽ đến nhà,
 Dầu thân cho lắm chớ hoá đầy đây.
 Kéo mà mẹ nó di mây,
 Tiếng đời cửa miệng rửa ngày nào phai.

Trong nhà tôi tớ con trai,
 Việc gì cũng chớ rĩ tai nói cười.
 Tay đưa chớ giấp gần nơi,
 Lửa gần rơm đã có lời vi xua.
 Lẽ nào vô-ý làm lơ
 Áo chung-lộn vắt cửa thơ-thót giàng.

Đêm đi không đuốc thì đừng,
 Kẻo mang tăm tối chuyện sáng tiếng oan.
 Ngay cho chết cũng rằng gian,
 Vườn dưa chữa dép ai bàn không nghi.
 Quanh-co đối trá hay gì,
 Dấu voi khôn kín đường đi hay cùng.
 Một mai việc chẳng bùng bùng,
 Nhất sự bất-tin ai hông còn nghe.
 Vậy nên một mực giữ dè,
 Như dao chém đá chớ hề đối ai.

Vàng rau buôn đứng bán ngồi,
 Được vốn thời bán không thôi chớ thê.
 Hơi đồng chớ thấy mà mê,
 Cố liệu rất tóc học nghề lái trâu.
 Dù ai vay mượn lụy-cầu,
 Có cho không chớ đừng mầu nói chua.

Lời nói không mất tiền mua,
 Nói ra thêm oán thêm thù không nên.
 Cảnh cao cảnh thấp qui-quyền,
 được hơn tẩm lụa quan tiền gì chẳng.
 Dù hay dù dở cũng rằng,
 Hoi đầu mà giận người dựng thêm gầy.
 Có thì buộc chỉ cò tay,
 Không thì tự khắc một ngày một không.
 Có chi ra mặt động lòng,
 Càng thêm những chuyện then thùng
 [hay chi.

Dù ai diên-đảo việc gì,
 Biết con người ấy bất-nghi thể thôi.
 Khỏi chông quen thói cong đuôi,
 Nói càng thêm oán chuyện rồi kể chi.
 Dù ai xâm phạm điều gì,
 Cũng đừng nói kể vô-tri hoài lời.
 Dầu sao cũng nói cũng cười,
 Ai đội mũ lệch đã người trông ra.

Chửi con đừng có chua ngoa,
 Động đến ông vãi ông bà không nên.
 Những người lằng-mạ tổ-tiên,
 Phép vua có cấm dề tuyên được danh.
 Chửi cho có ngọn có ngành,
 Suy ra mình lại chửi mình khôn sao !

Tôi đòi con cháu nhà nào,
 Tội thời đánh sẽ giờ cao gọi là.
 Phòng khi nó nhỡ tay ra,
 Xưa nay cả giận vẫn là mất khôn.
 Thế thường nói chết thì chôn,
 Phép tư đã vậy lại còn phép công.
 Giận ai trước phải dẹp lòng,
 Đừng cho như lửa dùng dùng cháy lên.
 Tình thời giặc bớt cho quen,
 Còn đeo thói cũ có phen mua sầu.
 Dù ai bát đĩa xô nhau,
 Cũng đừng lửa cháy thêm dầu không
 [nên.

Việc gì ơn trả nghĩa đền,
 Chớ đừng lặt-lưỡng khỏi rên quên thầy.
 Việc làm ăn vóc học hay,
 Sáng tai họ điếc tai cày ai tra.
 Đồ ăn thức đựng sớm trưa,

Trông nom kẻ mất biết ngờ cho ai.
 Tiếng mang lơ dãnh đại đời,
 Khi làm mượn mỗ lụy người mất công.
 Của ai kính biểu thì trông,
 Của tuy không mấy nhưng lòng hân-hoi.
 Mong sao ăn chả giả bùi,
 Có đi có lại thiệt thòi quản bao.
 Gục đầu vai vế lẽ nào,
 Của yêu người gét có vào không ra.

Còn như việc vất trong nhà,
 Ngồi nhàn ta lại kể qua cho tường ;
 Làm ăn cứ giữ phép thường,
 Tám tương hai muối như đường có ca.
 Bình tương chớ để trong nhà,
 Đè sâu nên chặt dưa cà kéo hư.
 Cơm cho ráo cháo cho như,
 Mắm bung rượu nút chớ ngơ bỏ liều.
 Đồ ăn mèo đay chớ treo,
 Chia vôi dao nhọn để theo vách nhà.
 Cất đèn cái đĩa dời ra,
 Hỏa lò siêu nước cũng là cầm riêng.
 Bường the bếp nước cho siêng,
 Chắc gì đầy tớ giữ gìn được nghiêm.
 Cửa thời then khóa cho êm,
 Bếp đun đứng dậy vợ rơm rác vào.
 Lôi thôi bồ hóng thấp cao,
 Ngộ khi lửa bén gỡ sao kịp mình.

Bán buôn thùng đấu cho tinh,
 Đông sao bán vậy chớ rình đối ai.
 Kéo mà mang lấy tội trời,
 Lường thưng giáo đấu muôn đời khá
 [đâu.

Phải chằm nhà quét đèn lau,
 Sinh con mặt sáng lâu lâu như gương.
 Vén thu thóc rưng cơm vương,
 Cửa trời xem bằng ngọc vàng để đầu.
 Dầu cho bạc cốt tiền lâu,
 Trong tay chớ nghĩ rằng giàu mà hoang.
 Việc gì rộng hẹp tùy đường,
 Đừng co cuắp lấm ra phường nhỏ nhen.
 Còn ra diu-dặt giữ giu,
 Phòng khi có lỗ khỏi phiền lụy ai.
 Dù mình phải lụy đến người,
 Dầu rằng chút đỉnh muôn đời chớ quên.

Cho ai của đáng trăm nghìn,
 Cũng như bỏ sót mong đèn ớn chi.
 Thiệt hơn cũng chớ suy bì,
 Người mà chẳng biết chứng-tri đã trời.

Chớ chơi giời mở no đòi,
 Say mê kẻ vẽ kẻ dùi chốn đông.
 Tuy rằng thua chẳng mấy đồng,
 Mưa dầm cũng lụt nữa chông cây ai?
 Thua vào đổ mặt ti tai,
 Miết ngồi mà gỡ người ngoài khó coi.

Cơm ăn qua bữa thời thôi,
 Lọ là thịt đốt chả bùi mà chi.
 Mặc thường lụa vải tùy-nghi,
 Hoa hiên trứng sáo cứ gì mới nưôm.
 Sao cho khó sạch rách thơm,
 Sao cho khỏi tiếng lam-nham mới là.
 Hơn nhau một chút nết-na,
 Hình-dung xấu tốt mẹ cha sinh-thành.
 Những phường má phấn mày xanh,
 Càng thêm dơ dáng đại hình khó coi.
 Nghiêm-trang chín-chắn thời thôi,
 Đói no cũng vậy đứng ngồi cũng tươi.
 Chớ trông trộm chớ cười chơi,
 Hễ mình lơ-lãng thì người đá - đũa.
 Dù ai đi sớm về trưa,
 Chuyện đâu bỏ đó chớ thừa hoài hơi.
 Ngộ khi lói lảng đến người,
 Đói co mách lẻo kẻ cười người chê.

Hoặc khi xướng hát hội hè,
 Cũng đừng náo-nức bạn-bè đua nhau.
 Cái hay có gói được đâu,
 Việc nhà coi sóc dễ hầu cây ai.
 Dù ai khéo dỡ khéo mời,
 Thời ta cũng liệu kiếm lời chối đi.

Đúc chuông tô tượng việc gì,
 Cúng-dàng sẽ gửi cô di cũng xong.
 Chớ nghe thầy-bói cô-đồng,
 Những là mất việc tổn công thêm rầy.
 Bệnh thời lấy thuốc làm thầy,
 Dầu sao giải-kết rủi may tại trời.

Khoe khôn khoe khéo đầy người,
 Việc nhà thời nhắc việc người thời ưa.

Nghề riêng học lăm cũng thừa,
 Trông cả dưa mắm hễ vừa thì hay.
 Biết đường kim chỉ vá may,
 Cơm canh nấu nướng liệu tay có chường.
 Bánh trong bánh lọc mọi dàng,
 Nhất là biết cả không dùng cũng xong.

Chăn tắm thực có lăm công,
 Đến khi ăn rồi chớ mong nằm ngồi.
 Liền tay quạt gió xua ruồi,
 Đêm ngày cơm đúng dám dòi được du.

Cửi chăm tay khổ tay go,
 Kén tơ hao đủ tính cho rõ ràng.
 Ngắn dài chấp nối tấc gang,
 Đầu giàn cuối rớt chớ vương bỏ liều.

Ruộng đồng cánh thấp cánh cao,
 Phải ghi nếp tẻ nơi nào gần xa.
 Gặt về phải chọn giống ra,
 Riêng ngăn nắp để chớ hoá lộn - đò.

Gạo thơm ăn chớ xô-bò,
 Phòng khi giỗ tết khỏi lo đến mình.
 Giàu thời ngũ-quả tam-sinh,
 Khó thời đĩa muối lưng canh cũng là.
 Quỷ thần hâm-hưởng không xa,
 Hễ lòng thành kính người đã giám-lâm.
 Những ngày mồng một hôm rằm,
 Cùng ngày tế-tự chớ chăm gần chông.
 Gái đầu có gái lạ lưng,
 Nhí-nha nhí-nhảnh má-hồng quanh năm.
 Chớ hề vắng vẻ tối tăm,
 Hai vai đã có người cầm sỏ tay.
 Nhà người thóc đụn tiền cây,
 Ai nay chẳng trọng ai rầy chẳng ưa.
 Đừng toan rẽ má dây mơ,
 Khó hèn cũng chớ thờ-ơ dễ hình.
 Nhờ chông phu-quí phụ-vinh,
 Họ nghèo có đến thời mình mới hay.
 Chớ điều quen thói xưa nay,
 Kiêu kỳ bắc bạc mặt đầy mặt voi.
 Của đời rồi lại trả đời,
 Hễ ai nhân đức thời trời độ cho.
 Phải chăm cứu vớt đỡ bù,
 Những người đói khát lỡ yếu đau.
 Dầu không làm quán bắc cầu,
 Ở lạnh cũng đã trên đầu sáng soi.

Nhân-tiền thử ngẫm mà coi,
 Những nhà bạc ác mấy hồi lại tan.
 Cửa mà có đức cũng bền,
 Chắc gì tiền thóc muôn vắn đê-đa.
 Còn khi khách đến chơi nhà,
 Vào ra khép nép chớ hòa tả toi.
 Khuyên răn đầy tớ nhẹ lời,
 Chớ trông đối mặt, chớ cười động cơn.
 Dầu cho trăm giận nghìn hờn,
 Vuốt ve đề đó dám bàn nữa nao.
 Chửi mèο mắng chớ rêu rao,
 Minh tuy bụng thực khách nào ngồi yên.
 Chè thang chớ ngại chớ phiền,
 Hễ mà chồng được bạn hiền thời may.
 Dầu cho thóc mượn tiền vay,
 Cũng như của gửi chồng nay ăn đường.
 Còn khi thai sản cru mang,
 Ngủ thường chớ kỹ, ăn thường chớ no.
 Chớ cả giận chớ cười to,
 Chớ ngồi chõn lệch chớ dò chõn sâu.
 Chớ cất nặng chớ vin cao,
 Vật gì mất máu tư hào chớ ăn.
 Nực kiêng hóng gió còi trần,
 Rét kiêng hơ lửa đắp chằng quá chừng.
 Thường nhắc việc chớ hay nằm,
 Hễ ngoài ba tháng chớ chằm gần chõng,
 Đến khi giáo giờ trong phòng,
 Đừng nghe người giục mà long dạ mình.
 Như hoa đến độ thời sinh,
 Kéo mang cái sự chẳng lành tại ai.
 Sinh ra dù gái dù trai,
 Gái theo cung cử, trai chơi sách đèn
 Ngảy thơ cũng phải tập rèn,
 Hễ mà biết nói thời liền miệng răn.
 Chớ cho lòe-loẹt áo quần,
 Chớ cho lỏng-hồng nết ăn nết hờn.
 Hễ vào khuôn phép thời hơn,
 Lộ là mặc tốt ăn ngon mới hèo.
 Trước là tiền mất tật đeo,
 Sau là quen thói mỹ-miêu hư thân.

Cây non thời phải uốn dần,
 Cả cành mới uốn thêm phần khó ra.
 Một mai mất nết mất na,
 Ai ai cũng nói đến nhà có con.
 Hiếm hoi càng phải cho đòn,
 Có một mà xấu lại còn cậy đầu.
 Dạy cho đến đũa đến đầu,
 Sinh con ai dễ là hầu chẳng thương.
 Mai sau chân bước ra đường,
 Đi cho bình dáng dịu-dàng khoan thai.
 Tay khép áo, nón che vai,
 Phòng khi gặp kẻ vô loài tư vương.
 Cậu có chú bác họ hàng,
 Lợi thời ta sẽ đứng nhường chõn khó.
 Thấy người mang nặng đội to,
 Miệng xin tay cất mau cho đỡ người.
 Đàn ông cho chí người ngoài,
 Chớ trông chõn vắng chớ cười quăng
 [không.

Trái tai nghe tiếng lạ-lùng,
 Làm thinh rảo bước khỏi vòng thời thôi.
 Chớ hề giả miệng giả môi,
 Mất công thêm việc hóa lồi-láng nhiều.
 Chị em co kéo dặt-diu,
 Trình qua rồi sẽ kiếm điều tháo lui.
 Chõn đông cầu vắng chớ ngồi,
 Mong cho đến chợ mua rồi kéo trưa.
 Đồng tiền con cá lá dưa,
 Cửa ươn cửa héo ai ư ai dùng.
 Làm người có mắt thời trông,
 Buồm che thúng đạy kéo phòng kẻ gian.
 Đừng hay trò chuyện lan-can,
 Liệu mua bán đoạn lo toan đường về.
 Đừng hay quà bánh ngồi lê,
 Nhà mong, chúng bạn cười chê hay gì.
 Mấy lời răn dạy nữ-nhi,
 Lựa vắn chấp-nhặt chép ghi gọi là.
 Làm khuôn nữ-tắc trong nhà,
 Đủ ngần ấy nết mới là người khôn.

NGUYỄN ĐỨC-THÚY sao-lục

VĂN-UYÊN

TẢN VĂN

Du Ngọc-tân ký

Ba giờ chiều ngày 30 tháng Mạnh-xuân năm Nhâm-tuất, Tùng-Vân cùng với năm ba người thân-hữu, tự thành Thăng-long lên chơi bến Ngạc, sự gì đâu, là ngẫu-nhiên vô-sự, mà xui nên một cuộc du-xuân vậy.

Khi ta ở thành Thăng-long, tuy rằng thời-lệnh còn đương thuộc về quyền Thanh-đế, các thần Thiệu-nữ con nhà mọt còn đương mỗi mọt về chủ-nghĩa ôn-hoà, để giúp cho loài người lấy cái thế - giới dương - xuân; nhưng khéo thay các thần Chúc-dung con nhà hỏa dã có ý ngấp nghề lăm le, muốn những bàn-tán chủ-nghĩa viêm-nhiệt; vậy khi ta ở giữa đất phần-hoa, muốn tìm một nơi u-nhã thanh-khoảng, để nuôi cho con tâm lấy cái tính-tĩnh cao-nhã, mà giúp cho cái thân lấy cái khí-tượng hoà-bình; cuộc này bảo là cuộc tị-thử nạp-lương cũng phải, bảo là cuộc thập-thúy tầm-phương cũng phải, mà bảo là cuộc thể-dục và đức-dục cũng phải.

Khi bước lên xe, nhân khẩu-chiếm dịch một bài thơ bốn câu ba vần của ông Trình Minh-Đạo tức-cảnh về sự du-xuân rằng :

*Gần trưa mây gió buổi êm trời,
Hoa liễu bên sông thử dạo chơi.
Cái thú riêng ai ai đã biết,
Ngờ ai hi-hửng cũng như ai.*

Thơ dịch xong, ngâm đi ngâm lại đôi ba lần, hình như đội quân Chúc-dung (hỏa-thần) đã có ý hàng-phục nhà Nho mà chịu lui đi tam-xá; xe lên đến mặt đê giông-ruổi một phút đồng hồ, hình như bạn thiệu-nữ cố-nhân ta đã ngạt-ngào đầu ở ngọn cỏ

Nghi-tàm, thấp-thoảng đầu ở lá cây Yên-phụ.

Trông ra mảnh gương Tây-hồ, nước đầy vắng-vặc, gió thổi hiu-hiu, rõ một bức tranh sơn-thủy lâu-đài vẽ bằng thủy-mặc, treo riêng ra ngoài cõi phần-hoa, ông tạo-hoá cũng tinh lăm nhĩ! cũng ý-vị lăm nhĩ! ngửa mặt trông lên, thấy một đàn hâu bay lượn, xem ra có ý thoả-thích nhẹ-nhàng; sức nhớ đến thửa xưa bà nữ-kiệt nước Nam ta khi đóng quân ở đây, dưới thì bùn lầy, trên thì sa mù, con hâu hết sức bay, chỉ là trên mặt nước; trong bụng tự-nhiên thấy cồn-cồn đau, hai hàng lệ muốn tuôn đầy, song chưa có thể đối với ai mà tuôn đầy ra được, rõ thật cảm thương người mà ngậm-ngùi muốn thu; cho mới biết những người không có cảm-tình đến lịch-sử cô-kim, tuy có rủ nhau đi chơi chằng nữa, chằng qua uống cốc cà-phê, ngậm điếu xì-gà, nhẩy lên xe cao-xu, bấm đồng-hồ xem mấy giờ, mau mau đi cho đến nhà hát mà thôi, không bao giờ có cảm-tình với cỏ hoa, cảm-tình với non nước.

Xe đi một lúc nữa, thấy xe dừng lại, các người thân-hữu bảo rằng đến nơi rồi đây; ta trông lên, bên tả đã thấy Ký-niệm-đài, bên hữu đã thấy một con đường sạch-sẽ xinh-xinh, chạy thẳng xuống bến. Chao ôi! đất này có phải là đất ta lạ đâu, bởi vì ta bình-sinh có một chứng nghiệm Nam-sử, hề đi đến nơi sơn thủy nào mà có di-tích của tổ tiên, thời ta hình như người say gái say rượu vậy, chờ lâu có người vỗ vào óc mà nói chuyện khác thời sẽ tỉnh.

Ta với các người thân-hữu bồi-hồi ở giang-tân một lúc, nào là màu trang-đê-phong-thảo, nào là vẻ xuân-thủy

lạc-ba, xinh thay là cái thể-giới văn-hà, cho cảnh-sắc giang-thôn lại thêm bát-ngát ; bấy giờ tưởng cái thân-thể mình là cái thân-thể thanh-hòa, không phải là cái thân-thể não-nhiệt ; cái tư-tưởng mình là cái tư-tưởng cao-minh, không phải là cái tư-tưởng hỗn-tạp.

Mới cùng nhau tìm vào nhà quen, mở một tiệc trà đề thưởng-tâm ; cho hay là thói hữu-tình, vừa mới gõ tay vào then hoa, dạo gót vào vườn liễu, oanh oanh yến yến, đâu đã có ý đợi chờ ; bấy giờ mới giở ra nghề chơi, gọi là một cuộc hành - lạc, gọi là đẹp mắt, gọi là êm tai, gọi là mấy câu thơ Hồng-bạch, gọi là vài bài phú Nộn-mai, gọi là dăm ba câu trò chuyện, gọi là một vài chút tâm-tình ; đến chín giờ đêm, bỗng không trời đất chuyển vần, quay ra một trận gió bắc, ầm ầm ào ào, khi-hậu khác hẳn đi, đèn thấp lại tắt, đèn tắt lại thấp, tuy rằng trong cuộc vui chơi, song anh em ta ai nấy vẫn giữ lấy quang-minh chủ-nghĩa, không ai chịu ám-muội chút nào.

Chao ôi ! khi-hậu ở Bắc-kỳ, người Nam ta nên biết : Nước ta nguyên ở về xích-đái, quanh năm nóng nực vẫn là phần nhiều ; xứ Bắc-kỳ ta tây, đông, bắc ba mặt giáp núi, giữa thung ra một cõi bình-nguyên, chỉ có một mặt đông-nam giáp bể ; cho nên khí nóng ở Bắc-kỳ, vì ba mặt núi ngăn trở, thường dữ hơn ở Trung - kỳ Nam - kỳ ; song nhờ có ngọn gió ở Nam-dương đưa lại để điều hòa, vậy xứ Bắc-kỳ ta quanh năm thường lấy gió nồm là thuận ; nhưng đến khi rét cũng có khi khác thường, bởi vì cái luồng không-khi ở phía đông - bắc tự Mặc-tây-khê qua Thái-bình-dương dựa vào sườn Nhật-bản, Thượng-hải, Phúc-kiến, Quảng-đông mà thẳng lối lùa vào ; xứ Bắc-kỳ ta hàn-thử đều có ý khốc-liệt và bất-thường, khác với Trung-kỳ Nam-kỳ nhiều lắm ; hoặc có

kẻ bảo xứ Bắc-kỳ ta chỉ có đông hạ mà không có xuân thu, lời ấy không phải là quá-đáng ; nếu không biết dự phòng về cách vệ-sinh, thời cũng dễ sinh ra tật-bệnh ; hôm ấy tân-khách đều bị rét, phải điều hoà đồng-tâm bằng xuân-khí ; duy Tùng-Vân tuy có xướng hoạ ở trong làng ôn-nhu, (chất mĩ-nhan) song vẫn thường có ý vật-ngoại phiêu-nhiên, là vì Tùng-Vân có cách phòng bị sẵn ; sự đó tuy nhỏ, nhưng cũng là một khoa nghiên-cứu về khí-hậu ở nước mình, người mình cũng không nên uổng.

Đến sáu giờ sáng, tân-khách đều mạo rét về Thăng-long ; Tùng-Vân còn thông-dong ở lại, hàn huyên giao-thiệp với các ả binh-khang ; suốt ngày hôm ấy, đến năm giờ chiều, mới hàm-tình tặng-biệt. Thương ôi ! Ta có phải là bậc thái-thượng đâu, mà đã dấm vong-tình ; đoái lại những vẻ phù - dung ở trên giang-ngạn, vẫn còn có ý khả-liên.

Tản-bộ lên dè, tựa bóng cây tùng, hỏi thăm mấy cậu đồng-tử, tìm vào vườn cúc, chào người bạn quen, hỏi han đến những sự nhân-quả cải-lương của qui-hương bấy lâu, ông bạn cũng sẵn lòng kính yêu, có ý thuật lại kỹ càng. Chao ôi ! ta có phải là người quanh quất đâu xa, mà đất này không phải là đất ta phen này mới một lần kinh-quá ; duy phen này ta nhân cuộc du-xuân mà có cảm-tình ; cho mới biết cái thói mong mỗi báo đền cho xã-hội ấy, đi đâu mà không có cảm-tình, chớ bảo cuộc du-hi mà vô-ích.

Huyện ta là huyện ông Lý Hiệu-úy, văn-nghệ vũ - công trứ-danh ở thế-giới khi xưa đó, cho đến ngày nay, thanh-danh văn-vật vẫn đứng đầu trong một tỉnh ở đất Đông-đô ; cứ bản đồ huyện ta, Đông-ngạc qui-hương ở về phía đại-hà, thuộc về thượng-huyện ; mấy tổng La ta ở về tiểu-hà, thuộc về hạ - huyện ; huyện ta trong mấy năm

nay, nhờ ơn nhà nước Bảo-hộ, nhờ ơn quan Tổng-đốc Hoàng-dại-nhân, phạm những nơi danh-hương trong hàng huyện, quan Tổng-đốc đều hết lòng hết sức cải-lương cho trước cả, duy Đông-ngạc quý-lương đây các quan thân trong làng có nhiệt-thành và có nghị-lực hơn cả; Tùng-Vân là người khách ở tiểu-hà một đôi khi qua chơi đây, trông thấy cái quang-cảnh cải-lương, cái tinh-thần giáo-dục, hâm-mộ lắm thay! Song cũng muốn ghen qua một chút, nhưng không có thể ghen được.

Nay ta xét ra, trình-độ nước ta còn thuộc về trình-độ ấu trĩ; phạm dân xã cải-lương, về phần chính-trị, nên theo cách mới; còn về phần phong-tục, tuy rằng có thay đổi, bỏ bớt những cái phiêu-văn; song những điều luân-lý thuộc về phần quốc-túy của tổ-tiên ta dành lại cho ta bấy lâu, cha truyền con nối, kể có mấy nghìn năm, chúng ta nay mà có quyết nhận mình là hiếu-tử hiền-tôn chẳng nữa, cũng nên biết yêu đương quý báu mà giữ gìn; cho nên sự dân-xã cải-lương ngày nay, thực không dám kể ngày kể tháng mà nói thành-hiệu; chờ bao giờ điều-hoà được tân cựu, dung-hợp được học-thuật tư-tướng của hai châu Âu Á sẽ hay. Nếu qua chơi làng nào, trông thấy đôi ba cái hình - thức trang boàng ở bề ngoài, mà đã vội khen, thì cũng là con người tầm-thường thiên-bạc; duy cái trách-nhiệm của những người thượng - lưu ở nước ta ngày nay, chỉ nên yêu giang-sơn như yêu vợ, yêu xã-hội như yêu nhà, trong phần nhiệt-thành nghị-lực lại phải có khéo-khôn; chao ôi! khéo-khôn mà tạo-nhân, lo gì không có kết-quả.

Đông - ngạc quý - hương đây, tạo nhân được sớm, chắc là kết-quả cũng được sớm; sự gì ta cũng đã có xét qua, song ta chưa dám bàn vội; nay ta hãy xét kỹ bản kỹ về cuộc bình-

khang ở bến Ngạc, cho những người có tâm-lý với xã-hội cùng nghe, chớ bảo là sự đùa mà không ảnh-hưởng gì đến phương-diện cải-lương.

Phạm những nước đã thành-lập ở trên mặt địa-cầu, vô-luận nước cũ hay là nước mới, nước nào không có kỹ-quán ca-lâu; bởi vì con người ta có tu phải có du, có khổ phải có lạc, có lao-động phải có nhàn-dật, có thu-khí phải có xuân-tâm, xã-hội tâm-lý như vậy.

Duy trong làng chơi có chia ra hai hạng. — Một hạng chơi về vật-chất; một hạng chơi về tinh-thần: Chơi về tinh-thần nghĩa là chơi lấy tâm-tình, chơi lấy vận-sự, chơi lấy cao-thượng, chơi lấy phong-lưu, như ông Tạ An-Thạch, ông Lý Thanh-Liên, ông Trần Nhật-Duật, các vị danh-hiền vân vân. Chơi về vật-chất nghĩa là chỉ chơi lấy thị-dục mà thôi, như ông quan bị cách, chú khách võ tàu, bác nhà giàu hết của, hạng ấy vân vân.

Mà chị em trong đám bình - khang cũng có chia ra hai hạng: — Một là hạng có đạo chân-chính; hai là hạng có đạo giả-danh.

Có đạo chân-chính cũng như bọn nhà nho khi xưa xuất-thân trên đường khoa-mục, bọn học - sinh ngày nay tốt-nghiệp trong đám học-trường vậy; nguyên là con người gia-thế trong giáo-phường, lên bảy lên tám học hát, mười một mười hai học phách, mãi đến mười tám đôi mươi, cô nào thông-minh và cần-khở mới lành nghề, nghề hát đã lành nghề, thời nết-na giá-trị tự-nhiên có khác mọi người; cho nên cái cách thưởng-thức cô đào, trước hằng thưởng-thức ngay nghề hát, rồi sẽ thưởng-thức đến lịch-sử đến tâm-tình. Danh-kỹ cũng như danh-sĩ, kết-quả cũng chia ra hai vẻ: Một là vẻ đứng-dẫn, hai là vẻ tài-hoa, bắc đồng cân lên mà thử, thời cũng không bên nào nặng hơn bên nào,

day những người có chung-tình có tuệ-nhãn thì thường-thức mới đúng.

Còn như hạng cô đào giả - danh, nguyên không phải là con nhà giáo-dục ở trong giáo-phường; bởi vì có lắm ông quan-viên chỉ biết say đắm về vật-chất, cho nên trong nhà hát thường có hạng cô đào ấy xuất-hiện ra để ứng tiếp với đời.

Cận-lai lại có một hạng cô đào biết chữ nữa, thông chữ quốc-ngữ, hay hoặc kiêm-thông Hán-văn hoặc Âu-văn ít nhiều, tuy rằng hát không hay lắm, nhưng cũng biết thích xem thư xem báo, lại có tư-tưởng, thực cũng là một vẻ rất quý trong nhà hát.

Phẩm-cách quan-viên, và phẩm-cách cô đào, xét ra có mấy hạng như vậy; tuy không nói rõ là nghĩa cải-lương, nhưng cái tinh-thần cải-lương cái ý-vị cải-lương đã ngụ ở trong ấy cả rồi; kể có tình với chị em, có tâm với xã-hội, xem qua khắc hiểu.

Có đào ở bến Ngạc này, xét ra mọi vẻ thanh-tao, mọi bề diễm-lệ, còn kém xa những nơi đại-ấp danh-đô; nhưng khen thay cũng có một vẻ đặc-sắc!

Có đào bến Ngạc, đặt những cô đào ở nhà quê gia-thế trong giáo-phường, người thì qua tỉnh Hà-dông, kẻ thì sang đô Nhị-thủy mà lại đây; còn có vẻ thật-thà, có nền mộc - mạc; chưa biết cái chi chi là cái chông-chênh cái ngoa-ngoắt cái suồng-sã cái éo-le; mà nghề ca nghề vũ đều biết nghề cả, tuy chưa có chị nào hay lắm khéo lắm, nhưng cũng không có chị nào đến nỗi đờn lắm mà mang tiếng giả-danh; xét kỹ ra cũng có phong-cách có chế-độ có tinh-tình.

Còn về phần địa-phương quản-trị, xem ra cũng có ý tĩnh - tức nghiêm-trang, bết lòng quản-cổ cho nhà hát, mấy năm nay không nghe có sây ra sự gì; khi chàng-ngộ viễn-phương hành-

khách, giao-tiếp cũng thấy có lẽ; lại có thôn, có phố, có bến, có thuyền, có minh-nguyệt, có thanh-phong, có kho vô-tận; thực cũng là một nơi có tư-cách xứng đáng về cuộc binh-khang.

Hỏi ra cũng ít khi có những ông quan-viên say đắm về vật-chất lại chơi đây; là bởi vì ở đây quyền quản-trị có cách tôn-nghiêm, mà cô đào giả-danh không có; thế chẳng là một cái đặc-sắc của hội hồng-lâu trong xứ Đông-đô này ru?

Hiện nay mới có sáu trợ hát, cái hình-thức ở bề ngoài, xem ra cũng chưa có gì; nhưng xét cái tinh-thần ở bề trong, thời những cô đào ở bến Ngạc này, chắc đã có kinh - qua con đường giáo-dục con đường pháp-độ của các nhà tư-tưởng các nhà chính-trị trong qui-hương rồi đây chẳng? thôi thôi, ta không phải ngờ chi nữa.

Ta nhân đó mà cảm-tình với tâm-lý trong xã-hội, muốn làm một điều tiêu-tiên thí-dụ cho sự cải-lương; há thêu hoa vẽ nguyệt, cười nghiêng cọt bút chi đâu; nhân thảo ra bài văn này, để trình các bạn tri-kỹ.

Khải-định thất niên, nhâm-tuất, trọng-xuân.

Tùng-Vân Trai chủ-nhân ký

...

Hát nói

Chơi bến Ngạc

Khách thông-thả qua chơi bến Ngạc; nhác trông chừng non nước vẻ thanh-tân. Oanh xa xa vừa báo tin xuân; yến đầu đã lại gần vảy bọc. Hoa-gian vấn-tấn câu danh ngọc; 花間問訊俱名玉. tịch-thượng sinh ca tồng át vân. 席上笙歌總遏雲. Bát-ngát thay là thú giang-tân! cho mới biết thanh-nhã u-nhân hơn náo-nhiệt. Khi xem xét ra mới biết, huyện Từ-liêm làng Đông-ngạc sớm văn-minh. Nào viên, nào phố, nào đài, nào đình, nào quan-thân tập-

nghi, nào sĩ-nữ học - hành; xóm ti trúc cũng nức danh cô đào bến. Về văn-vật đã xui người yêu-mến, màu yêu-huê thêm ghẹo khách phong-lưu.

Ấy ai trong cuộc xuân-du, tưởng chừng gió Á trắng Âu mơ màng. Bàng-khuàng bến gấm nhà vàng.

TÙNG-VÂN

THƠ TRUNG-KỲ

Thi-ca đăng ở Nam-Phong đã đủ cả các cách, mà phần nhiều là của ở đàng ngoài « Bắc-kỳ ». Còn thi ở xứ Kinh « Trung-kỳ » của các Đức-ông Đức-bà ngày xưa vẫn nhiều bài hay, song ít ai thuộc được toàn-đề, chỉ truyền-tụng một đôi câu, nên thành không sao-lục được. Và thi hay có nhiều cách: hoặc đối khéo, hoặc vận hiểm, hoặc đề mắc, hoặc tình sâu, nên làm cho được thi đã hay, mà coi cho được thi lại càng hay nữa.

Thi nói theo cảnh, dễ; thi nói cho thấu tình, khó; và có nói cho thấu tình, mới gọi là ngôn-chí, như thi cụ Phúc-Môn, thi cụ Khánh-Mĩ, là thật thi tánh-tình, ở kinh người biết làm thi hay là biết coi thi, đều đã chịu.

Trong mấy kỳ báo trước, tôi đã thấy đăng thi hai cụ, mới đây tôi có nghe họ đọc những bài thi cụ họa văn thi « Sáu mươi tuổi » của cụ Hiệp-Hương ở Phủ-Cam như sau này:

Thi cụ Phúc-Môn họa

Mười mười mới sáu có đầu già,
Phúc đức trời cho đã lắm mà...
Hơn một, gấm khen duyên phận ấy,
Cân đôi, mừng chúc láng-giềng ta.
Vườn xuân Lạc-tĩnh ba dây đất,
Phố mới Đông-vinh của chạt nhà.
Con cháu xum vầy ều lễ-phép,
Lệnh ông đầu vậy, cũng công bà.

Thi cụ Khánh-Mĩ họa

Tuổi nay đã đến sáu mươi già,
Ngày tháng chi chi mau rứa mà!
Chữ Hán múa men không phải buổi,
Tiếng Tây trợ trợ nực cười ta.
Riêng mình chưa chút đến ơn nước,
Trông trẻ về sau nổi nghiệp nhà.
Sau trước chẳng sanh. sanh gặp thế,
Râu mày thêm hồ với đàn bà.

Bài ấy các quan ở Kinh họa nhiều, tuy tôi nghe đã muộn, song còn nhớ rõ, cũng xin biên cả nguyên-tác và các nhà họa ra đây luôn.

Cụ Hương-Khẳng là công-lử, phòng đức Tùng-Thiện, làm đến Hiệp-lá-đại-học-sĩ, mới về hưu năm ngoài, có Bắc-đầu và Long-tĩnh, cụ ở Phủ-cam vườn Lạc-tĩnh, khi tư-đệ cụ Phúc-Môn, thơ cụ sáu mươi tuổi như sau này: Còn đức-nghiệp của cụ, coi thi các nhà họa đủ biết.

Nguyên-tác

Tôi hơn một tuổi cũng chưa già,
Vợ mới năm mươi chín tuổi mà.
Mạnh giỏi vẫn còn so bạn tác,
Giàu sang đâu dám ví người ta.
Xi-xà với chúng ăn ba bữa,
Hủ-hỉ cùng nhau ở một nhà.
Non nước đưa vui trời giúp lộc,
Chắc chiu lần đến thấy ông bà.

Nay tôi biên cả các bài tôi đã nghe, có bài tôi không nhớ rõ, lời không dám biên, và được bài nào biên bài ấy, nên

không biết bài nào họa trước, bài nào họa sau, để sắp cho có thứ-tự.

**Phu-nhân cụ là bà Trương-thị
TỶ-Quê họa**

Sáu mươi lịch-duyet vẫn tay già,
Nét mặt vui tươi nói mặn mà.
Tóc bạc bây giờ so một lữa,
Mây xanh lúc nọ sánh đôi ta.
Thảo lành tịnh dưới vui hôm sớm,
Ban-cấp (1) ơn trên rạng cửa nhà.
Tục gọi cậy con đều phải buổi,
Nhờ ông lắm có cháu kêu bà.

**Con trưởng cụ là ông Ưng-Trình
làm Tế-tử ở Quốc-tử-Giám họa**

Hương lộc trời dài, chẳng biết già,
Mỗi năm càng thấy mạnh thêm mà.
Thuận-tai tuổi thánh mừng trên thọ,
Quanh gối tình ngây thỏa dưới ta.
Tác hạc thình-nhân tiên giữa cõi,
Gót lân nhưn-hậu phật trong nhà.
Đời xưa chỉ nói ông Bành-Tồ,
Bành-Tồ đời nay lại có bà.

Quan Thị-lang hưu-trí Hường họa

Tuổi trên kỳ lão tác không già,
Vu-thước tài hèn thọ mãi mà.
Ra rạp niêu nôi hơn chục chú.
Vào buồng nam khách chẵn đôi ta,
Ăn no mặc ấm nhờ ơn nước.
Nấu sủ sôi kinh vẫn thói nhà.
Hề ở lòng lành, lành ắt gặp,
Trai làm ông nọ. gái làm bà.

Quan Tuấn-vũ hưu-trí Hường họa

Xấp xỉ trăm hai chẳng xét già,
Bơi nhau còn muốn tính chi mà !
Tài-ba ví trước, nhường người cũ,
Phúc-phận so nay lẫn bọn ta.
Biết chữ có con ra giúp nước,
Hay nôm sẵn vợ ở chung nhà.
Về vang đến thế tiên trên đất,
Nên chúc cho ông lại hạ bà.

**Quan Tả - tôn khanh phủ Tôn-
nhơn Ưng họa**

Tuy không như trẻ, dễ bì già,
Trò chuyện ăn chơi sốt sáng mà.
Vinh sủng nhờ ơn trên chín-bệ,
Thiệt thà giữ phận dưới đôi ta
Cụ, thầy mừng dặng vừa trăm tuổi,
Lộc, thọ dành đưa khắp một nhà.
Phước đã dày thêm duyên cũng hợp,
Sáu mươi ông nối sáu mươi bà.

Quan Thị-lang bộ Học Ưng họa

Dạy cháu khuyên con mực thước già,
Aó ban tam-phẩm ít ai mà.
Công-danh nổi trước làm nên thế,
Phúc-đức nhờ trên cũng có ta !
Sáu chục bề tiên còn chất thế,
Muôn năm cõi thọ cả hai nhà.
Thi theo tuổi tác ngày thêm mạnh,
Mừng bác xuân sau đến chúc bà.

Cụ Hiệp-tá hưu-trí Tôn-thất họa

Sáu mươi năm chín mới đầu già,
Hai cụ trời cho xấp xỉ mà.
Vẽ giấy làm bàn đà có bạn,
Đi về hỏi rượu sẵn dùng ta.
Cha con đôi tiệc mừng trăm tuổi,
Chồng vợ song-toàn phước cả nhà.
Vườn Tịnh ngày xuân thường nở mãi,
Ở đời nên giữ tấm lòng bà.

**Quan Thượng - thơ hưu-trí Tôn-
thất họa**

Đầu râu tóc bạc nghĩ rằng già,
Già nửa trăm năm đã mấy mà ?
Tượng đủ ba sao trên cõi thế,
Mừng thêm một cụ dưới rừng ta.
Cảnh vườn Lạc-tịnh vui vừa tiết,
Tấm biển di-luân rạng đến nhà.
Lần tuổi sáu mươi năm chín đến,
Nhì trai ông chắc chẳng thua bà.

(1) Quan làm đến tam-phẩm gặp năm có khánh-diễn lớn thời Vua có ban-cấp cho cha mẹ mỗi người một cái áo.

Quan Phó-sứ hưu-trí Hường họa

Chồng hơn một tuổi trót đều già,
Đôi tốt trời xây khéo lắm mà.
Cờ đã cân tay không kém chúng,
Thì gồm nổi tiếng muốn dè ta.
Tiên vui phật lặng hai đường đó,
Khoa lớn quan cao mấy trẻ nhà.
Ngày tết em sang dâng chén thọ,
Mừng ông êm chén lại mừng bà.

Quan Tham-tri bộ Công Phạm họa

Thế gian mấy đặng chữ đều già,
Tùng cúc song-song rất mặn mà,
Con cháu vợ hầu vui vẻ cụ,
Thầy trò bạn tác hiệp vầy ta.
Ba xuân mưa móc lòng trời đất,
Muôn thuở non sông nghiệp nước nhà.
Tạo vật kia kia phô hán nguyệt,
Chén dâng ông thọ, chén mừng bà.

Quan Thị-lang bộ Hình Nguyễn họa

Trời cho hưởng thọ hậu về già,
Thu cúc xuân lang thú mặn mà.
Râu tóc mi miều tiên cũng thế,
Non sông thanh thản thọ cùng ta.
Aó dày cơm nặng nhờ ơn nước,
Con hiếu tôi ngay sẵn của nhà.
Thuở bé đặng nghe, giờ đặng thấy,
Ông đã phúc đức lại thêm bà.

Quan Bó-chánh hưu-trí Hồ họa

Nhứt phẩm trời cho hưởng lộc già,
Sáu mươi sắp tới thiếu chi mà.
Về vang lịch-sự ai bì đó,
Mạnh khỏe ăn chơi khách có ta.
Ti-tuyết sum vầy anh chị ruột,
Móc-mưa nhuần gội cháu con nhà,
Chúc trên tuổi cụ qua năm mới,
Muôn tuổi mừng ông lại với bà.

Quan Tư-nghiep Nguyễn họa

Sáu chục năm tiên chẳng phải già,
Thêm duyên hơn một cũng trời mà,
Phước dày lạc thiện Tiên-vương cũ,
Ơn nặng thân-tình Thánh-thượng ta.

Thủy trúc xanh rì vui cảnh muộn,
Chi lan thơm nức khắp sân nhà.
Sẽ mừng tám chín tuần song-thọ,
Ông cụ là trai, gái cụ bà.

Quan Thị lang bộ Hộ Nguyễn họa

Tròn vẹn ơn vua hưởng đến già,
Đặng danh đặng thọ mấy ai mà.
Duyên vầy giai-lão trên hai cụ,
Dạ thỏa tri-niên dưới chúng ta.
Giờ chén thất-tuần chung tiệc bác,
Sẵn bảo tam-phẩm múa sân nhà.
Nhà tiên ngày tháng xuân dài đặc,
Say chén giàu sang á mộng bà.

**Quan Kiểm - tá Tân - thơ - viện
Nguyễn họa**

Trước cao đức lớn tuổi thêm già,
Thiên-hạ như ông đặng mấy mà ?
Trung-ái hết lòng ra giúp nước,
Điền-hình giữ mực để cho ta.
Vợ chồng ngó lại cân hai bóng,
Con cháu đi ra rạng một nhà.
Ông đến sáu mươi, bà kém một,
Năm sau lại mở tiệc mừng bà.

Điền-Tịch sung sử-lục Phan họa

Trời riêng chữ thọ phước ông già,
Danh lộc kiêm hai mấy kẻ mà.
Tuần chẳng sáu mươi con toán nợ,
Tiệc vừa đôi tám chị thương ta.
Bốn mươi tuổi tác con quan cả,
Hơn một tơ duyên bạn ở nhà.
Lạm trưởng trông người là thụy nước,
Bức đồ song-thọ vẽ ông bà.

Quan Tham-tá Nội-các Phạm họa

Sáu mươi năm chín dẻo duyên già,
Xấp xỉ cân đôi khéo khéo mà.
Dưới cặp lộng-sô thêm các cháu,
Trên nguyên giai-lão phỉ hai ta.
Ơn trên riêng đặng giàu năm phước,
Lộc nước ban cho hưởng cả nhà.
Mặc sức cụ ông hầu hạ mãn,
Cụ bà thiệt cũng xứng ngôi bà.

Quan Tư-vụ Nội-vụ Nguyễn họa

Đài trăn sẵn có lộc nuôi già,
Đức lớn thời sao cũng thọ mà.
Trước-xỉ đã hơn người giữa cõi,
Bình-chung vừa nổi kể trên ta.
Hiếu trung hai chữ đều ơn nước,
Thi lễ trăm năm nổi nghiệp nhà.
Sao sáng nguồn tiên tròn quả phước,
Mừng ông rày lại đến mừng bà.

Quan Tri-huyện Hương-trà Ưng họa

Gió trăng vườn Tịnh thú vui già,
Tuổi sáu mươi thêm mạnh mẽ mà
Chén thọ nâng đầu mừng rỡ bác,
Tinh riêng quanh gối ngậm ngùi ta.
Giang-hồ Phạm-Lão lòng lo nước,
Xiêm áo Lai-công vẻ rạng nhà.
Năm phúc ba vui kiêm đủ cả,
Tuần ông xin chúc đến tuần bà.

*Lại còn mấy bài này Vi thi trong gia-đình
cụ, nghe cũng vui, nên tôi xin biên luôn.*

**Thơ cụ cho con là ông Ưng-Trình
40 tuổi**

Tuổi chất trên đầu đã bốn mươi,
Làm sao siêng-sắn, ở bời xười.
Lâu nay xiêm áo êm như vậy,
Mới đó râu mày xấy nức cười.
Việc nước chăm lo phần giúp nước,
Dạy người hẳn nghĩ lúc chẵn người.
Khuyên răn trung hiếu đều hai chữ,
Sánh bậc hiền xưa chớ hổ người.

Quan Ưng-Trình Tế-tửu tạ đáp

Sự đời gánh vác với mười mười,
Việc nước như nhà dám bỏ xười.
Mạnh khỏe thường mừng cha mẹ thọ,
Văn chương còn sợ bạn bè cười,
Ăn chơi tánh đại đầu hơn trẻ,
Ngay thảo tình riêng dễ kém người.

Dầu nỏ giống lông thời giống cánh,
Nhớ Siêu-Tôn lại thẹn cùng người

Cụ bà cũng có cho một bài

Bốn mươi tuổi tác đã nên vai,
Aó vẽ vui thay chuyện Lão-Lai.
Biết trước khuyên sau đều tấn hóa,
Lập công nổi nghiệp được lâu dài.
Còn nhiên vinh hiển, nên tu đức.
Đương trẻ ăn chơi, chớ cậy tài.
Thế sự văn-minh ngày một mới,
Non Âu bề Á gắng đời mai.

Quan Ưng-Trình Tế-tửu tạ đáp

Tôi con lớn nhỏ cũng đôi vai,
Dễ sánh chi-lan phận thảo-lai.
Nợ nước đến bồi còn tuổi trẻ,
Ơn trời bù ngọt hãy ngày dài.
Chăm nom kẻ dưới xin nong sức,
Nương cậy người trên dám nói tài.
Cửa Không trộm trộm may khỏi ghét,
Hiếu trung hai chữ nguyện ghì mai.

Cụ ông tự chào

Ai nói mình già hóa hồ người,
Sau gương riêng tưởng tác dương tươi
Mùi đời ném trái còn chưa mấy,
So tuổi ông Bành mới sáu mươi.

Cụ bà hỉ tác

Tuổi chồng sáu chục, bốn mươi con,
Mở tiệc vui vầy chén rượu ngon.
Trẻ thảo già lành tình cúp núp,
Ơn trời mạnh khỏe được vuông tròn.

Quan Ưng-Trình tự hạ

Bốn mươi những chất tuổi cho nhiều,
Ơn chúa mong đền được chút chiu.
Mừng thấy hai thân thường mạnh khỏe,
Con em may cũng đã nên đều.

Hương-Giang LÊ HỮU-HÙNG sao lục

TIÊU - THUYẾT TÂY

LÊ CÔNG-VỊ HIẾU-NỮ

(La jeune sibérienne)

Lời tiêu-dẫn của dịch-giả

Xavier de Maistre là một người võ-sĩ, chỉ vì nổi cực lòng mà thành ra nhà văn-sĩ. Số là bài tiên-sinh đang tổng quân, vì cố gì không rõ, tiên-sinh bị quan trên tổng-giam bốn mươi ngày tù. Trong cái thời-gian đó tiên-sinh ngồi trong ngục-thất cầm bút viết văn.

Tiên-sinh đem những nỗi đau-đớn trong lòng, những cảm-tình trong trí, giải bày trên những mảnh giấy trắng mực đen, họp lại thành năm quyển sách con, thật là năm thiên kiệt-tác.

Văn tiên-sinh giản-dị bình-thường, không viền-vông hoa-mĩ, chỉ có sự thực trang-điểm bài văn (*sans autre ornement que la vérité*). Ông Jules Clartie bình-phẩm văn tiên-sinh có đoạn nói rằng: « Tôi vẫn biết những chuyện bình-thường thiết-thực như thế đem so với văn-chương sắc-sỡ tựa các mùi thuốc ở trong tranh vẽ như văn kim-thời thì không hoa-mĩ bằng thật. Xavier de Maistre tiên-sinh tuy không có cái văn thuốc vẽ đề trang-điểm bài văn, nhưng tiên-sinh có cái giọng vẫn đáng khen là bình-dị mà đậm-dà ». (*Je suis bien que de sels récits, simples et sincères comme la réalité même, paraîtraient bien ternes aujourd'hui que le pittoresque débordé et que la littérature d'imagination dispute ses couleurs à la peinture. Xavier de Maistre n'a point de palette, mais il a un style sobre et ferme, une langue admirable*).

Bài tiêu-thuyết dịch sau này là một thiên kiệt-tác của tiên-sinh đã được nhiều thứ tiếng dịch rồi.

Chuyện tả một người thiếu-nữ không quân gian-nan nguy-hiêm, liều thân qua chỗ tuyết đông, băng giá, vượt núi, qua đèo, dậm trường thân gái, để gỡ tội cho cha.

Chuyện rất có luân-lý, nhà cựu-học nào vẫn tưởng lầm chuyện tây chỉ tả tình-tự, đọc chuyện này thì mới rõ chuyện tây cũng có nhiều pho nói về luân-thường đạo-lý chẳng khác gì chuyện rất hay ở Á-Đông ta.

Chuyện rất giản-dị bình-thường không có tả-cảnh tả-tình, mà xem lắm đoạn cũng sinh mới thương-tâm.

Các nhà tập làm tiêu-thuyết nước ta ngày nay, cũng nên tập lối văn ký-thuật này, còn hơn là múa bút viết những tiêu-thuyết như tiêu-thuyết mới sản-xuất trong khoảng mấy năm nay.

VỤ CÔNG-NGHI

Về cuối đời vua Paul (Bôn) đệ-nhất có một người thiếu-nữ đi bộ từ Sibérie (Si-bé-ri) đến Saint-Pétersbourg (Sanh-Bê-tach-hua) gỡ tội cho cha. Sự can-dảm ấy đã lừng lẫy một thời, một nhà danh-sĩ đã lấy danh-hiệu người kiệt-nữ ấy làm tay chủ-động trong bộ tiêu-thuyết của mình.

Nhưng mà những người biết truyện nàng tiếc rằng nhà văn-sĩ đó đã vì cái tư-tưởng lãng-mạn mà đem những cảnh phiêu-lưu tình-tự tả một người thiếu-nữ thanh-tân một niềm chí-hiếu. Nàng thật chẳng ai khuyên bảo, trong tâm cũng sẵn cái tư-tưởng nhân-tử và lòng nghị-lực.

Truyện phiêu-lưu của nàng không được lạ - lùng quái đản như truyện phiêu-lưu khác, nhưng đọc lịch-sử giản-dị của nàng chỉ có sự thực trang-diềm câu văn, tưởng cũng vui và hay vậy.

Tên nàng là Lê Công-Vị.

Thân-phụ nàng dòng-dõi trâm-anh sinh tại Hồng-gơ-hoa là nơi tiền-nhân nàng di-cư đến đó.

Thân-phụ nàng đã sung việc binh-hung ở Hongroi (Hồng-gơ-loa) là nơi ôngsinh-trưởng, được ít lâu ông về nước Rút-si tìm người kết ngãi trăm năm.

Về tổ-quốc ông cũng lại sung vào ngạch binh, ông đã nhiều lần cầm quân ra đại-chiến với người Turquis (Tuyaki) nên tiếng tăm đã lừng-lẫy trong quá.

Ông phải đẫy sang Sibérie (Si-bé-ri) cũng chẳng ai biết vì có gì; có người đoán rằng ông trái lệnh qua trên mà bị tội.

Dù thế nào mặc lòng chỉ biết rằng hồi người thiếu-nữ bước chân ra đi thì ông đã bị giam-hãm trong 14 năm trời ở đất Si - bé - ri rồi. Gia-quyển ông ở biệt ra một làng giáp-giới chính-phủ Tô-bôn, mỗi ngày chỉ được có 10 đồng kopecks để tiêu dùng.

Cô thiếu-nữ LÊ CÔNG-VỊ cũng chịu khó làm những công việc nặng-nề nơi thôn-dã để giúp đỡ thêm vào; nào là giặt thuê và mướn, giã gạo, gặt đồng. Cô không lấy những việc ấy làm khó nhọc lại lấy làm vui. Nào ai có ngờ những ngón tay búp-măng kia lại đem ra làm những công việc nặng-nề như vậy.

Thân-mẫu nàng hình như nuốt cực nên sầu cho qua ngày đoạn tháng, nhưng thân-phụ nàng đã từng bao phen vùng vẫy trong chốn chiến-trường, nay phải giam cầm một chỗ, thì lấy làm cực khổ biết bao.

Dù ông đã cố nén nỗi lòng để khỏi lộ cho con mình biết, nhưng nàng ở chốn phòng-thê thường nhìn qua lỗ hồng

chốn đình-vi biết hai thân đã bao lần lụy rơi chan-chứa. Vì vậy nên nàng mới sinh ra đêm ngày lo nghĩ về việc song-đường.

Mấy tháng trước đây ông LÊ PHÚC-LỘC cũng đã gửi đơn lên chính-phủ Si-bé-ri khiếu-oan, nhưng chẳng thấy tin tức gì. Một viên quan võ có việc đi qua nơi ông ở, có hứa với ông khi về sẽ khiếu-oan cho, ông đã mừng thầm, nhưng lâu cũng không thấy tin tức gì cả.

Mỗi một người bộ-hành, mỗi một tên trạm ở Tô-bôn đến (việc này hiếm lắm) thì ông lại cực khổ bội-phần, vì chẳng thấy tin tức gì về việc mình cả.

Một hôm, người thiếu-nữ ở ngoài đồng về thấy mẹ mình lụy rơi chan-chứa và cha mình mặt ủ mày râu.

Ông thấy nàng về vội nói to lên rằng:

« Trời cho tôi một đứa con là trời phạt tôi đây, tôi trông thấy con tôi mà tôi đau lòng khổ-sở; những công việc hèn-hạ nặng-nề mà tấm thân yếu ớt kia chỉ riêng mình cam chịu. Vậy là tôi chịu tội với trời. Tôi không được cái hạnh-phúc chủ-trương một cái gia-đình như người khác. Thật là trời muốn hại tôi đây. »

Người thiếu-nữ sợ hãi chạy lại yên-ủi cha mình. Vợ hiền lệ rỏ, con hiếu lụy rơi làm cho ông cũng dần dần bớt cực. Nàng vì tấn bi-kịch này mà thêm lòng cảm-động.

Lần này mới thật là lần đầu mà ông bà Lê Phúc-Lộc lộ cho con mình biết cái cảnh sâu-bi, lần này mới thật là lần đầu mà nàng mới có cái ý tưởng về cảnh khổ của gia-đình mình.

Lúc đó tuổi nàng mới có mười lăm mà nàng đã có trí quyết đến Saint-Petersbourg (Sanh-Bê-tách-bua) khiếu oan cho thân-phụ.

Nàng nói rằng có một hôm khi nàng cầu kinh xong thì cái ý-tưởng đó biểu-

lộ trong tri nạng như cái tia chớp sáng.

Nàng vẫn tâm-tâm niệm niệm rằng đức Thượng-đế đã ủng-hộ cho nàng, vì vậy nên nàng thấy những việc khó khăn xảy ra cũng vẫn kiên-tâm vững chí.

Nàng vẫn hi-vọng được tự-do mà nào có được. Nàng hi-vọng thế nên nàng mới vui mừng khôn xiết, chỉ một lòng cầu nguyện đức Thượng-đế, nhưng ý-tưởng càng mập mờ khôn tả đến chính nàng cũng không biết nàng định cầu đức Thượng-đế những gì, nàng chỉ xin ngài ủng-hộ cho nàng được tới cái mục-dịch mà nàng đã có cái hạnh-phúc nghĩ ra.

Vậy nên nàng chỉ một niềm định đến qui trước sẵn rộng khiếu-oan cho thân-phụ.

Nàng đã tìm được ở trong cái miếu gần nhà một nơi để cầu nguyện. Nàng thường đến đó cầu-nguyện đức Thượng-đế phù-hộ cho nàng tìm được cách đi và lúc thượng-lộ được bình-yên vô-sự, vì vậy nên có khi nàng mê cầu-nguyện quên cả việc nhà, song-đường đã đòi phen quở mắng.

Nàng đã định ngỏ cho hai thân biết cái chí định của nàng, nhưng mỗi khi nàng sắp lại gần thân-phụ để tỏ vẻ giải bày tâm-sự thì lòng can-đảm của nàng hình như đã tiêu tan đi rồi, vì nàng chắc rằng những lời nàng định nói cũng chẳng có hiệu-quả chi đâu.

Sau nàng suy nghĩ đã chín, nàng mới định ngày để trình bày cái ý-kiến của mình cho song-thân rõ.

Này định đã đến, nàng bèn vào miếu cầu đức Thượng-đế ủng-hộ cho nàng có can-đảm đề hùng-biện, thì may ra mới có phần chắc; về tới nhà nàng trông thấy thân-phụ nàng đang ngồi trên ghế trước cửa hút thuốc. Nàng bèn đánh bạo đi đến gần, hết sức trở tài hùng-biện để giải bày tâm-sự của mình.

Thân-phụ nàng cứ lẳng lặng ngồi nghe con nói, đoạn, ông nắm lấy tay con rồi dẫn con vào nơi vợ đang nấu nướng. Ông cất tiếng bảo bà vợ rằng:

— Bà nó ơi ! tin này thật là tin may mắn lạ thường ! Ta đã tìm được một người bênh vực có quyền-hành. Người ấy là con ta đây, con ta sắp đến Sanh-bê-tách-bua vào bệ-kiến đức kim-thượng để khiếu-oan cho ta đấy bà nó ạ.

Nói vậy rồi ông lại kể cho vợ nghe những lời mà nàng vừa nói. Người mẹ nghe xong cất tiếng mà rằng: — « Tôi thiết tưởng đì con nó giúp ta những công việc thường còn hơn là để con nó kể cho ta nghe những điều viển-vông như vậy ».

Người thiếu-nữ đã liệu lời đề cha mẹ khởi sinh ra giận dữ, nhưng nghe thấy lời trào-phúng đó nàng không tài nào không khỏi ngã lòng.

Bởi vậy nên mới thồn-thức khóc chẳng ra lời châu rơi chan-chứa.

Thân-phụ nàng thấy vậy nghiêm-khắc mắng nàng, còn bà thân-mẫu thấy nàng nức-nổ bà động lòng chạy lại ôm con, đoạn, bà cầm cái khăn lau rồi mỉm cười mà nói :

— « Thôi con, con hãy lau bàn dọn cơm ăn đã, rồi con ra Sanh-bê-tách-bua nào có muộn đâu ».

Sự vừa xảy ra thế là ý cha mẹ nàng cốt để cho nàng đừng mơ-tưởng như vậy nữa, nhưng nàng không lấy việc đó mà ngã lòng.

Mùa đông đã qua, băng tan tuyết hết, nên nàng lại nhiều lần nói cùng hai thân về việc khởi-hành.

Thân-phụ nàng thấy nàng cố nài nói mãi như thế, nên ông phát - khùng mắng nàng tàn-lệ và cấm nàng không được nói về việc ấy nữa.

Thân-mẫu nàng thường dịu-dàng nói cho nàng biết rằng nàng còn niên-

thiếu chưa biết đến những sự khó-khăn xảy ra trong cuộc viên-du như thế.

Từ lúc ấy đến ba năm về sau, cô Lê-Công-Vị không dám rỉ-răng nói về truyện đó nữa.

Thân-mẫu nàng bị-bệnh lâu ngày nên nàng phải hoãn cái dự-định của nàng chờ khi nào gặp dịp ; nhưng không ngày nào là nàng không cầu nguyện đức Thượng-đế run-rủi cho thân-phụ nàng bằng lòng cho phép nàng đi.

Người thiếu-nữ vô-học đó mà có lòng mộ-đạo, có chí cả-quyết như vậy, tưởng cũng lạ thường.

Thân-phụ nàng không phải là không tin tôn-giáo nhưng ông không ưa lễ bái quàng xiên, còn thân-mẫu ràng về việc này thì rất sùng, vì bà cũng vô-học như cô con.

Ba năm về sau, nàng đã có trí khôn hơn trước vậy nên nàng thường được cùng hai thân bản về việc gia-đình.

Nàng không phải coi như phượng con nít như mấy năm về trước, nhưng cái dự-định của nàng thành ra chưa giải-quyết được là vì những lời cảm động của song-thân nàng làm cho nàng ngã chí.

Nào có phải những câu bông cợt hay lời dậm-dọa mà nàng ngã lòng đâu. Nàng ngã lòng là vì những giọng nỉ-non của mẹ, những hạt nước mắt của cha. Cha mẹ nàng thường bảo nàng rằng :

— « Con ơi! nay cha mẹ đã già rồi, cha mẹ cũng chẳng còn gia-tài tiền của hay anh em thân - thích ở bên Russie (Ruyt - si) nữa ; cha mẹ chỉ có mình con để vui thú cảnh già, vậy con nỡ lòng nào mà để cha già mẹ yếu ở giữa nơi đồng không mông quạnh này mà đi cho đành dạ ? Con ơi ! sự tự-do của cha ra khỏi chốn này chẳng biết có được không, nhưng con mạo-

hiêm đi muôn dặm trường-dinh, sơn-xuyên cách-trở thì tài nào cha mẹ lại chẳng lo sợ cho tính-mệnh con » ?

Nghe lời nghiêm-huấn cảm thương như vậy, nàng Lê-Công-Vị giọt lệ tuôn rơi ; nhưng chí nàng cũng không hề thay đổi.

Nhưng muốn đi lại phải có giấy thông-hành, nếu không thì đến đi ra khỏi làng mình ở cũng khó lòng mà đi được. Nàng cho sự ngăn-trở này to hơn sự ngăn-trở của gia-nghiêm, vì chính-phủ Tô-bôn đã không lần nào trả lời những lá thư của thân-phụ nàng gửi tới. Thế thì việc xin giấy thông-hành tưởng cũng khó lắm thay !

Bây giờ nàng lại nghĩ đến kế làm thế nào mà lấy được giấy thông-hành, nên việc định đi lại hoãn.

Trong làng Ý-chính có một tội-nhân tên là Nai-Lệ, sinh ở đất Ruyt - si, nhưng bấu là con một người thợ may nước An-lo-măng. Anh chàng Nai-Lệ đã ít lâu làm nô-bộc một sinh - viên trường đại - học Moscou vì vậy nên ở đấy anh chàng cũng vào tay cự-phách.

Nai-Lệ vì có nghề may thuê nên được hầu hết dân-sự cùng tù-nhân trong làng biết tiếng. Người thì lại thuê anh chàng may vá, người thì nhân cái tình bưng-bình của anh chàng mà đến bõn-cột gheo đùa.

Trong bọn diều cợt này cũng có ông Lê Phúc-Lộc vì vậy bác phó may cũng một đôi khi lại nhà ông trò chuyện.

Bác phó may ta biết nàng Lê-Công-Vị sùng lễ bái, nên vẫn gọi bông nàng là cô thánh-sống.

Còn nàng vẫn tưởng bác phó có tài-học - thức uyên-thông định nhờ bác thảo cho cái đơn đề gửi lên quan toàn-quyền khiếu-oan cho thân-phụ. Nàng định-ninh thế nào cũng nhờ được việc ấy chỉ còn có chữ ký của cha mình là xong công việc. Một hôm, nàng ở ngoài

sông vừa giặt quần áo xong, khi sắp sửa đi về thì nàng làm dấu chữ thập rồi nàng mới quấy quần-áo mang đi. Bác phó ta chợt đi qua đó thấy vậy cất tiếng mà nhao nàng rằng: « Nếu cô làm phép thêm vài cái nữa thì có lẽ quần-áo giặt kia có phép lạ chạy được về nhà đấy cô thánh-sống ạ ».

Nói thế rồi anh chàng sẵn lại đỡ gánh nặng mà rằng :

— « Cô đưa tôi mang đỡ cho nào, tôi làm thế này để tỏ cho cô biết rằng những người bướng-bỉnh mà cô vẫn ghét xưa nay rất là tốt bụng lắm đấy cô ạ ».

Đoạn, anh chàng quấy gánh nặng lên vai mang đến tận làng nàng ở. Lúc đi đường, người thiếu-nữ chỉ chú-ý về việc xin giấy thông-hành nên cũng có kể cho Nai-Lệ biết việc khiêu-oan và xin anh chàng thảo hộ cho cái đơn. Nhưng khốn thay ! ông triết-học ta lại không biết viết, ông thú thật rằng lâu nay ông trê nải văn - chương chỉ chuyên nghề may thuê vá mướn. Sau ông có bảo cho nàng biết một người trong làng có thể giúp nàng việc ấy.

Cô Lê-Cộng-Vị vui mừng khôn xiết, định đề việc đó đến hôm sau. — Khi về đến nhà nhân có mấy người quen đang ngồi nói chuyện; chàng Nai-Lệ ta bèn khoe công việc vừa giúp nàng rồi lại nhạo nàng về thói tin sự dị-đoan phép lạ. Nhưng sau bị nàng trâm-trích lại rằng :

— « Sao tôi lại không tin cây lòng trời. Vừa rồi ở bờ sông tôi cũng cầu ngài nên quần-áo tôi vừa giặt xong có ngay một anh chàng đến xin mang hộ về nhà. Như vậy chả phải là phép lạ hay sao, tôi đã cầu trời đấy. »

Nghe vậy những người ngồi đấy trông bác phó mà cười âm lên, anh chàng thấy thế xấu-hổ bước ra.

Nàng còn gặp nhiều cảnh-ngộ bối-rối khó-khăn khác nữa nhưng nàng sáng-ý nên việc cũng xong xuôi.

Hôm sau, nàng đến nói chuyện với người mà bác phó may đã bảo thì nàng mới rõ rằng trong đơn nàng phải đúng tên.

Khi lá đơn viết xong thì nàng đưa trình thân-phụ.

Ông Lê-phúc-Lộc ngần ngại hồi lâu rồi ông đính cả lá thơ riêng của ông nói về tình-cảnh mình rồi ông cho nàng đem gửi.

Từ lúc đó nàng không đem tâm lo nữa nên lại khỏe mạnh như thường; song-thân nàng thấy con như thế cũng hả dạ khuây sầu. Nàng vui như vậy là nàng đinh-ninh rằng có trời phù-hộ thì thế nào cũng xin được giấy thông-hành.

Nàng thường đi chơi trên con đường dẫn về mạn Tô-bôn là có ý mong tin thơ đến.

Nàng đi qua cái trạm thơ mà không dám vào hỏi việc thơ từ, vì tên lính già coi trạm đó ăn nói cục cằn và hằn vằn biết ý nàng nên thường báng-bỏ.

Từ lúc cái đơn gửi đi thắm-thoát được sáu tháng tròn thì một hôm có tin thơ đã tới. Nàng cùng hai thân vội ra trạm để lấy. Ông Lê-Phúc-Lộc ký giấy lĩnh thơ.

Bóc ra thấy có giấy thông-hành mà con mình đã xin thì cả nhà mừng khôn xiết kể vì đã bao năm phải dầy ải nơi đất khách tha - hương không ai đoái tới, mà nay lại được ăn trên nghĩ đến, tưởng cũng là may mắn biết bao !

Nhưng những điều ông Lê-Phúc-Lộc xin khẩn-cầu thì trong thơ thật không thấy nói.

Nếu chánh - phủ không cho nàng giấy thông-hành bắt nàng phải ở lại Si-bê-ri thì thật không công bình vậy.

Còn điều khẩn-cầu của ông Phúc-Lộc mà không thấy chính - phủ trả lời thì ông lấy làm buồn rầu khôn

xiết, nên nổi mừng vừa nhóm lại tiêu tán ra tro. Ông giữ lấy giấy thông-hành rồi nói cho nàng biết ông cho phép nàng gửi giấy xin như thế là để nàng khỏi làm bận đến lòng ông, vì ông vẫn định-ninh rằng thế nào cũng không được.

Nàng Công-Vị theo song-thân về nhà chẳng rằng chẳng nói, nhưng đi dọc đường nàng cũng khẩn trời đã phù-hộ cho nàng được một điều cầu-nguyện.

Nàng thấy phụ-thân nàng gói cái giấy thông-hành, thì nàng cho là điềm lành.

Vì nếu ông mà xé cái giấy ấy đi, thì nàng cho là lòng trời xui ra thế, đức Thượng-đế chưa định cho nàng đi.

Nàng lại vào miếu cầu-nguyện trong khoảng hai giờ. Cầu xong, nàng lấy làm khoái tri không còn nghi-ngại gì đến việc nàng định làm nữa.

Ký-sự tần mẫn thế này chắc cũng có người cho là trò-trẻ, nhưng nghiệm xem mới biết những sự gian-nan mà nàng đã trải để đạt tới mục-đích cao-xa của nàng phi không có trời ủng-hộ quyết phàm-nhân không tài nào làm được.

Việc gì xảy ra cho nàng, nàng cũng cho là tại lòng trời. Vì vậy nàng thường nói :

— « Có một đôi khi tôi đã nghiệm, tôi tin vào lòng trời là không bao giờ tôi thất-vọng cả ».

Được ít lâu trong gia-đình nàng có một sự xảy ra làm cho nàng thêm lòng can-đảm và có lẽ vì thế song-thân nàng may ra cũng quyết-định cho nàng đi.

Thân-mẫu nàng tính hay ưa thói dị-đoan nên nhiều khi lấy những việc hăng ngay xảy ra mà nghiệm cuộc tương-lai.

Bà không tin có những ngày khổ-sở, thế mà bà định làm việc gì là kiêng

ngày thứ hai (ở nước Ruyt-si những người tin dị-đoan cho ngày thứ hai là ngày khổ-sở và những ngày khổ-sở thì không nên làm việc gì).

Một đôi khi bà cũng cầm quyền Thánh-thư mở vào trang nào mà đọc được một câu có nghĩa tương-tự với cảnh mình là bà nghiệm điều lành dữ.

Cách xem số như thế rất thịnh-hành ở bên nước Ruyt-si, khi mở sách thấy câu nào vô-nghĩa lại mở tìm câu khác, đoán đi đoán lại hề nghĩa nào hợp cảnh mình thì cho là phải là hay. Những người khổ-sở thường hay tin nhảm, khi họ thấy những điều tiên-định trong sách hợp với lòng mong mỏi của họ thì họ vui mừng khôn xiết.

Tối nào ông Lê-Phúc-Lộc cũng đọc một chương Thánh-thư cho cả nhà nghe rồi ông cắt nghĩa cho vợ cùng con nghe những câu khó hiểu. Có thiếu-nữ thấy thân-phụ mình ham đọc kinh như vậy thì lấy làm thích chí vô cùng.

Một tối, khi đọc kinh vừa xong, quyền Thánh-thư để trên bàn, tiếng-tầm yên-lặng, cô thiếu-nữ muốn nói thêm câu chuyện, nhìn mẹ mà rằng :

— « Mẹ thử giở quyền Thánh-thư lấy trang bên tả dòng thứ mười một, đọc xem điềm lành dữ thế nào ».

Bà mẹ vội cầm quyền sách mở ra đếm đến dòng thứ mười một, rồi đọc to lên :

« Một vị thiên-thần gọi bà A-Gã mà rằng: Bà làm gì đấy ? Không hề chi mà sợ »

Thấy đoạn này hợp với ý nàng nên nàng mừng rú lên rồi cầm lấy quyền Thánh-thư hôn lấy hôn để. Bà mẹ thấy vậy nhìn chổng mà rằng :

— « Thật lạ quá thôi ».

Thân-phụ nàng không dung thói tin nhảm ấy cất tiếng nói :

— « Bà lấy cái kim mở quyền sách định hỏi ý trời, bà tưởng thế là ngài

bảo cho bà biết những ý-tưởng kỳ-khôi của bà đấy ư ? » Rồi lại mắng con : « như vậy thì có lẽ chuyến này có một vị thiên-thần cùng đi với con và khi nào con đang đi ở nơi đồng không mông quạnh mà con có khát thì ngài sẽ cho con uống đấy ! — Con mộng-tưởng như vậy mà con vẫn chưa biết rằng con điên-rồ hay sao ? »

Nàng Công-Vị thưa cùng thân-phụ rằng không dám mong có vị thiên-thần xuống giúp, rồi sau nàng lại nói thêm rằng :

— « Con chỉ mong vị thiên-thần thủ-mệnh của con không lúc nào dờn con trong cuộc lữ-hành của con sắp đi thôi. »

Ông Lê - Phúc-Lộc thấy con một niềm như thế cũng đã núng lòng, nhưng thắm thoát một tháng vừa qua mà việc khởi-hành của nàng không thấy nói đến chi cả.

Nàng vào miếu cầu-nguyện đức chúa Trời về việc nàng đi, vậy nên việc thần-hòn thường hay trễ nải.

Có khi nàng dọa ông bà Lê-Phúc-Lộc rằng nàng đi không cần đến giấy thông hành kia nữa, nên khi nàng vắng nhà trong giây phút, là song-thân nàng đem lòng lo nghĩ.

Một hôm đi lễ về, nàng đến nhà chị em nói chuyện trong khoảng vài giờ mà cha mẹ nàng ở nhà đã tưởng nàng đi khỏi nơi ấy rồi. Khi nàng về, bà mẹ giọt lệ tuôn rơi, cất tiếng mà rằng :

— « Con về chậm quá ! Ở nhà thầy mẹ cứ tưởng con đã từ-biệt chốn này mà đi không trở lại nữa rồi. »

Lê-Công-Vị nói :

— « Thầy mẹ đem lòng phiền-muộn như thế là vì thầy mẹ không đưa cho con cái giấy thông-hành kia đấy thôi. Nếu thầy mẹ không đưa cho con, thì chắc là thầy mẹ cứ phải nghĩ đến con luôn mà có khi thầy mẹ lại phải bận lòng sinh ra hối-hận. »

Giọng nàng nói buồn rầu thăm-thiết chắc bà từ-mẫu nghe mà động lòng vàng, nên bà mới hứa với nàng là bà thuận cho nàng đi Sánh-bê-tách-bua.

Còn việc khởi-hành của nàng được hay không bây giờ chỉ còn tùy thân-phụ nàng quyết-định. Ông Lê-Phúc-Lộc lấy làm bối-rối cho việc này mới khó nghĩ sao.

Có một buổi sáng, bà Lê-Phúc-Lộc nói với phu-quân ra vườn đào khoai để đem về nấu nướng. Ông đang buồn rầu nghĩ ngợi, không chú-ý đến lời bà cho lắm, bỗng ông giật mình mà rằng : « Được bà cứ giúp bà tôi sẽ giúp bà ».

Nói đoạn, ông cầm sừng bưóc rảo ra vườn.

Người thiếu-nữ cũng theo cha ra vườn năn-nỉ mà rằng :

— « Cha vừa nói trong lúc nguy-nan mình phải biết giúp mình, thật là rất phải. Con cũng mong đức Thượng - đế giúp con làm cho cha nghe những lời con nói mà cha phải động lòng. Cha ơi ! cha đưa cho con tờ thông-hành, ý trời là như thế. Vậy cha nên chiều ý trời để con khỏi phải mang tiếng bất-biểu trái lời cha dạy ».

Nói đoạn, nàng quì xuống van nài thân-phụ ; cố làm cho ông Lê-Phúc-Lộc phải động lòng thương. Ngay lúc ấy thân-mẫu nàng vừa đến. Nàng van bà nói giúp với ông, nhưng bà lưỡng-lự, vì bà thuận cho nàng đi, nhưng bà không có can-đảm xin việc đó với ông. Nhưng sau ông thấy nàng cầu - khẩn mãi, ông biết nàng cả-quyết lắm rồi, nếu ông không ưng, thì chắc là nàng cũng trốn đi, nên ông cất tiếng mà rằng :

— « Giữ con bé này ở nhà thì được trò-trống gì ? Ừ thì để nó đi. »

Nàng mừng rỡ mà rằng :

— Cha ơi ! chuyến này con đi đến

Sanh-bê-tách-bua con sẽ vào sân rồng bệ-kiểu đức Kim-thượng thì chắc rằng đức Thượng-đế đã thương con làm cho cha đã xiêu lòng thì lần này ngài cũng thương con mà làm Hoàng-thượng phải động lòng thương đến cha con ta ».

Ông Lê-phúc-Lộc nghe con nói vậy, rơi lụy mà rằng :

— «Kia con tưởng tàu đức Hoàng-đế cũng dễ như con nói với cha thế này ư? Con không thể nào tới đến gần cửa lâu-dài nhà vua được đâu, vì ở chung quanh còn có quân lính canh gác nghiêm-ngặt lắm. Một đũa ăn mây hèn hạ như con, nào có quần áo sang trọng đâu mà con dám tới sân rồng và ai dám đưa con vào tới đấy ».

Nàng Lê - Công-Vị nghe vậy không hề ngã chài, bèn cất tiếng mà rằng :

— « Con vẫn biết vì lòng cha thương con mà cha lo xa cho con như thế. Nhưng con cũng có nhiều cơ mà hi-vọng được. Đấy, cha lại chả biết những việc mà đức Thượng-đế đã ứng-hộ cho con đấy ư? Con không biết làm thế nào mà lấy được giấy thông-hành thì ngài đã tưng vào miệng anh phó may mách con kể ấy, rồi ngài lại làm xiêu lòng quan Toàn - quyền Chánh - phủ Tô-bôn. Đến cha đây thì cũng vì ngài nên cha mới thuận cho con đi. Vậy con xin cha cứ chắc cho rằng Ngài đã làm cho con tránh được biết bao sự khó khăn như thế thì chắc thế nào ngài cũng giúp con những phương-kế khác mà tới được sân-rồng. Lúc đó ngài lại sẽ cho con có những lời cảm-dộng để tàu đức Hoàng-đế. Vậy thì cha chỉ ưng cho con đi là cha con ta được ra khỏi chốn này.

Người thiếu-nữ được phép đi Sanh-bê-tách-bua là từ lúc này, nhưng chưa định hôm nào khởi-hành.

Ông Lê-Phúc-Lộc cũng có nhờ bạn giúp thì cũng có mấy người tình-

nguyện giúp. Ông còn chờ xem có người bộ-hành nào qua đó ông sẽ gửi nàng nhờ người trông nom hộ.

Nhưng lâu chẳng thấy ai mà nàng Lê-Công-Vị thì sốt-sắng đòi đi.

Tất cả cơ-nghiệp trong nhà chỉ còn có một đồng tiền rúp (rouble) (giá độ 4 phật lạng). Ông bà Lê-Phúc-Lộc hết sức xoay-xở cũng không thêm được đồng nào, sau ông bà theo ý nàng định đến mồng 8 tháng 9 là ngày cho nàng khởi-hành.

Được tin ấy thì người quen thuộc lại thăm nàng nhiều lắm, nhưng phần nhiều là vì tình tò-mò chứ không phải vì tình thân-thuộc.

Họ đã không làm cho nàng thêm lòng phấn-chấn mà lại còn trách ông Lê-Phúc-Lộc sao quá nuông-con.

Họ lại nói những nỗi khó-khăn trong cuộc lữ-hành làm cho nhiều người muốn giúp nàng thành sinh ra nản chí. Như vậy là họ lại làm cho bà Phúc-Lộc lo nghĩ thêm thối. Thế nhưng mà trong những người bạn đó cũng có hai người, tuy rất khổ-sở để hèn nhưng rất là tốt bụng, họ đem lời khuyên giải, mà rằng :

— «Xưa nay đã biết bao nhiêu việc người ta tưởng không tài nào làm được mà vẫn có hiệu-quả đấy thôi. Nếu cô Lê-Công-Vị không tới được sân - rồng rồi thế nào cô cũng tìm được người che chở. Tấm lòng chí-hiếu của cô chắc thế nào cũng có người có thể-lực trong nước biết mà cảm-phục mến yêu rồi tàu đức Hoàng-thượng giúp cô. Cô cứ vững tâm chờ ngài. »

Rạng đông ngày hôm mồng 8, hai người này lại đến đưa chân người thiếu-nữ lên đàng, thì nàng đã thu đồ hành-lý vào một gói, sắp sửa ra đi.

Ông Phúc-Lộc đưa đồng tiền rúp cho con, nhưng người thiếu-nữ không lấy, nói rằng món tiền nhỏ ấy để ở

nhà còn có ích cho song-thân đôi chút, nhưng ông nhất-định bắt nàng phải cầm lấy mang đi.

Hai người tù-nhân kia cóp nhặt được ít tiền cũng đưa giúp nàng, nhưng nàng nhất-định không lấy rồi nói một cách cảm-động rằng :

— « Nếu trời mà đoái thương đến song-thân tôi thì tôi mong rằng ngài cũng nghĩ tới hai ông. »

Ngay lúc đó thì mặt trời vừa mọc, ánh sáng chiếu rọi vào nhà, người thiếu-nữ bèn cất tiếng mà rằng :

— « Đến giờ rồi, thầy mẹ cho phép con đi. »

Nói vậy nàng ngồi sụp ngay xuống.

Ấy tục nước Rut-si như vậy. Khi một người sắp đi xa, lúc từ-giã nhau thì các người thân-thuộc với mình cùng nhau ngồi xuống kê-lễ hàn-huyên độ trong giây phút.

Lúc đứng dậy thì lụy rơi lã chã, sụt-sùi khóc lóc lúc phân-chia.

Cái quang-cảnh này mới trông thì tưởng là thường nhưng xét ra mới biết trong có ngụ-ý rất hay. Khi sắp cùng nhau vĩnh-quyết mà cùng nhau ngồi trò-chuyện như vậy thì nỗi phân-ly tưởng cũng quên được ít nhiều.

Người thiếu-nữ qui xuống nghe lời nghiêm-huấn rồi ôm lòng từ-giã song-thân. Hai người quen đó cũng tiễn nàng một quãng đường dài rồi mới trở về.

Ông bà Lê Phúc-Lộc đứng ngay trước cửa trông theo con cử-bộ đăng-trình.

Dân - sự nơi đó cho ông Phúc-Lộc xui con làm sự nguy-hiểm như vậy, nên nhiều khi họ đến trách ông.

Còn hai người tù-nhân kia tỉnh mịch-mạc đem nói cho họ biết lời hứa của người thiếu-nữ, nên họ chế nhạo cho thâm-hại không cùng.

Thôi ta để truyện đó một nơi, ta hãy nói đến người nữ-kiệt.

Khi hai người tội-nhân kia từ-giã nàng trở lại nàng gặp được nhiều người thiếu-nữ khác cũng đi một đàng đến một làng, cách làng Y-chinh độ 25 ki-lô-mét.

Đến một cửa rừng gần đây các cô thiếu-nữ này lại gặp một bọn thanh-niên nhà quê. Trong bọn này có vài cậu ra dáng ma-men ám-ảnh, nhẩy xuống ngựa lại gần những người thiếu-nữ, tán nhảm nói muốn cùng những người này đi qua cái rừng nhỏ ấy cho vui.

Các cô thiếu-nữ có ý lo sợ, không muốn cho những cậu thanh-niên kia nhập bọn mình, nên thoái-thác nói còn phải nghĩ lại ăn cơm và xin các cậu cứ đi trước cho, nhưng các cậu tán rằng muốn dẫn các cô đến tận làng.

Nàng Lê Công-Vị thấy vậy bèn nghĩ ra một kế mà rằng : « Chúng tôi cũng muốn đi với các ông một thể cho vui, nhưng chúng tôi còn phải ở đây chờ các anh tôi sắp mang xe bò đến chỗ chúng tôi đi ».

Bọn con trai trông đàng xa quá thấy mấy người đang kéo xe bò, bèn nhẩy lên ngựa phóng nước đại-cút thẳng.

Nàng-Công-Vị cất tiếng mà rằng :

— « Thiệt là một sự nói dối, nhưng không hại chi mà sợ ».

Khi nàng tới làng bên cạnh va nhà một người quen ngủ trọ. Ngày hôm sau, lúc nàng thức dậy thấy trong mình mỗi một lạ thường, vì hôm trước đã đi hết sức.

Lúc ở nơi hàn-ốc ấy bước chân ra đi nàng lại sinh lòng sợ hãi vì thấy mình ở nơi đồng không quăng vắng, thân gái dặm trường. Nhưng sau nàng nhớ đến truyện bà A-Gã ở nơi sa-mạc mênh-mông, nên nàng lại vững tâm yên-chi. Nàng bèn làm dấu chữ thập rồi lại bước rảo trên đàng, định-ninh gửi tâm thân hèn vào vị thần thủ-mệnh.

Nàng đi được ít lâu, bất tỉnh-lhìn

trông ngay thấy cái biển-hiệu có vẽ con phượng-hoàng của cái tửu quán mà ngày hôm trước nàng đã đi qua, nàng biết là lầm đường vì nàng đi thế là đi quanh lại. Nàng bèn đứng lại ngắm nghía hồi lâu, bỗng trông ngay thấy người cho nàng ngủ trọ đêm trước đang đứng dựa cửa mỉm cười mà rằng:

— « Nếu cô đi như vậy thì nên trở về còn hơn, đi làm gì thế cho nhọc thân vô-ích ».

Nàng đi thường bị lạc đường thế luôn mà khi nào nàng hỏi thăm đường đến Sanh-bê-tách-bua thường bị người chế nhạo vì chỗ nàng đi mà đến chỗ nàng muốn tới thì còn xa lắm, kể còn muôn dặm trường-dinh. Vì vậy nên nàng bối-rối vô-cùng.

Nàng còn ở nhà thường được bà thân-mẫu nói cho nghe linh Kim-an là nơi danh-lam trong nước. Nàng tưởng nơi đó cũng cùng một đường đến Sanh-bê-tách-bua, nên nàng định khi qua đó nàng sẽ vào thê-nguyên tu-hành, nếu nàng được xong mục - đích.

Nàng tưởng lầm như thế nên nhiều khi nàng hỏi những người bộ - hành về việc đi đường, thì người ta đều tủm-tủm cười mà đáp lại.

Có khi nàng đi đến chỗ nhiều con đường chập lại nàng không biết đi đường nào cho phải, nàng đứng lại hồi lâu chờ người bộ-hành đi qua hỏi thăm đường đi đến Kim-an thì người ta tưởng nàng hỏi đùa nên cười mà đáp rằng :

— « Đây cô muốn đi đường nào thì đi, đi con đường nào cũng tới được đến Kim-an, đến Ba-ri và đến cả thành Rôm nữa.»

Nghe vậy nàng bèn đi con đường giữa. Nàng không nhớ tên những làng nàng đã đi qua và những việc tạt-vật tình cờ xảy đến.

Khi nàng tới một xóm nhỏ nào thì thường được nhiều người tiếp-đãi tử-tế

mà khi tới những làng nào có vẻ phong-phú, thì nàng tìm được một chỗ trú chân cũng rất là khó khăn vất-vả. Người trong làng cho nàng là một ả giang-hồ. Họ tưởng lầm như vậy, nên trong cuộc lữ-hành của nàng có nhiều sự khó-khăn ngăn trở.

Khi gần tới Khâm-châu thì nàng gặp ở dọc đường một cơn giông-tố. Nàng hết sức chạy cho mau tới chỗ có dân-cư gần đấy, những nàng đang chạy thì cây cỏ-thụ bị gió thổi đổ trước mặt nàng. Nàng kinh hồn hoảng vía phải chạy vào miếu tìm nơi trú - ngụ ẩn thân.

Nàng nấp ở gốc một cây cỏ-thụ chung quanh cây có những bụi rậm xanh um.

Cả đêm hôm ấy mưa không dứt hơi, gió vẫn rung cành, chiếc thân liễu-yếu một mình chịn khổ giữa chốn quạnh hiu.

Đến rạng đông thì gió êm, mưa ngớt người thiếu-uỷ bụng đói, sống áo ướt đầm rét thấu đến xương, mà đôi chân yếu-ớt cũng phải cố bước lần đi,

May thay ! một người nhà quê qua đó thấy nàng như thế, động lòng thương cho ngồi trên xe bò chàng chở.

Nàng thấy nơi đó nhà cửa có vẻ thịnh-phồn, nàng sợ bị dân làng bạc-dãi, nên còn lưỡng-lự chưa dám hỏi ai.

Nhưng khốn thay, người mệt mỏi, bụng đói veo, nàng phải đến một cái nhà gần đó xin cho trú-ngụ, thì một người đàn-bà trạc độ ngũ-tuần ngồi trong nhà đang nhặt đậu thấy nàng đến trông nàng một cách khinh-bĩ rồi đuổi đi ngay.

Nàng đến nhà nào cũng bị người xua đuổi vì khi nàng ở trên xe bước xuống nàng đi không vững nên bị ngã quần áo đầy bùn và người nàng vì lo sợ mà trông ra thảm-hại.

Nàng đói lả không đi được, phải ngồi

ngồi trước cửa một nhà thì bà chủ nhà yêu - ác đã không thương tình thì chớ lại riếc nàng là quân rãng-há, phường xẻo đây, rồi đuổi nàng không cho ngồi cửa.

Người thiếu-nữ thấy gần đây có cái nhà thờ Đạo, nàng cố lần bước đi ra bụng nghĩ rằng: « chắc chỗ này ta không bị ai xua đuổi nữa. »

Cửa nhà thờ đóng, nàng ngồi chỗ bực bước lên. Trẻ con theo sau xúm đông xúm đỏ hung quanh rồi chửi nàng, cho nàng là phường xẻo đây.

Nàng cố nhẫn-tâm chẳng rằng chẳng nói chỉ cầu trời phù-hộ cho thôi.

Ngay lúc ấy một người đàn - bà lại gần nàng hỏi chuyện. Nàng bèn kể nỗi khổ-sở cho bà nghe. Nhiều người qua đây cũng dừng lại đứng nghe nàng nói.

Một ông già bảo nàng đưa giấy thông-hành cho xem. Xem xong ông nói giấy thông-hành của nàng phải phép.

Người đàn-bà kia thương tình cho nàng trú-ngụ, nhưng khi nàng đứng dậy thì đứng lên không vững, giẫy mất chân sung. Người đứng xem đều động lòng thương, bèn đỡ nàng lên một cái xe bò. Những đứa trẻ vừa chửi nàng cũng túm lại đẩy xe đến nhà người đàn-bà nhân-đức ấy. Nàng ở nhà bà cũng đã lâu.

Khi ở đây một người đàn ông nhân-đức trong làng cho nàng một đôi giày khác. Lúc khoẻ rồi nàng xin từ-giã người chủ-nhà mà thương-lộ, đi mãi đến mùa đông, khi mệt quá nàng mới chịu nghỉ ít lâu, trong các làng rải-rác ở dọc đường — Nàng trọ ở đâu nàng cũng cố làm ích-lợi cho chủ-nhà, hoặc quét-dọn, hoặc giặt-rửa, hoặc may-vá. Khi nàng vào ở một nhà nào, nàng còn dò xem ý-tử rồi nàng mới kể chuyện mình.

Nàng có ý nhận được rằng khi nàng mới nói mớm chuyện nàng ra thì không những chẳng ai tin cả, mà lại còn cho nàng là một ả giang-hồ.

Có khi nàng phải đi hành-khất và có lúc nàng phải giải bày sự khổ mới tìm được một nơi trú-ngụ.

Nàng có đi như thế nàng mới biết lòng người nham-hiêm khôn dò.

Thường nhiều người mới thấy nàng lại nói khó khăn thì xua-đuổi tàn-tệ, nhưng sau họ thấy nàng đi sụt-sùi khóc-lóc, giọt lệ rã đàng, thì họ lại gọi nàng về nhà mà tru-đãi.

Nàng Lê-Công-Vị vì cảnh-ngộ xui ra như thế, nên khi bị người xử-tệ thường động lòng tủi phận thương thân.

Sự khám giấy thông-hành của nàng mà trên vừa nói thì cũng có hiệu-quả rất hay. Trong giấy thông-hành cũng biên nàng là con gái một viên trung-lá nên đến nơi nào nàng cũng đưa ra, thường được người hậu-đãi.

Nàng cũng thú thật rằng nàng bị bạc-đãi thì ít, mà được hậu-đãi thì nhiều. Về sau nàng lại nói rằng: « Người ta tưởng rằng cuộc lữ-hành tôi đi thế thì nguy-nan lắm, vì tôi chỉ kể những sự ngăn-trở khó-khăn mà không nói gì đến những nơi hậu-đãi. »

Trong cuộc lữ-hành của nàng xảy ra nhiều việc nguy-nan, nhưng có một việc ghê-gớm suýt có thể hại đến tinh-mệnh nàng là việc sau này :

Một buổi chiều kia nàng đi trong một cái làng ở dọc đường tìm nơi trú-ngụ. Một bác nhà-quê mà nàng vừa đến hỏi xin trọ một đêm, thì hẳn đã chối, sau lại theo nàng rồi gọi nàng trở lại. Anh chàng đã có tuổi, mặt-mũi rất góm-ghé.

Nàng sợ nếu không trở lại thì không tìm được nơi nào khác nữa, nên nàng để cho anh chàng dẫn về nhà. Vào

đến trong nhà rồi nàng mới sinh lòng hối-hận vì, khi nàng vừa vào thì anh chàng dân-lộ vội chạy ra đóng cửa cài then rất kỹ-càng, còn cụ đàn-bà thì làm ra bộ rất đáng nghi đáng sợ. Trong cái hàn-ốc ấy không có đèn, chỉ có mấy mảnh gỗ thông đốt cháy cắm vào lỗ tường, hết mảnh này lại thay mảnh khác.

Dưới ánh sáng thăm-dạm đó, người thiếu-nữ liếc mắt nhìn quanh mình thấy hai người kia trừng-trừng nhìn nàng trong độ vài phút, rồi cụ đàn-bà cất tiếng hỏi rằng :

— Cô ở đâu đến đây ?

— Tôi ở Y-chinh đến, tôi sắp đi Saint Pétersbourg (Sanh-Bê-tách-bua).

— Á-à ! chắc cô đi xa như vậy phải mang nhiều tiền lắm đấy nhỉ ?

Người thiếu-nữ đáp một cách thực thà rằng :

— Thật quả tôi chỉ có 80 đồng tiền đồng thôi.

— Cô lại nói không được thật rồi, cô định đi như thế mà chỉ mang từng ấy tiền thôi ư ?

Người thiếu-nữ thề rằng chỉ có từng ấy tiền thôi, nhưng họ không tin lời nàng nói.

Mụ đàn-bà nhìn chòng ròi cười mà rằng :

— Tám mươi đồng tiền đồng mà đi từ Tô-bôn đến Sanh-bê tách-bua có lẽ thật đấy nhỉ ?

Người thiếu-nữ nghe vậy mà rùng mình run sợ, cổ cầm giọt lệ rồi sẽ lấm bầm cầu đúc Thượng-đế ủng-hộ cho mình.

Thế nhưng sau họ cũng cho nàng vài củ khoai để ăn, khi nàng ăn xong, cụ đàn-bà bảo nàng đi ngủ.

Nàng thấy như vậy, đem lòng nghi-hoặc biết là bọn gian-phi, nên trước khi đi ngủ nàng cởi áo ngoài ra để cho bọn kia khỏi phải lẫn lộn móc túi lôi thoi.

Một lúc lâu cặp gian-nhân đó tưởng nàng ngủ say rồi, nên họ mới lục áo nàng rồi cùng nhau nói chuyện, người thiếu-nữ nghe thấy mà kinh hồn :

— Chắc nàng còn có tiền giắt trong mình.

Mụ đàn-bà lại nói thêm rằng :

— Chắc còn, kia cổ nàng có đeo cái dây hắt là dây túi, trong cái túi ấy thế nào cũng có nhiều tiền.

Cái túi ấy người thiếu-nữ không dám rời ra vì trong có đựng cái giấy thông-hành.

Họ lại nói khe-khẽ với nhau mà những tiếng nàng nghe thấy làm cho nàng phải rùng mình sồn ốc :

— Nào có ai trông thấy hắt vào nhà ta đâu, chắc không ai biết hắt còn lẫn -khất ở lưng này nữa rồi.

VỮ CÔNG-NGHI dịch-thuật.

(Còn nữa)

Nơi thông - tin cho ông Nguyễn Bá-Trác

Ông Nguyễn Bá-Trác nguyên chủ-bút Hán-văn bản-chi, mới rời đặc-chỉ về Kiuh, đã được tạm - phái làm việc ở Cơ-mật-viện. Từ nay qui-chức nào muốn gửi thư cho ông thời đề như sau này :

Monsieur NGUYỄN BÁ-TRÁC

Hường-lô tự khanh

Tạm-phái Cơ-mật viện

à

HUẾ

DU' - LUẬN

Bản-chi tiếp được bài lai-cảo sau này, cứ y nguyên-văn lục đăng cho rộng đường du-luận.

Vấn-đề sửa-soạn một quyển sách điển-tích tiếng Annam ta là một vấn-đề rất thiết-yếu cho ta bây giờ.

Nam-dịnh, le 6 Février 1922

Nam-Phong Chủ-bút

PHẠM-QUYNH tiên-sinh

Thưa-ngài,

Tôi nay có một bài bàn về tiếng và chữ Annam ta, gửi lên đề ngài phủ-chính lại cho xem có được câu nào đich-đáng chẳng. Cứ như thiển-kiến của tôi thì như thế, dám nhờ ý-kiến cao-minh ngài chỉ bảo cho.

Nguyên là ý tôi lấy điều soạn quyển sách Tự-điền Annam làm cần cho xã-hội ta ngày nay lắm. Đang lúc Hán-tự gần tàn, mà không cấp sửa soạn lấy sách ấy, thì sau này là một cái rất thiết-thời cho tiếng ta, vì chữ Hán chiếm đến bốn năm phần trong tiếng An-nam, như: vẫn âm, nào: âm-ty, âm-phủ, âm-cung, âm-chất, âm-dung, âm-thanh, âm-nhạc, âm-công, âm-đức, v. v. đều là tiếng chữ nho cả, hoặc chỉ một hai tiếng như âm-tỷ hay âm-thầm v. v. là tiếng thổ-âm ta mà thôi.

Vả những câu dùng bằng Hán-tự lại mỗi câu có một nghĩa khác nhau, như âm-ty và âm-phủ, thì hai tiếng nghĩa khác nhau nhiều, mà người không học Hán-tự, tất ngộ-nhận là ở dưới âm mà thôi. Nhưng âm-ty là các nha-môn ở dưới âm, mà âm-phủ là các phủ-đệ của các đế-ương dưới âm. Khi làm văn-chương không phân-biệt ra thì chẳng là vô-vị lắm ru? Hiện ngày nay vào độ tháng trước cũng có bài văn đăng trong Báo kia về mục thời-sự Lao-kay có câu rằng: « Trông những đồn người Hoa-kiều làm trên núi ở Trấn-phòng ». . . Vậy ở Trấn-phòng có phải là đất Tàu không, mà người khách ở đất người khách sao lại gọi là Hoa-kiều được? Hẳn không hiểu tiếng Hoa-kiều là gì vậy.

Đại-đề như thế, thì sách tự-điền tiếng An-nam, còn nên hoãn đến bao giờ. Nên tôi có lấy tri thiển-cận của tôi, mà cũng đã thảo được ít nhiều văn tự-điền An-nam, nhưng tôi xét ra rằng: tiếng ta và chữ ta chưa có một cái cơ-sở chắc chắn kẻ dùng thế này người dùng thế khác. Nếu không có thế-cách nhất-định, thì chữ và tiếng sao dung-hoà với nhau mà thành-lập được, mà lấy đâu làm chuẩn-đích mà làm Tự-điền, cho nên tôi mới thảo bài luận này.

Ý kiến của tôi như thế, xin ngài xét lại cho xem hoặc có bổ-ích gì thì xin ngài đăng lên báo và xin chính ngài xướng-suất hô-hào trước cho, họa may có được lời đến mục-dich chẳng.

Còn những vấn thảo tự-diễn An-nam, nếu các bậc cao-minh công-nhận những ý-kiến bài bàn của tôi cũng có chỗ - ịch được một hai chút, thì tôi sẽ xin mỗi kỳ Nam-Phong đăng lên vài vấn đề các bậc cao-minh phủ-chính cho, vì lấy tri-thức một người thì có hạn mà những ý-nghĩa cao-thâm thì không cùng.

NGUYỄN NHƯ-NGỌC
Lettre au Tribunal Provincial
Nam-Định

Gặp buổi đang tiến-hóa này, ta là người Annam mà ta không tinh-tường tiếng An-nam thì chả nên tiếc cho ta lắm ru?

Ít lâu nay đã nhiều người cồ-động nên sửa soạn sách ấy thì thực là đich-dáng lắm. Nhưng trước khi sửa soạn thì hãy xin bàn đến vấn-đề tiếng ta và chữ ta trước.

Ta là người ở Bắc-kỳ xin hãy bàn riêng tiếng Bắc-kỳ.

Tiếng Bắc - kỳ ta mỗi thổ-âm một khác, nhưng cũng có một thứ tiếng rất minh-bạch, rất phân-biệt, tưởng cũng có thể công-nhận là tiếng chính trong các thứ tiếng ở Bắc-kỳ vậy.

Còn như chữ thì nghìn năm về trước, nước ta đã có chữ hay chưa? lâu nay vẫn chưa giải - quyết được. Chỉ biết rằng: khi Tàu sang đô-hộ thì Hán-tự mới xuất-hiện ra,

Đến đời nhà Trần mới nhân chữ Hán làm ra chữ nôm.

Nhưng chưa được đủ, chưa được rõ ràng, và khi muốn viết cho rõ, khó chọn đúng vần và có chữ lại nhiều nét quá.

Như chữ « đủ 𠄎 chữ ra 𠄎 vân vân. Sau đã sửa soạn cho giản-tiện lại thì chữ « đủ » chữ « ra » viết ít nét đi. Tuy thế mặc lòng, nhưng tìm cho đủ tiếng và đúng vần thì khó lắm và người học phải công-phu mới biết hết được.

Đời Hậu-Lê, các cố sang giảng-đạo,

lại nhân chữ Âu-châu mà làm ra chữ quốc - ngữ ta đang dùng bây giờ. Thế là ta có hai thứ chữ riêng vậy.

Chữ Hán tuy thông-dụng cho ta đã lâu, nhưng nay ít dùng đi rồi, và cũng không phải là một thứ chữ riêng của ta, đã hẳn.

Còn chữ nôm và chữ quốc-ngữ thì sau khi có tiếng đã trải biết bao nhiêu thế-kỷ, mới nhân tiếng mà làm ra — Chữ nôm không đủ đã đành, còn chữ quốc-ngữ, kẻ học chữ chỉ học vần, sau tự tiếng mình mà viết ra, tự hồ chỉ biết có tiếng mà không biết có chữ là gì nữa. Ôi! tiếng và chữ các nước trong thế-giới này, tất cũng nhân tiếng mà làm ra chữ, nhưng chữ cùng tiếng dung-hòa với nhau mà thành-lập đã lâu, cho nên đã có một cái cơ-sở chắc chắn.

Tiếng và chữ quốc-ngữ ta ngày nay thì không thế; vì chữ phải theo tiếng chưa có cơ-sở gì vững vàng. Kẻ dùng theo thổ-âm này, người dùng theo thổ-âm khác, chữ cũng phải theo mà thay đổi, cho nên vẫn thành ra có tiếng và chữ chưa chuẩn-dịch.

Nếu như thế thì tự hồ như có tiếng mà không có chữ, chữ phải theo tiếng và chỉ dễ phiên-dịch mà thôi.

Điều ấy ta sẽ giải-quyết ra thế nào?

Nếu công-nhận như thế thì ta nên phải tìm một thứ tiếng nào là chính, mà làm gốc, rồi sẽ bắt chữ phải theo, cho thành một cơ - sở chắc chắn, thì tiếng và chữ ta cùng vẫn-

chương ta mới có ngày mong cạnh-tranh cùng thiên-hạ được.

Đây là nói về tiếng và chữ, còn cách dùng chữ quốc-ngữ ta ngày nay cũng nên bàn qua lại.

Chữ quốc-ngữ nguyên là bởi các cổ trong nhà chung làm ra, cho nên đặt thêm ra một chữ mà người ngoài ta không dùng đến.

Ta không xét kỹ cũng nhận làm tiếng thường dùng của ta, nên lẫn lộn. Chữ ấy là chữ «*d*». Nguyên trong nhà chung khi nguyên ngấm thì phải dùng một thứ tiếng đọc rất dịu dàng, người ngoài nghe thì như đột lưởi ra, mà trong nhà chung thì bắt buộc phải thế.

Như khi đọc câu «*Máu chảy xuống đầy mặt rùng rùng*» thì đọc là «...*dòng dòng*»; lấy «*giày gia mà buộc cổ*» thì đọc là «...*dây da*...» «*thằng giu-Ra*» thì đọc là *thằng giu da* «*quân giu Rên*» thì đọc là *quân giu đều* Chữ «*d*» ấy khi đọc phải đưa lưởi ra ngoài đầu răng, hơi đưa lên hàm trên, mà đọc một cách rất dịu dàng. Khi khi nguyên ngấm mới dùng mà thôi. Nhất là khi thì ngấm, nếu những tiếng ấy không đọc đúng thì là trặc (*faute*).

Đông đạo cả: cổ Y-Pia-Nao dùng khi nguyên ngấm cần-thận lắm. Tiếng ấy người ngoài không thể dùng được và không dùng bao giờ.

Nay ta thấy trong văn quốc-ngữ có chữ «*d*» ấy, thì ta vẫn nhận là tiếng thường dùng của ta mà bảo là dùng để đọc cho mềm mại, như Dân-làng, v. v.

Vậy nay ta muốn sửa soạn sách âm-thoại hay tự-điền Anam thì ta nên giải-quyết hai vấn-đề tiếng và chữ Anam và cả chữ «*d*» ấy ra thế nào?

Tiếng. — thì thổ-âm nào là chính?

Chữ. — thì chữ quốc-ngữ là chính, mà chữ «*d*» có nên dùng không?

Trong hai vấn-đề ấy giải-quyết xong, thì mới có chuẩn-dịch mà làm sách ấy được.

Hai vấn-đề ấy thì thiên-y tôi tưởng như thế này :

Vấn-đề thứ nhất. Tiếng thì chia ra làm ba thứ :

1^o tiếng nói cách mềm - mại với tỉnh-thành.

2^o tiếng ngọng (quê).

3^o tiếng không phải tỉnh-thành mà cũng không phải ngọng (quê).

Tiếng tỉnh-thành thì như cái *giá*, cái *giở*, đi *gia*, con *châu*, *dùng*, v. v.

Tiếng ngọng quê thì như: *nằm bông núa*, và như câu: *con trâu láng, buộc cùm te tức tụi, ăn lo bụng tròn như cái tống teo giữa đình-lung*.

Tiếng không phải tỉnh-thành và quê thì như: cái *rá*, cái *rỏ*, đi *ra*, con *trấu*, làm *bông lúa*; cùng con *trần trắng buộc cùm tre trúc trụi*, ăn *no bụng tròn như cái trống treo giữa đình trung*.

Trong ba thứ tiếng ấy chỉ có tiếng thứ ba nói không lẫn lộn, phân-biệt, rành rọt hết mọi tiếng, và dùng trong văn quốc-ngữ không vắn nọ lẫn với văn kia, không «*d*» lẫn với *R* và *gi*, *S* lẫn *X*, *ch* lẫn với *tr*.

Vấn-đề thứ hai thì chữ quốc-ngữ là thứ chữ đủ và tiện đã hẳn rồi, nhưng xin để riêng chữ «*d*» ra là chữ nhà chung dùng, những tiếng dùng khi nguyên ngấm, còn khi ta viết chữ *Rân* thì dùng chữ *R*, vân vân.

Trong các tiếng và chữ lập cho ra có chuẩn-dịch qui-cử như vấn-đề ta đang giải-quyết đây, là để dùng khi làm sách, hay làm văn, làm bài. Còn khi thông-dụng thường thì tùy tiện, cũng không hại gì.

Khi chữ và tiếng đã có cái cơ-sở chắc chắn rồi, thì xin sẽ bàn đến sách

Âm-thoại hay tự-điền An-nam.

Ý-kiến thiên-cận tôi như thế, mong
rằng các bậc học-thức cao-minh và
lịch-duyệt nhiều, hạ-cố mà bàn-bổ cho,

hoa may có bổ-ích gì cho tiếng và chữ
An-nam ta được phần nào thì tôi cũng
được lạm dự dư-vinh lắm.

NGUYỄN NHƯ-NGỌC

DỊCH PHÁP-VĂN

(Littérature Française)

Hai cái thái-cực (1)

(Les deux infinis)

Hai cái thái-cực là cái thái-cực cực to và cái thái-cực nhỏ, hai cái đều quá sức người ta không thể tưởng-lượng được. Thân-phận người ta bợ vờ đứng giữa hai thái-cực, không biết đầu là bờ-bến, không biết ở đâu đến, không biết đi đến đâu, thật là đáng thương thay ! cái cảnh tượng ấy, cái bi-kịch người ta đối với thế-gian ấy, từ xưa đến nay các nhà thi-văn tư-tưởng tả đã nhiều, nhưng chưa từng thấy bài nào lời thiết-tha, giọng hùng-hồn, thật là xứng với cảnh to tát, hợp với ý cao-thâm, bằng bài văn sau này của danh-sĩ Pháp Pascal. Thật là một bài tuyệt-bút trong văn-chương thiên-hạ, dịch không sao hết được dư-thú.

... Que l'homme contemple donc la nature entière dans sa haute et pleine majesté ; qu'il éloigne sa vue des objets bas qui l'environnent ; qu'il regarde cette éclatante lumière mise comme une lampe éternelle pour éclairer l'univers ; que la terre lui paraisse comme un point au prix du vaste tour que cet astre décrit, et qu'il s'étonne de ce que ce vaste tour lui-même n'est qu'une pointe très délicate à l'égard de celui que les astres qui roulent dans le firmament embrassent. Mais si notre vue s'arrête là, que l'imagination passe outre : elle se lassera plutôt de concevoir que la nature de fournir. Tout ce monde visible n'est qu'un trait imperceptible dans l'ample sein de la nature. Nulle idée n'en approche. Nous avons beau enfler nos conceptions au delà des espaces imaginables, nous n'enfantons que des atomes au prix de la réalité des choses. C'est une sphère infinie dont le centre est partout, la circonférence nulle

... Người ta thử đứng mà ngắm cảnh - vật lồng-lộng cao-cao ; thử xa con mắt những vật nhỏ - nhen bên mình ; thử nhìn cái bóng sáng trời-lọi kia như đèn trời đặt để soi thế-gian ; thử tưởng-tượng cái địa-cầu này như một nét chấm, sánh với các vòng quỹ-đạo lớn của mặt trời (2) ; lại thử nghĩ cái đường quỹ-đạo lớn ấy nữa mà đem sánh với cái quỹ-đạo của các tinh-tú luân-chuyển trên bầu trời, thì cũng chỉ bằng cái đầu kim nhỏ mà thôi. Nhưng nếu đến đây mà mắt không trông được nữa, thì tư-tưởng vượt qua đi : tất có lúc tư-tưởng tưởng-tượng đã nhọc mà tạo-vật cảnh-tượng chưa đầy. Cả cái thế-giới mắt trông thấy này cũng chỉ bằng một cái vết nhỏ trong bề-khoi cảnh-vật. Không tư-tưởng nào suy-lượng kịp. Ta tha-hồ giương tư-tưởng cho đến ngoài cõi tưởng-tượng được, sánh với cái thực-

(1) Thái-cực đây là nghĩa : cùng-cực vô-cực, không phải là nghĩa « Thái-cực » trong sách nho.

(2) Thời-đại ông Pascal còn tin rằng mặt trời xoay chung-quanh địa-cầu.

part. Enfin c'est le plus grand caractère sensible de la toute-puissance de Dieu, que notre imagination se perde dans cette pensée.

Que l'homme, étant revenu à soi, considère ce qu'il est au prix de ce qui est ; qu'il se regarde comme égaré dans ce canton détourné de la nature, et que, de ce petit cachot où il se trouve logé, j'entends l'univers, il apprenne à estimer la terre, les royaumes, les villes et soi-même son juste prix.

Qu'est-ce qu'un homme dans l'infini ? Mais pour lui présenter un autre prodige plus étonnant, qu'il recherche dans ce qu'il connaît les choses les plus délicates. Qu'un ciron lui offre dans la petitesse de son corps des parties incomparablement plus petites, des jambes avec des jointures, des veines dans ces jambes, du sang dans ces veines, des humeurs dans ce sang, des gouttes dans ces humeurs, des vapeurs dans ces gouttes ; que, divisant encore ces dernières choses, il épaisse ses forces en ces conceptions, et que le dernier objet où il peut arriver soit maintenant celui de notre discours, il pensera peut-être que c'est là l'extrême petitesse de la nature. Je veux lui faire voir là-dedans un abîme nouveau. Je lui veux peindre non seulement l'univers visible, mais l'immensité qu'on peut concevoir de la nature dans l'enceinte de ce raccourci d'atome. Qu'il y voie une infinité d'univers dont chacun a son firmament, ses planètes, sa terre, en la même proportion que le monde visible ; dans cette terre des animaux, et enfin des cirons, dans lesquels il retrouvera ce que les premiers ont donné ; et trouvant encore dans

thể vạn-vật thì ta cũng chỉ mới nghĩ được một mảnh vi-trần thôi. Cảnh vật là một cái hình tròn, đầu cũng là trung-tâm, mà cái vòng quanh thì không đâu cả (1) nói rút lại thì tu-tướng ta chìm đắm vào sự nghĩ ấy, tức là biểu rõ cái tính toàn-năng của Thiên-chúa tạo-vật vậy.

Bây giờ người ta ngẫm lại mình, lại thử sánh mình với vạn-vật ; thử tưởng-tượng mình đứng bơ vơ giữa nơi thôn-lạc khuất nẻo trong thế-gian này, rồi tự trong cái ngục nhỏ ấy — tức là thế-giới vậy — thử suy-lượng cái địa-cầu này, các nước, các tỉnh-thành, rồi đến nhân-thân mình, xem to nhỏ thế nào.

Ôi ! một con người ta trong thái-cực là gì ? Nhưng lại muốn bày cho người ta một cái cảnh-tượng cũng kỳ bằng thế nữa, thì thử tìm trong các vật thường biết vật gì là nhỏ hơn nhất. Thử xét một con vi-trùng, thân-thể nhỏ là thế mà còn phân-biệt được nhiều bộ-phận nhỏ hơn không biết bao nhiêu nữa, có chân tại có khớp chân, trong chân lại có mạch máu, trong mạch máu lại có máu, trong máu lại có mỡ, trong mỡ lại có giọt, trong giọt lại có hơi ; cứ phân tách mãi thế cho đến kiệt-lực không nghĩ được nữa, mà lấy cái sau cùng là cái ta bàn bây giờ, đã tưởng rằng đến thế là cực-điểm nhỏ trong cảnh-vật rồi. Ta muốn chỉ cho mà xem trong cái cực nhỏ ấy lại còn có một vực bề mới nữa. Ta muốn vẽ cho mà biết trong khu-vũ một nửa mảnh vi-trần ấy, không những có hình-ảnh cả thế-giới thực, lại còn có một cảnh-vật mênh-mông nữa. Thử nhìn mà xem có muôn vàn thế-giới, mỗi thế-giới một bầu trời, có hành-tinh, có địa-cầu cũng y như trong thế-giới thực ; trong địa-cầu ấy cũng có giống vật, cũng lại có vi-trùng nữa, trong vi-trùng ấy cũng lại thấy

(1) Câu này đã thành một câu thành-ngữ tuyệt-bút.

les autres la même chose, sans fin et sans repos, qu'il se perde dans ces merveilles, aussi étonnantes dans leur petitesse que les autres dans leur étendue; car qui n'admira que notre corps, qui tantôt n'était pas perceptible dans l'univers, imperceptible lui-même dans le sein de tout, soit à présent un colosse, un monde, ou plutôt un tout, à l'égard du néant où l'on ne peut arriver. ?

Qui se considère de la sorte s'effroiera de soi-même, et se considérant soutenu dans la masse que la nature lui a donnée, entre ces deux abîmes de l'infini et du néant, il tremblera à la vue de ces merveilles; et je crois que sa curiosité se changeant en admiration, il sera plus disposé à les contempler en silence qu'à les rechercher avec présomptions.

Car enfin qu'est-ce que l'homme dans la nature ? Un néant à l'égard de l'infini, un tout à l'égard du néant, un milieu entre rien et tout. Infiniment éloigné de comprendre les extrêmes, la fin des choses et leur principe sont pour lui invinciblement cachés dans un secret impénétrable; également incapable de voir le néant d'où il est tiré, et l'infini où il est englouti.

PASCAL
(pensées)

Cải chính

Bài thờ-địa nhân-dân xứ Bắc-kỳ đăng ở Nam-Phong số 55, trang 47, biểu thứ 2, ở thứ 2, chỗ không lặt, in lầm chữ số. Số 30, nay đổi là số 10 ; 40 nay đổi là số 20 cho đúng.

Kính tạ

Ông Trần Quang-Khải có gửi tặng cho Bản-báo một quyển « *Sử-nam-bốn-chữ* ». Kính lĩnh tạ.

Ông Đàm-Xuyên có gửi cho Bản-báo một quyển « *Quốc-ngữ-vỡ-lòng* », Kính lĩnh tạ.

bấy nhiêu bộ-phận như trên; rồi đến cái khác cũng lại cứ thấy thế mãi, vô-cùng vô-cực, thì bấy giờ người ta thử chìm đắm vào trong những cảnh kỳ-diệu ấy, cảnh nhỏ cũng kỳ bằng cảnh to; vì trông thấy cái thân-thể coi người ta trước đem sánh với vạn-vật thì không là gì; chính vạn-vật đem sánh với thái-cực cũng không vào đâu, mà bây giờ coi ra vĩ-đại, thật là một thế-giới, một thái-cực, sánh với cái hư-vô mà không thể đến được, thì ai là người không cảm-phục ?

Ai xét mình như thế thì tự mình mà khiếp mình, và ngắm mình tựa vào cái khối tạo-vật đã phú cho này (tức là địa-cầu), đứng giữa hai cái vực thái-cực với hư-không, thì trông thấy những cảnh kỳ-diệu ấy mà rung mình; mà tôi thiết-tưởng cái lòng hiếu-kỳ đổi ra lòng cảm-phục, người ta sẽ sẵn lòng đứng lặng mà ngắm trông hơn là hăm-hở mà tìm tòi.

Vì rút lại thì người ta trong cảnh-vật này là gì? Đối với các thái-cực thì người ta là một cái hư-vô, đối với cái hư-vô thì người ta là một cái thái-cực, nghĩa là một khoảng giữa cái có với cái không. Người ta còn xa lắm mới hiểu được cái cùng-cực, cho nên cái lẽ cứu-cánh cùng cái nguyên-lý vạn-vật còn bí-mật không tài nào khám-phá được; không thể biết được cái hư-vô ở đấy mà ra, mà cũng không thể biết được cái thái-cực tiêu-diệt về đấy.

THỜI-ĐÃM

CHÚC MỪNG ĐÔNG-CUNG HOÀNG THÁI-TỬ

Bản-chi được tin rằng : Hoàng-thượng chuẩn theo lời tâu của Tôn-nhân-phủ và Cơ-mật-viện, xin lập vị Hoàng Thái tử, hiện đã thương-đồng với qui Bảo-hộ chánh-phủ, ý-hợp, dụ lập vị Đông-cung Hoàng Thái-tử. Đức Hoàng-thượng ta từ khi lên ngôi, đã hết lòng lo toan về việc chính-trị hiện-thời, nay lại nghĩ đến tương-lai quốc-gia đại-kế mà sớm định ngôi Hoàng-tử, thực là vì giang-sơn xã-tắc làm thêm vững nền bàu-thạch Thái-sơn. Hoàng-tử vốn thiên-tru đình-ngộ, nay chính-vị Đông-cung để sau này trên thừa nghiệp tôn-miếu xã-tắc, dưới tạo phúc cho thiên-hạ thần-dân. Quốc-diên ta nghe thấy tin ấy ai cũng đều mừng-rước hoan-hô. Bản-chi xin cùng với quốc-dân cùng ngóng trông bắc-khuyết, khánh-chúc nam-sơn, mà tung-hô vạn-tuế. Nay xin cung-dịch lời Dụ như sau này :

Dụ rằng :

Mối xa-thư nhất-thống, cốt phải lập đại - cương; nền bàu-thạch vạn-niên, trước phải vững căn-bản. Vì có ấy nên các đấng minh-vương đời trước đều sớm lập ngôi Hoàng - trử, để thừa-nghiệp tôn-miếu.

Trẫm xét Hoàng-trưởng-tử Vĩnh-Thụy : Tuổi trẻ chất yếu, học-kiệm tài-sơ, cần phải mài rửa cho tinh, mới nên ngọc tốt; mong cho thành-đạt được sớm, cây ở ngày sau. Mới rồi các quan đại-thần phủ Tôn - nhân và viện Cơ-mật, có hợp tâu : Xin sớm định quốc-gia đại-kế, để hệ-vọng thiên-hạ thần-dân; trước là cho toàn-quốc biết trông-vẻ, sau là cho bàu-chi khỏi ngấp-nghe; thế thời nền tôn-xã thêm vững vàng, mà trong Triều-đình mới nhất-định.

Trẫm nghĩ rằng : Việc thừa-đương quốc-thống, rất quan-hệ về tương-lai; nên hỏi ý-kiến qui-Chánh-phủ, để bàn định cho thỏa-hợp; bèn đem việc ấy hỏi qui Chánh-phủ. Đến ngày 25 tháng giêng vừa rồi, nhân qui Toàn-quyền đại-hiến vào Kinh điện-yết, có

nói tỏ ý qui Pháp-đình và qui Chánh-phủ Bảo-hộ đều vui lòng công-nhận. Quan qui Khâm-sứ đại-thần PASQUIER cũng tâu xin theo như lời quan Toàn-quyền đã tỏ bày, nên sớm lập Đông-cung, để vững ngôi Hoàng-thống. Ôi ! Mệnh dẫu bất-thường, không thể nào liệu trước được; song việc nên tiên-định, cốt tại người biết lo toan. Nay các quan đại-thần đã đồng-từ hiệp-tấu, lại có các qui-quan Bảo-hộ cũng hợp-ý hoan-nghênh, nên Trẫm biểu đồng-tình, theo chúng-ý, đem việc ấy tâu lên Lưỡng-cung, kính vâng ý-chỉ, sách-lập Hoàng-trưởng-tử Vĩnh-Thụy làm Đông-cung Hoàng Thái-tử, sắc cho các quan Hữu-tư chiêu theo điển-lễ chọn ngày tốt kính-cáo nhà Tôn-miếu và sửa-soạn chương-trình nghi-tiết, phiên tấu lên thâm-duyet, sẽ chuẩn cho thi-hành.

Khâm-thử.

Ngày 12 tháng hai năm Khải-định thứ bảy.

Cơ-mật viện cung-lục, chuyển-đạt cho các tỉnh Bắc kỳ tuân-phụng

NGŨ GIÁ SANG ĐẠI-PHÁP

Đức Hoàng-thượng ta định đến trung-tuần tháng tư an-nam này ngũ giá sang Đại-Pháp, trước để tỏ cái chủ- nghĩa Pháp Việt để- huê, sau là quan-sát những chính-trị học-thuật Âu-châu, để về mở mang đường ích-lợi tương-lai cho nước nhà. Bản-chi xin kính-chúc Thánh-cung vạn-phúc, nhất-lộ khang-trang, nay xin kính dâng lời-Chầu-đô như sau này :

Châu dụ :

Từ xưa nay nước An-nam thường các Vua, hoặc lấy theo cổ - điển mà đi tuần - thú, hoặc là đi quan-phong nội trong nước mà thôi, các đế-vương ở nước An-nam chưa hề xuất-dương bao giờ, sự xuất-dương vẫn chưa hề có, mà sự ngoại-giao với các nước Âu-châu cũng chưa.

Tuy nước Nam ta từ Đinh, Lê, Lý, Trần trước sau chỉ thọ-phong nước Tàu phải chịu triều - cống cho nước Tàu ; nhưng mà các Vua lúc đó cũng chưa hề thân-hành mà qua triều-yết Hoàng-đế Tàu bao giờ, chỉ sai sứ-thần đi lại mà thôi ; thời nước ta lúc đó chỉ biết một mình nước Tàu. Đến khi đức Thái-tổ Gia-Giữ Hoàng-đế ta triệu-co Nam - phục đến năm ất-dậu 28, năm tây-lịch 1585, lúc đó mới có người Âu-châu đi đến nước ta, sau đến đời đức Thái-tôn Hiếu - triết Hoàng-đế khai-thát ra đất Nam-kỳ, nhằm năm kỷ-mùi 31, có người Tàu là Dương Ngạn-Địch không phục triều Thanh, đem binh tướng đến đầu đức Hiếu-triết ta, ngài mới sai chúng nó vô giúp sự khai-thát đất Nam-kỳ. Khi ấy đức Hiếu-triết ta mới cho người Tây-dương, Nhật-bản, Chà-và và Ấn-độ được nhập-thương trong nước ta, bởi sự nước ta mà ngoại-giao với các nước từ đó mới khởi dấy, đến sau lại các ngoại-quốc vẫn giao-thông với ta, vừa đến đời đức Thế-tổ Cao-Hoàng-đế ta bôn-bá về năm nhâm-dần là tây - lịch năm

1780 có người Đại-Pháp là Bách-Đa-Lộc giám-mục mới tiến-cử người Pháp tên Mãn-hoe đem một chiếc thuyền của Đại-Pháp đến cửa Cầu-giờ về tỉnh Gia-định mà giúp đức Thế-tổ ta, qua đến năm qui-mão tây-lịch năm 1781, đức Thế - tổ Cao Hoàng - đế ta nghe giám-mục Bách-Đa-Lộc ở tại Chân-bôn, thuộc về đất của nước Xiêm-la, lúc đó đức Thế - tổ ta sai sứ rước Bách-Đa-Lộc về, Ngài xin hiệu-dụng mà lấy tân-lê đãi. Lúc ấy đức Thế-tổ ta mới sai Bách-Đa - Lộc qua cầu-viện Đại-Pháp giúp ta rồi lại giao Đông - cung Anh - duệ Hoàng - thái - tử đem qua Đại - Pháp làm vi - chi, rồi đức Thế-tổ ta đi qua Xiêm-la lo sự viện-binh, thời Vua nước ta đã xuất-dương từ đó, ấy là đức Thế-tổ Cao-Hoàng-đế, còn Đông-cung Anh-duệ Hoàng-thái-tử lại qua Đại-Pháp, cho nên sau lại Bách-Đa-Lộc tỏ những sự ân-đức của đức Thế-tổ ta tại nước Đại-Pháp, nên chỉ Pháp-hoàng sẵn lòng giúp ta lúc đó, và những các tay danh-sĩ, tài-năng ở nước Pháp nghe oai-đức của đức Thế-tổ mới tinh-nguyện qua giúp ngài là ông CHAIGNEAU, ông VANNIER, tức là Nguyễn Văn-Thắng, Nguyễn Văn-Chấn và tướng-sĩ khác nữa, đem tàu, đem súng giúp đức Thế-tổ ta, thời sự biết ngoại-giao với các nước phương Tây từ ngã-triều ta khởi trước, nhưng mà nước Đại-Pháp về sự giao - hảo với nước ta rất là mật-thiết từ đời đức

ế-tổ Cao Hoàng-đế, không phải sự giao-hảo mà thôi, mà người Đại-Pháp lúc đó cũng đã thọ quan-chức của đức Thế-tổ ta phong cho cũng nhiều, thời xem sự giao-hảo của ngã-triều ta với nước Đại-Pháp cũng đã lâu không phải là bây giờ vậy.

Sau lại đức Thế-tổ ta lâm-băng, đến đức Thành-tổ kế-thống cũng vẫn giữ theo lối giao-hảo với nước Đại-Pháp, qua đến năm Minh-mạnh nhâm-ngọ về tây-lịch 1822 lúc đó ông Nguyễn Văn-Thắng và ông Nguyễn Văn-Chấn xin hồi-quốc hưu-tri; từ lúc ấy sự giao-hảo của ta đối với nước Đại-Pháp có hơi phai nhạt, là vì cơ gì? là vì hồi đó ta nghĩ rằng: từ nước ta đi qua tới Đại-Pháp thiên-sơn vạn-thủy, nhưng vậy mặc dầu mà người nước Pháp với người nước ta vẫn cứ qua lại với nhau, song sự giao-hảo của hai Nhà-nước không bằng lúc trước, là tại vì các Tiên-đế ta vừa mới đặc-quốc, chăm lo về dăng kinh-lễ trong nước và lo sự chấn-củng triều-cương, cho nên sự ngoại-giao cũng có ý quên đi nhiều ít, qua đến năm Tự-dức bình-thin thứ 9, tây-lịch 1856, nước Đại-Pháp đem tàu qua nước ta, có ý cầu sự thông-thương mà nhắc ta về sự giao-hảo, song lúc ấy người Đại-Pháp đến đất Đà-nẵng ta, có đem theo binh-khí, nên chi ta lầm là sự đánh ta, mới sinh ra sự chiến-tranh từ đó, cho đến đất Nam-kỳ, thành ra mất đi ba tỉnh ở Nam-kỳ, nhưng mà lúc đó, có tên nghĩa-sĩ tại Nam-kỳ tên là Trương Công-Định sanh lại về cuộc chiến-tranh là cũng vì tên Trương Công-Định cho nên ta phải giao 6 tỉnh cho nước Đại-Pháp nhận làm thuộc-địa.

Sau lại nước Đại-Pháp thấy các nước Á-đông học theo lối Âu-châu mà phú-quốc, cường-binh, tức là Nhật-bản và Xiêm-la, còn nước ta về sự ngoại-giao đã lơ-lửng rồi lại sinh ra tình nghi ngờ, sinh sự chiến-tranh tới đất

Bắc-kỳ nữa, lúc đó nước Đại-Pháp phải buộc ta lập tờ hòa-ước, đầu hết là năm giáp-tuất, là năm Tự-dức 27, tây-lịch năm 1874, là nước Đại-Pháp có ý nghĩ nước ta trước đức Thế-tổ đã giao-hảo từ-tổ mà người Đại-Pháp lúc đó đã có công-nghiệp giúp ta, nếu mà không buộc ta giữ theo lối hòa-hảo cho đúng cách thời mấy nước đã cường-thạnh tại Á-đông sẽ lấy nước ta đi, rồi mất công của nước Đại-Pháp đã giúp ta trong lúc đức Thế-tổ Cao Hoàng-đế; vì cơ đó cho nên nước Đại-Pháp phải Bảo-hộ ta mà ta cũng nhận là nước Đại-Pháp Bảo-hộ, sự lầm của ta từ đó mới rõ; song sự lầm ấy cũng tại bách-quan của nước ta, tuy nước ta vẫn là quân-chủ, song những sự gì quan-hệ lớn ở trong nước thời vua ta giao hạ Đình-ngự, không phải là một mình Vua mà định đoán; sau qua đến năm giáp-thân, Kiến-phước nguyên-niên, tây-lịch năm 1884, lúc đó mới lập lại hòa-ước nhất-định là nước Đại-Pháp Bảo-hộ xứ Bắc-kỳ và Trung-kỳ cho ta để mà giữ biên-cảnh cho ta quyết không cho ngoại-quốc xâm-chiếm nước ta; mà lại bảo-thủ quyền-lợi cho vua ta được tự xưng Hoàng-đế Đại-Nam không phải tùng-phục nước nào nữa, thời những các điều hòa-ước của nước Đại-Pháp mà rộng cho ta như vậy, là triều-đình ta cũng nên khâm-phục mà thủ ân-nghĩa với nước Đại-Pháp cho lâu dài mới phải; tuy tờ hòa-ước năm Kiến-phước nguyên-niên giáp-thân, tây-lịch năm 1884 đó đã nhất-định rồi các khoản, nhưng mà chưa kịp thi-hành, vừa đức Kiến-phước Giản-tôn Nghị Hoàng-đế băng, lúc ấy tại triều-đình có quyền-thần là Tôn-thất Thuyết với Nguyễn Văn-Trường tôn đức Hàm-ngự kế-thống, Ngài vẫn còn xung-linh, cho nên hai quyền-thần ấy mới chuyên-chế quyền Ngài, sinh ra sự chiến-tranh, lại sự chiến-tranh đó không ra gì, rồi lại phò đức

Hàm-nghi ta mà chạy, lúc đó Tôn-thất Thuuyết giả là phò Vua, song vì sợ một mình thôi phải vong - thân, cho nên mới đem đức Hàm-nghi theo là để lấy chữ hiệp Thiên-tử dĩ lệnh Chư-hầu, sự lỗi ấy tại quyền-thần làm mà đức Hàm-nghi ta phải chịu, thiệt là lấy làm thương xót : một là mất đi một ngôi Vua An-nam lối đó, hai là lỗi với nước Đại-Pháp về trong sự giao-thiệp, nhưng mà may nhờ Liệt - Thánh ta trước có thâm-nhân hậu-trách, cùng là nước Đại-Pháp có nhân - từ quảng-đại, biết rõ triều ta rất có công-nghiệp nhứt với dân-tộc An-nam trong sự mở-mang bờ-cõi rộng - rãi cho nước An-nam mới thành được một nước lớn, vả lại nước Đại-Pháp cũng giữ lời giao-ước với ta không khi nào thay đổi, lúc đó mới nghinh đức Tiên-hoàng-khảo Cảnh-tôn Thuần Hoàng-đế mà lập lại để cho dân An-nam có chủ, lúc đức Tiên-hoàng-khảo ta tức Hoàng-đế-vị, năm át-dậu, tây-lich năm 1885 mới nhất-dịnh ký tờ hòa-ước trong năm 1884 rồi mới thi - hành từ đó ; đức Tiên-hoàng-khảo ta rõ biết nước Đại-Pháp là văm - minh phú-cường nhất tại Âu-châu, vả lại nước Đại - Pháp lấy sự nhân-đức mà dãi nước ta có nhiều điều rất là vinh - dự, cho nên Ngài mới ngự - giá thân - chinh, dẹp an những các đảng loạn trong nước, từ ấy đức Tiên-hoàng-khảo ta mới lấy sự thành-tín giao-hảo với nước Đại-Pháp và Bảo-hộ Chánh-phủ rất là thân-ái, sự thân-ái với nước Đại-Pháp của đức Tiên-hoàng-khảo ta, là Ngài chủ-ý trông cậy nước Đại-Pháp dắt-dìu nước ta lên hàng văn-minh cho khỏi sự thua kém trong các nước Á-dông đã cường-thạnh, thời sự cao-minh, sự thành-tín, và sự công-nghiệp của đức Tiên-hoàng-khảo ta, nước Đại-Pháp đã biết rõ-ràng cho nên qua năm Đồng-khánh mậu-tý tam niên, tây-lich năm 1888 đã sắc-hạ qua năm Đồng-khánh

tứ niên, kỷ-sửu, là 1889 thời ngự-giá qua nước Đại-Pháp để mà tỏ sự giao-hảo của nước ta đối với Đại-Pháp đã lâu dài, sau nữa ngài tỏ ra sự thành-tín với nước Đại-Pháp, lại nhân đó đặng Ngài khảo-cứu những các sự văn-minh của nước Đại-Pháp, rồi khi Ngài hồi-loan, đặng mà hợp-đồng với Bảo-hộ Chánh-phủ để mà tiến-dần dân ta lên hàng văn-minh ; nhưng chẳng may trong nước ta vì vận-hội chưa đi tới được, cho nên năm Đồng-khánh tam-niên mậu-tý, về tháng chạp ngày 27 là tây-lich 1889 tháng giêng ngày 28, Đức Tiên-hoàng-khảo ta Long-ngự thượng-tân, thành ra việc Ngài ngự-giá qua nước Đại-Pháp không được như-nguyện của Ngài mà cũng mất sự hi-vọng của dân ta hồi đó.

Năm đức Tiên-hoàng-khảo ta băng, thời ta đang còn xung-ấu, chỉ mới 4 tuổi, nên chỉ hai Nhà-nước phải lập qua dòng khác lên ngôi kế-thống, là vua Thành-thái, song Vua Thành-thái làm vua 19 năm không giữ theo thanh-đức, không lo phụng Tôn-miếu cho chí-thành, không chăm nom đến các việc quốc-chánh, dân-chánh, nên chỉ hai nhà-nước bỏ vua Thành-thái mà lập vua Duy-tân, lúc lập vua Duy-tân chỉ mới 8 tuổi, Bảo-hộ Chánh-phủ cũng có ý tập-rèn cho đủ tư-cách để mà cai-trị trong nước khi lớn - khôn, ai ngờ lại gặp lấy câu hữu thị phụ tất hữu thị tử, vua Duy-tân sinh lòng tàn-hại mà phiến-biến, một thì nữa Tôn-miếu Xã-tắc của ta gần khuynh-nguy, hơn cũng may Bảo-hộ Chánh - phủ dẹp yên đảng đó, rồi thời bỏ vua Duy-tân, hồi đó là năm 1916 binh-thìn, lúc ấy nước Đại-Pháp với Bảo-hộ Chánh-phủ biết rõ nước ta làm gì cũng phải có quân-chủ mới hiệp lòng dân, mà lại giữ theo lối đã y-ước với nước ta khi trước, nên chỉ Đại - Pháp Bảo-hộ Chánh-phủ với triều-dình nghinh ta nhập - thừa đại - thống, lúc ta tức

Hoàng - đế - vị cải Khải - định nguyên-niên, năm binh-thin tháng tư ngày 17, là Tây-lich năm 1916 tháng 5 ngày 17 -

Thử-thời ta lên ngôi Hoàng-đế, lúc đó nước Đại - Pháp đương hữu-sự, ta vẫn nối theo gương của đức Tiên-hoàng-khảo ta trước, cho nên ta phải giữ theo thanh-đức của ta để mà phụng Tôn - miếu, ngự thiên-hạ mà lại rất thành-tín với nước Đại - Pháp cũng như đức Tiên - hoàng-khảo ta, cho nên lúc ta lên ngôi ta vẫn tâm-hành nghĩa-vụ với mẫu - quốc mà lo những các sự mẫu-quốc đã cần dùng đến ta : là về sự mộ-binh, mộ-thợ đem qua mẫu-quốc, làm những công-trái để giúp chỗ chiến-trường.

Còn việc triều-chính ta vẫn chăm lo chấn-chỉnh lại, từ triều - nội cho đến chư địa - phương, tuy là chưa được mười phần chấn-chỉnh, song quốc-chánh với quan-trường cũng đã chỉnh-dốn hơn hai triệu vua mới rồi.

Bởi thế cho nên nước Đại-Pháp và Bảo-hộ Chánh-phủ thấy ta rất là tiên-y hăng-tục, lo chữ mục-lan cho tận kỳ thành-tín, và họ Tôn - miếu triều-dinh được chấn-cỉnh lại, lo cho quốc-dân ta cho được tấn-bộ về tương-lai, nên chi Đại-Pháp với Bảo-hộ Chánh-phủ rất tin dụng ta, mà thương kính ta, lại giúp cho ta đủ các tu-cách theo lối quân-quyền, cho nên phần ta mà đối với nước Đại-Pháp Bảo-hộ Chánh-phủ, thiệt là khi nào nghĩa-bất-khả-khứ.

Ngày nay nước Đại-Pháp với Bảo-hộ chánh-phủ tin-ái ta, mà giúp ta có được sự danh-giá là ta cũng nhờ thần-dân có lòng ái-dái ta, mà nghe theo lời ta đều thấy trung-thành với nước Đại-Pháp, mà tận-thành nghĩa-vụ như ta, vậy là ta rất vinh-hạnh về sự ta nhờ quốc-dân ta làm cho ta được sự danh-vọng, và lại từ ta tức-vị cho đến bây giờ đã 7 năm, nhưng mà mấy năm

trước có việc Âu-chiến, nên chi hoàn-cầu thủy đều xao-động cả, nước thời phiến-loạn cách này, nước thời phiến-loạn cách khác, chỉ duy một nước An-nam là được bình-an vô-sự, không hề xao-động một thứ gì, là cũng nhờ quốc-dân có lòng trung-thành với ta, biết nghe lời ta hiểu-thị cho nên nước ta mới được yên ổn như trong hoàn-cầu từ đó cho đến nay, xem quốc-dân ta như vậy thời rõ biết ta rất có nhiều hạnh-phước, mà nước ta cũng có hạnh-phước lớn lao vậy.

Nhơn nay nước Đại-Pháp là Bảo-hộ ta mới thắng-trận Khải-hoàn, trên hai năm nay, lại với trong nước ta gặp lúc thừa-bình, cho nên ta ngự-giá qua nước Đại-Pháp để mà chúc mừng nước Đại-Pháp về sự thắng-trận Khải-hoàn và sau nữa dặng mà tỏ những các sự giao-hảo với nước Đại-Pháp đã hơn 100 năm nay, trong lối thân - ái mật-thiết của hai nước Pháp Việt đề-huệp và lại yết đức Giám - quốc Đại-Pháp; quốc-trưởng với triều-dinh các bậc đại-thần và các bậc triết-học danh-sĩ của nước Đại-Pháp mà cảm ơn những các việc Đại-Pháp bảo-hộ thi-thố cho nước Nam ta công-trình rất là trọng-đại ở tại nước ta; sau nữa dặng cho ta mục - kích những các lối văn-minh tài-trí của nước Đại - Pháp đã sắp truyền-bá cho nước ta; rồi ta lại đi thăm tất cả các chỗ chiến-trường vừa rồi; ta lại đến các lăng-mộ những kẻ nghĩa-sĩ của nước Đại-pháp vì-quốc-vong-xu; rồi Ta lại đến mộ tiền quân-lính ta cho qua giúp nước Đại-Pháp vì chữ đại-nghĩa mà táng-thân tại đó, khi ta tới đó ta sẽ thắp một nén hương để mà an ủy linh-hồn những kẻ nghĩa-sĩ của nước ta, vì ta mà muôn ngàn năm hài-cốt vẫn táng tại đất Đại-Pháp.

Sự ta ngự-giá qua Đại-Pháp đã nhất-dịnh đến trung-tuần tháng 4 thời Khải-loan, song về ngày nào sẽ có thông-lục theo sau, ta ngự-giá xuất-dương chuyển

này, Ta chiếu theo lối các Vua văn minh Âu-châu, Ta không đem quan quân đi hộ-tùng nhiều, ở bên Bảo-hộ thời có quan Khâm-sứ PASQUIER hộ-giá và quan Kiêm-đốc chư-phòng hội-lý DELLOY tùy-giá; còn quan triều ta thời chỉ có một Cơ-mật đại-thần với hai quan văn-thần, hai quan võ-thần, với ba bốn tên Nội-các và thị-vệ tùy-giá thị-hậu.

Khi ta ngự-giá qua Đại-Pháp, ta đem Hoàng-thái-tử Vĩnh-Thụy đi theo đặng ta ký-thác cho Pháp-đình mà học-hành để cho được sự quáng-kiến-văn, may đặng ngày sau có đạt-đức thành-tài, để trước chủ-sởng Tôn-miếu sau nữa trị nước, trị dân cho hiệp thời theo lúc ấy, mà lại thêm một sự thâm-giao với nước Đại-Pháp lại càng vững bền lâu dài ra nữa; Hoàng-thái-tử Vĩnh-Thụy đã được 10 tuổi, Ta vẫn giáo - dục lễ - nghi, cũng đã đủ khuôn phép, Ta lại cho phụ-đạo dạy học chữ Hán đã hơn 4 năm rồi, nay Ta đem Hoàng-thái-tử đi theo Ta qua học ở tại Qui-quốc thời Ta có cho phụ-đạo đi theo đặng mà dạy-giữ theo lối cang-thường luân-lý của nước ta và tập rèn thêm trong lối nho-học để ngày sau cho hiệp chánh - lịnh trong nước ta.

Còn sự Ta ngự-giá qua Pháp-quốc chuyến này thời Ta tưởng cũng có sự ảnh-hưởng cho quốc-dân ta bây giờ, mà lại ảnh-hưởng cho cuộc tương-lai, thời khi Ta đã khải-loan rồi, những các việc diên-lễ và quốc-chánh, dân-chánh đã có Cơ-mật các đại-thần thương-dồng với quan quyền Khâm-sứ Kinh rồi tấu đạt Lưỡng-cung thỉnh-chỉ rồi lục-hành; còn những sự chi quan-trọng mà cần kíp phải làm, thời do quan quyền Khâm-sứ diện qua

Qui-quốc cho quan Khâm-sứ PASQUIER hộ-giá thương bàn với Ta đều hiệp ý, khi ấy diện phúc chuần y, rồi mới được thi-hành. Còn những sự gì quan-trọng mà không cần kíp thời sẽ đợi khi Ta hồi-loan sẽ định làm. Còn những các hạng Bửu, Tỷ thời Ta chỉ đem theo : Một cái Đại-nam-hoàng-đế chi-tỷ, một cái Hành-tại-chi-tỷ, một cái Khải-định-thần-hàn, một cái Ngự-tiền-chi-bửu, một cái Văn-lý-mật-sát, một cái Vương-mạng-bài, một cái Ngự-tiền-sắc-mạng-bài; còn bao nhiêu Bửu Tỷ dâng lại Lưỡng-cung hoặc khi nào Bộ Nha nào phải hành-dụng Bửu Tỷ gì thời phụng-phiến ký-tấu Lưỡng-cung lãnh toàn hàm hội-đồng dương-văn-võ-trực - thần với khoa-đạo, nội-các, thị-vệ phụng-khai kim-quĩ mà hậu-dụng, xong rồi trích hoàng-phong niêm chỉ cần-mật, đệ toàn-hàm mà tấn- nạp. Còn theo lệ thời khi Ta hành-tại phải mạng lưu-kinh đại-thần, nhưng mà Ta ngự-giá qua Đại-Pháp đến trên 5 tháng mới hồi-loan, thời Ta chuần cho các Cơ-mật đại-thần, luân-chuyên cùng với văn-võ, khoa-đạo trực-thần mà túc-trực ; còn Điện-đài thành-trị ở ngoài đã có Đề-đốc hộ-thành suất quân tuần-phòng canh-thủ, còn tại Nội thời do thống-quản thị-vệ đại-thần suất thân-binh, tuần-binh canh-thủ nghiêm-mật ; và trước khi Ta khải-giá trước bộ Lễ nên nghĩ nghi-chú và chỉnh-bị lễ-phẩm mà ký-cáo Triệu-miếu, Thái-miếu, Hưng - miếu, Thế-miếu, và lễ bài-yết Lưỡng-cung.

Những các lời dụ ngữ của ta đây, trước thông-lục nội ngoại thần-dân đều tuân-tri. Khâm thử.

Năm Khải-định thứ 7 tháng 2 ngày 15

Cơ-mật-viện cung-lục

Cuộc công-thải Đông-Pháp. — Trong số báo 55 Bản-chỉ đã nói tường về cách phát-hành cuộc công-thải kỳ tháng ba tây vừa rồi. Nay đã thành-hiệu, thấy kết-quả một cách rục-rỡ, cũng không lấy gì làm lạ. Chánh-phủ định vay có 6 triệu 18 vạn để làm nốt con đường xe-lửa từ Vinh tới Đông-hà. Thế mà số tiền thu-nhập được tới 10 triệu 28 vạn 9 nghìn đồng; mới đến ngày 20 tháng ba tây đã phải đình-chỉ việc mộ-trái, nghĩa là phải thôi trước hạn 5 ngày, vì Chánh-phủ định vay có hạn, thu quá số rồi lại phải trả lại thì cũng thêm phiền. Cuộc mộ-trái bắt đầu từ mồng 5 tháng ba tây, trong khoảng 15 ngày thu được gần gấp hai cái số định vay, giá mã cứ để thu luôn đến ngày 25 thì có lẽ được quá số gấp hai. Cái kết-quả rục-rỡ về cuộc công-thải này thực là một cái tang-chứng rằng dân Đông-Pháp nhất là dân Việt-nam ở ba kỳ đã thâm-hiểu về cái ích-lợi cuộc công-thải này; lại là một cái tang-chứng rằng nước ta ngày nay tài-nguyên đã thấy phong-phú. Nay ta hãy xem như 50 năm về trước: Trừ ra tiền kẽm, bạc nén cũng chả được bao, ngoại-giả tiền-tệ lưu-thông có gì nữa đâu? Về thời bấy giờ, dân ta phần nhiều là nghèo mà đường sinh-nhai cũng khó; hoặc-giả dân-gian có người giàu, nếu đem tiền lên cửa quan, thì chẳng qua chỉ vì sự tư, chứ không bao giờ vì sự công. Ta thường nói « *Tiền-tài lưu-thông, bất tại quan tắc tại dân* », nhưng dân nghèo thời nước cũng chẳng lấy đâu mà giàu. Số tiền toàn-quốc công-như khi trước sánh với số tiền toàn-quốc công-nhu bây giờ thực ít-ỏi. Khi trước của công thương-số mỗi tỉnh được vài mươi lăm thóc, vài vạn quan tiền, chả đủ cấp-lương cho quan-lại, quân-lính, bây giờ của công chia làm nhiều khoản; những một khoản tiền dự-toán chi về việc công-chính như năm 1922

này đã tới 15 triệu 58 vạn (đấy là số tiền trong số dự-toán Đông-Pháp về việc đê-đường, cầu, cống, trường-học, nhà thương vãn. vãn.), thêm số tiền công-thải 6 triệu 18 vạn vào, được tới 21 triệu 76 vạn đồng, ấy là mới có năm 1922 mà thôi. — Nhân nói về cuộc công-thải, mà lại đem hai trạng hưởng xưa nay mà sánh với nhau, như thế thời độc-giả chư-tôn cũng lấy làm lạ, song có sánh thế mới biết rõ sự thực mà xét-đoán. Nói bình-tình ra, thì cái chính - sách của nhà nước Bảo-hộ không những đem cái tư-tướng học - thuật sang khai-hóa cho ta, lại đem cả các cách kinh-tế mà khai-khẩn cho xứ ta làm ra nhiều cuộc công-ích, muốn cho xứ này trở lên một xứ giàu mạnh trong cõi Á-Đông này. — Cuộc công-thải vừa rồi phát-hành ra là để lấy tiền làm xong đường xe-lửa Vinh — Đông-hà, đường ấy làm xong thì ta có thể đi suốt từ Bắc-kỳ vào Kinh-đô, rồi sau mười năm nữa lại đi từ Kinh-đô vào Sài-gòn: thế là đã bước một bước lên đường tiến-bộ, thế là tam-kỳ có đường liên-lạc, thế là có hi-vọng về cái chủ-nghĩa An-nam thống-nhất. Lại nên biết trong cái công-cuộc lớn lao của Chánh-phủ định làm ấy thì lợi nhất là dân Trung-kỳ, vì làm ở Trung-kỳ tất phải cần đến nhân-công vật-liệu ở Trung-kỳ, mà trong Trung-kỳ thì thứ nhất Hà-tĩnh Đông-hới thấy lợi ngay. Đó là cả cõi Đông-Pháp đem góp lại một món tiền to để làm mối tiều-lợi cho một xứ mà lại làm mối đại-lợi cho cả các xứ, ấy nghĩa bảo-trợ, tình liên-lạc là thế đó.

..

Cuộc công-thải vừa rồi thực-hành một cách rất giản-dị, nên kết-quả được bội-thường, bởi vậy ngày 21 tháng ba tây quan Toàn-quyền có thông-tri cho quan Phó Toàn-quyền, quan Thống-đốc Nam-kỳ, quan Khâm-sứ,

Trung-kỳ, quan Thống-sứ Bắc-kỳ, quan Khâm-sứ Cao-miên, quan Khâm-sứ Ai-lao, quan Thủ-hiến Quảng-châu - loan, quan Chánh sở Tài-chính, quan chánh

sở Kho-bạc, quan Chánh sở Bru-điện, quan Đại-lý Dalat, bức điện-văn sau này :

« L'emprunt, couvert dès le 11^e jour de la souscription, a dû être clos par anticipation. Nous allions être débordés par un courant qui, du onzième au quinzième jour, nous apportait encore plus de quatre millions de piastres.

« C'est un beau succès, un grand résultat. L'avenir en dégagera-les conséquences.

« Mais je sais ce qu'il a fallu d'efforts et d'initiative, et surtout de foi et de dévouement à l'idée directrice pour mener une telle œuvre à sa réalisation pratique. Aussi je vous prie de recevoir pour vous-mêmes et de transmettre à tous vos collaborateurs, avec l'expression de ma haute satisfaction, mes remerciements les plus sincères. »

Signé : LONG

« Cuộc công-thải Đông-Pháp, mới đến ngày thứ 11 đã thu-nhập đủ số, bởi thế phải đình chỉ trước cái kỳ-hạn đã định; từ ngày thứ 11 đến ngày thứ 15, người mộ-trái vẫn đông như nước chảy, lại được thêm hơn 4 triệu nữa.

« Cái sự đắc-thắng ấy thực là một cái thành-hiệu rực rỡ, một cái kết-quả lớn lao; cuộc tương-lai sẽ nảy ra nhiều sự hay.

« Bản-chức cũng biết rằng phải tốn bao nhiêu công-phu, bao nhiêu sự khờ-ý và nhất là phải có lòng tin cậy, tận-tâm về cái chủ-dịch của ta định theo, mới thực-hành được công-cuộc ấy. Vậy bản-chức lấy làm rất bằng lòng, mà cảm ơn các quan một cách thành-thực và xin các quan lại chuyển đạt cho tất cả các hàng viên-chức đã giúp đỡ các quan trong cuộc công-thải này ».

Ký-tên : LONG

Số tiền tổng-cộng về việc công-thải

Nam-kỳ	5.343.250 đồng.
Bắc-kỳ	2.596.550 —
Trung-kỳ	1.267.750 —
Cao-miên	918.450 —
Ai-lao	92.600 —
Quảng-châu-Văn.	45.800 —
Ngoại-quốc	24.600 —
	<hr/>
	10.289.000 đồng.

Danh-sách các nhà mua nhiều trái-phieu

Nam-kỳ :
Đông - Pháp ngân - hàng
(Sài-gòn). . . . 100.000 \$

M M. Huỳnh Đình-Khiêm (Gò-công).	70.000 \$
Quách Văn-Dau.	70.000
Châu Văn-Quoi.	63.000
Quách Dam et sa femme.	
Lê Thị-Dau (Sài-gòn).	60.000
Tjamayen (Chợ-lớn)	50.000
Trần Trint-Trach Bắc-liêu).	50.000
Lưu Văn-Lau (Gò-công).	44.000
Trần Công-Hiến.	40.000
Huỳnh Ngọc-Kiểm (Bến-tre).	22.500
Quan Phủ Nguyễn Văn- Hai (Gò công).	20.000
Quach Dam (Chợ-lớn).	20.000
Nguyễn Văn-Hà (Gò công)	20.000

Nguyễn Văn-Hoi (Chợ-lớn)	20.000 \$
Lưu Muoi (Sài-gòn) . . .	20.000
Hồ Văn-Ngan (Bến-tre) . .	20.000
Lý Cao-Cung (Gò-công)	20.000
Lý Cao-Cuong (Gò-công)	20.000
Me. Monnier née Lâm	
Thị-Thanh (Vĩnh-long) . .	20.000
Ngô De-Lai (Gò-công) . .	19.000
Thái Văn-Bon (Trà-vinh)	17.000
Nguyễn Duy-Hình	
(Gò-công) . .	15.000
1 người vô-danh (Sa-đéc)	15.000
Phạm Văn-Thanh	15.000
Lam Quan-Thoi	
(Trà-vinh)	15.000
Lê Văn-Nuoi (Vĩnh-long)	15.000
Maison Bansonan	
(Chợ-lớn) . . .	15.000
Trần Văn-Nham	
(Vĩnh-long) . .	14.000
Lê Ngọc-Huê (Trà-vinh) . .	12.000
Nguyễn Tân-Thanh	
(Trà-vinh) . . .	12.000
Hà The-Dai (Vĩnh-long)	12.000
La Thanh-Co (Cần-thơ)	12.000
Huỳnh Như - Cang	
(Gò-công)	11.000
Diệp Văn-Giáp (Gò-công)	11.000
2 người vô-danh (Sa-đéc)	
mỗi người	10.000
1 người vô-danh (Sài-gòn)	10.000
Thái Viêm-Thanh (Sa-đéc)	10.000
Huỳnh Huân (Sa-đéc) . .	10.000
Nguyễn Văn-Yên	
(Trà-vinh)	10.000
Trần Khắc-Nhuong	
(Bến-tre)	10.000
Nguyễn Hữu - Thương	
(Thủ dầu-một)	10.000
Lê Phát-An (Già-định)	10.000
Nguyễn Hữu-Le	
(Vĩnh-long)	10.000
Nguyễn Văn-Duoc	
(Sài-gòn)	10.000
Trương Ngọc-So	
(Cần-thơ)	10.000

Nguyễn Văn-Yên (Cần-thơ)	10.000
Ly-Hoach (Gò-công)	10.000

Bắc-kỳ :

M. M. Bạch Thái-Bưởi	30.000
Nguyễn Hữu-Nghi	20.000

Trung-kỳ :

1 Người vô-danh (Sông-cầu)	2.000
1 Người vô-danh (Sông-cầu)	1.250
1 Người vô-danh (Sông-cầu)	600
1 Người vô-danh (Sông-cầu)	550
1 Người vô-danh (Sông-cầu)	500
1 Người vô-danh (Đồng-hới)	1.000
3 Người vô-danh, mỗi người . .	600
1 Người vô-danh (Tourane) . .	1.000
2 Người vô-danh, mỗi người . .	750
2 Người vô-danh, mỗi người . .	600
1 Người vô-danh	500
M. Chánh-tông (Kong-tum) . .	600

Cao-miền :

Nội-phủ vua Cao-miền	10.000
--------------------------------	--------

Ai-lao :

M. Guis (Hin boun)	4.000
------------------------------	-------

Cứ xem các số kể trên này thì trong số tiền nhà nước định vay, chỉ một Nam-kỳ đã được quá một phần sáu (1/6), sánh với các xứ là đứng đầu, vì lẽ rằng Nam-kỳ là xứ ruộng đất phì-nhiều, nhân-dân trù-phú hơn các xứ khác; mà trong Nam-kỳ thì địa-hạt Gò-công nhiều nhất, nhưng một Gò-công cho vay tới số 50 vạn, nghĩa là được non một phần mười hai (1/12) trong cái số tiền nhà-nước định vay. Cái kết-quả về cuộc công-thải này thực là một cái biểu-chứng rằng cả quốc dân ta, nhất là Nam-kỳ đều hiểu sự lợi-ích mà hết lòng giúp về việc công-nghĩa.

Chánh-phủ đương trù-tính về việc phân-phối các trái-phiếu để giả lại 4 triệu đồng là cái số thặng quá món tiền định vay. Vậy thì phải giả lại bớt các nhà mua nhiều trái-phiếu, vì trong đạo luật cho phép mộ-trái định rằng ai mua nhiều phiếu quá thì Chánh-phủ sẽ trả lại... vân vân (xem bài xã-thuyết của Bản-chí số 55, về mục bán-phiếu).

Chánh-phủ lại mới đặt ra một hội-đồng vừa có Pháp-quan vừa có Nam-quan, để chiếu chương-trình mà xếp-đặt về sự rút-số. Đến mồng một tháng sáu tây này sẽ mở kỳ rút-số đầu tiên.

Chủ ý của quan Toàn-quyền. — Quan Toàn-quyền Long, lo-liệu về việc Công-thải vừa xong, nhân qui-thể bất-an, ngài phải ra nghỉ dưỡng-sức tại Cap saint-jacques, định đến độ 15 tháng tư tây này, ngài sẽ xuống tàu về Đại-Pháp. ngài lưu tại qui-quốc độ bốn tháng để bày-tỏ các công-việc của ngài định làm với hai nghị-viện và bàn-bạc mọi việc với quan Thuộc-địa Tổng-trưởng, như việc định tổ-chức lại Hội-đồng Chánh-phủ, việc định nghênh-tiếp Hoàng-thượng ta sang ngự-du Đại-Pháp vân vân. — Xem như thế thì chuyến này quan Toàn-quyền về qui-quốc có lẽ trù-tính được nhiều sự hay cho xứ ta. Trước kia ngài định đến tháng bảy tây mới về Đại-Pháp mà nay lại về ngay tháng tư này là sở-dĩ để kịp kỳ hội-nghị của hai Nghị-viện.

Giới-thiệu sách mới. — Bản-chí mới tiếp được của ông Lê Văn-Hiền, tham-tá ở Hà-đông một quyển sách nhan-đề là « *Hộ luật giải nghĩa* ». Sách ấy là gồm cả những bài giảng nghĩa luật của ông dạy ở trường Thư-ký tỉnh Hà-đông, mà tức là những bài chú-thích về bộ Dân-luật quyền thứ nhất của Chánh-phủ đang thi-nghiệm ở tỉnh Hà-đông để sẽ thi-hành cả trong xứ Bắc-kỳ. Xét về hình-thức, thì quyển « *Hộ luật giải nghĩa* » ấy làm theo lối rất văn-tắt dễ hiểu; nhiều chỗ ông đặt ra danh-từ mới rất khéo; nhưng cũng có tiếng còn khiếp, song ai cũng biết rằng tiếng ta chưa đủ, dùng nhiều chữ Hán sợ khó hiểu, bởi thế phải đặt ra chữ mới mới có thể tả được cái ý-nghĩa uyên-thâm về luật-học. Xét về tinh-thần thì quyển ấy ông làm rất công-phu, vì mục-đích là cốt giải nghĩa quyền Dân-luật, nên phải xếp đặt có thứ-tự, giảng-giải cho phân-minh; nhiều chỗ ông lại mượn trong sách Pháp hoặc trong luật cũ, để cho độc-giả dễ hiểu, mà nhất là nhiều chỗ thí-dụ lấy ngay sự thực hằng ngày, ai xem cũng hiểu. Tiếc rằng phải mấy chỗ ông nói đến một vài luật-ý như « các cách biện-luận » ông nói khi lược khiến cho độc-giả đọc đến chỗ ấy còn muốn thâm-hiểu nữa, mà phải chịu thôi; song chắc là những bài của ông dạy học phải theo chương-trình không có thể nói rộng quá được nữa. Nhưng cứ lấy toàn-thể mà xét, thì quyển Hộ-luật giải nghĩa của ông Hiền là một quyển sách có giá trị và có ích cho sự học luật bằng tiếng ta, mà thực là một quyển sách thiết-yếu cho các nhà làm việc quan vậy.

Cách ngôn

1^o Kể đi học chẳng tự bụng mình thành-thực suy nghĩ, chỉ theo những lời bàn nói ở khâu-đầu người ta, vì thế cho nên học-vấn không giỏi lên được. Lại những khi làm văn đặt ra một câu một chữ phải nên xét đi xét lại cho kỹ, nếu xét lẽ này chẳng được lại xét lẽ khác, muốn cho đến nơi đến chốn, mọi lẽ phân-minh; ngày khác hoặc đem ra hỏi người, hoặc nghe người bàn, hoặc xem xét một vật gì, tự-nhiên có cái đạo-lý nó cảm-súc mà phát-sinh ra.

Lục Cửu-Uyên

2^o Đọc sách để mà sửa sang lấy con tâm, cũng như uống thuốc để tiêu-trừ lấy cái bệnh; bệnh tuy chữa thật khỏi, nhưng mà thường để được-lực thảng, thời cái bệnh tự-nhiên nó bớt dần; con tâm tuy chữa thật hay, nhưng mà thường ngấm-nghĩa thụ-vị luôn, thời con tâm tự-nhiên nó hóa; lâu lâu thì cái bệnh khỏi cả mà con tâm hay cả.

Hạ Y-Lư

3^o Cái lời chê mình thì nên nghe, cái người chê mình thì không nên trách; nếu mình có sự xấu thật, thì người ấy chẳng nói người khác cũng nói; mình được nghe mà mình đòi đi thế là mình được một ông thầy không phải thụ-nghiệp; nếu mình không có sự xấu thật, mình tuy chẳng cãi, chắc rồi cũng có người cãi cho, nếu nghe tiếng mà vội giận, thế là mình lại thêm một cái lỗi chẳng phục lời.

Kim Bá-Nyoc

4^o Một điều thiện ở mình, lúc bé mình làm, lúc lớn mình chẳng dám bỏ, thì điều thiện ấy có thể tự mình, rồi hay cả đến người, hay cả đến con cháu; một điều ác ở mình, lúc bé mình làm, lúc lớn mình chẳng chịu đổi, thì điều ác ấy có thể tự mình rồi dở cả đến người, dở cả đến con cháu; nên cẩn-thận lắm thay!

Trương Lý-Tường

5^o Suốt ngày ngồi yên, chữa đói mà cơm đã bụng lên, chữa rét mà áo đã đem mặc, uống rượu ăn thịt, sai gọi kẻ đầy người tớ, ở thường có nhà đẹp, bước ra có ngựa xe, nếu chẳng nhân dịp ấy làm những sự hẩn hoi, lại còn để cho tính-khí kiêu-căng, mừng giận phóng-túng; có sự gì nên làm thì chẳng chịu khó, thậm-chí lại làm những việc tội-ác oan-nghiệt, há chẳng đáng tiếc lắm thay! Người ta thường nên nghĩ đến thế, dần dần tự-nhiên ít điều cần.

Sử-diễn-tập

6^o Bấy lâu nay các người đời hay nghị-luận cao-kỳ lắm, xét đến thực-hành, phần nhiều không xứng ý người; xem như ông Lam-sơn tiên-sinh làm người chỉ nhất-vị trung-thành mà thôi, ví với người khác, bớt được bao nhiêu khi-khái, bao nhiêu công-phu, mà tiếng hay lừng-lẫy khắp thiên-hạ, mới biết rằng trung tín là hơn, kiêu-căng là hỏng, lời ấy có ý-vị lắm.

Hạ Đông-Nham

TẬP KỶ-YẾU CỦA HỘI « KHAI - TRÍ TIẾN - ĐỨC »

Hội-đồng nhà Hội-quán (Cercle). —

Hồi 8 giờ tối hôm thứ sáu 17 Mars 1922. Các ông hội-viên coi việc lễ-chức nhà Hội-quán là M. M. Hoàng Quang-Hương, Nguyễn Thành, Nguyễn Quý-Toản, Nguyễn Văn-Tâm, Phạm Văn-Duyệt, có quan cai-trị Marty và M. Nguyễn Văn-Nho đã họp để nghe tờ trình của M. Tâm và bàn định các điều-lệ cách thức mở hội-quán (Cercle) và bầu mấy vị hội-viên khác để thay những ông đi vắng hay là bận việc. Hội-đồng có những ông này :

M. Trần Văn-Thông, Chánh hội-đồng.
 Nguyễn Thành, thủ-quĩ.
 Nguyễn Văn-Tâm, thư-ký.
 Nguyễn Văn-Nho, coi thư-viện.
 Phạm Mạnh-Xứng, hội viên
 Hoàng Quang-Hương,
 Nguyễn Quý-Toản,
 Phạm Văn-Duyệt,
 Trần Thọ-Huy,
 Lê Văn-Thụy, và Dương.

Lại định rằng đến 9 giờ sáng hôm chủ-nhật mồng 9 tháng tư tây thì nhận đơn xin thầu việc quản-lý nhà hội-quán (Gérant du Cercle).

Hội-đồng quản-trị. — Hồi 9 giờ tối 31 tháng ba tây, Hội-đồng quản-trị hội Khai-trí Tiến-đức họp tại nhà hội-quán phố hàng Trống để bàn những việc đã ghi vào giấy mời. Có những ông này đến hội-đồng :

M. M. Hoàng Trọng-Phu, Chánh-hội-
 [trưởng.

Trần Văn-Thông.

M. M. Từ Đạm,

Nguyễn Hữu-Thu,

Nguyễn Tất-Tế,

Lê Văn-Phúc,

Bùi Huy-Tín,

Đỗ-Thận,

Hoàng Quang-Hương.

Nguyễn Quý-Toản, giữ việc thư-ký.

Những ông sau này có giấy kêu :

M. M. Vũ Ngọc-Oánh.

Hoàng Hữu-Đôn.

Quan cai-trị Marty, Danh-dự hội-trưởng cũng có đến dự hội-đồng.

10 — Việc vay tiền nhà Ngân-hàng.

Quan Chánh hội-trưởng trình với hội-đồng rằng hội ta còn tiền gửi ở nhà Thực-nghiệp ngân-hàng không có thể lấy ra được, mà bây giờ phải cần đến tiền để giả ông Aviat là nhà linh-trung làm nhà hội-quán. Ngài xin hội-đồng thuận để hội vay độ 6000 \$00. cả hội-đồng cùng thuận và cử quan Chánh hội-trưởng Hoàng Trọng-Phu, quan Phó hội-trưởng Trần Văn-Thông, và ông Chánh thủ-quĩ Lê Văn-Phúc thay mặt Hội vay nhà Đông-Pháp Ngân-hàng 6000 \$00 lãi đồng-niên năm phân.

20 — Tờ trình của ông chánh thủ-quĩ về việc quỹ năm 1921.

Ông Lê Văn-Phúc là chánh thủ-quĩ của Hội trình việc quỹ năm 1921 như sau này :

Chi thu năm 1921

Tiền thu

Tiền còn lại ở quỹ đến 31 tháng chạp tây 1920. . .	33\$43
Tiền lấy ở nhà Ngân-Hàng về	17.000.00
Tiền phụ-cấp { của Chánh-phủ Đông-Pháp.	10.000.00
{ của Chánh-phủ Bắc-kỳ.	5.000.00
Tiền của 112 ông chủ-tri hội-viên đóng 20 « × 112.	2.240.00
— 36 « hội-viên đóng 2 × 36.	72.00
— 22 « thường — 2 × 22.	44.00

	1 người	2.000 \$	2.000 \$	
	2 «	1.000	2.000	
	1 «	300	300	
	1 «	250	250	
	2 «	200	400	
	9 «	100	900	
	8 «	50	400	
	4 «	30	120	
	9 «	20	180	
	3 «	15	45	
	9 «	10	90	
	1 «	6	6	
	1 «	5	5	
Tiền lạc-quyền				6.696\$00	

Tiền bán 10 insignes .. 1 × 10 = 10.00

Tiền thu vào cộng là 41.095\$43

Số tiền còn ở Ngân-hàng :

Gửi ở nhà Ngân-hàng năm 1919	3.522\$14	}	25.721.80
« « « 1920	4.199 66		
« « « 1921	18.000 00		

Đã lấy về năm 1921. 17.000\$00

Trừ rồi còn 8.721.80

Tiền lãi đến 26 tháng 7 năm 1921 . 100.85

Còn gửi ở Ngân-hàng đến 26 tháng 7 năm 1921. 8.821\$65

Tiền tiêu

Tiền phí-tồn gửi thư từ	56\$53	
Gửi nhà { ngày 7 tháng tư tây 15.000	}	18.000.00
Ngân-hàng { ngày 8 « 3.000		
Giả ông Aviat { giả lần thứ nhất ngày 7 tháng giêng tây 1921	}	20.000.00
{ giả lần thứ nhì ngày 11 tháng tư tây 1921		
{ giả lần thứ ba ngày 15 tháng sáu tây 1921		
{ giả lần thứ tư ngày 6 tháng tám tây 1921		
{ giả lần thứ năm ngày 29 tháng mười tây 1921		
{ 2.000		

Giả tiền công những người làm cho hội. . 170\$00

Tiền mua phần thưởng cho các trường Pháp-việt. . . 50 00

Tiền vật. 13.11

Giả lại tiền của ông Nguyễn Kim-Lân, Lý Thiên-Miêu 20.00

Mua đồ đạc. 303.00

Tiền về việc diễu kịch ngày tháng giêng 1922. . 1430.00

Tiền về lễ ngành - tiếp quan Thống-chế Joffre. . 400.00

Cộng là . . 40.469\$64

Số tiền còn ở quỹ :

Tổng cộng tiền thu. 41.095.43

Tổng cộng tiền chi. 40.469.64

Còn ở quỹ. 625\$79

Hội-đồng nghe đọc tờ trình ấy xong, thì định cử M. M. Trần Văn-Thông, Bùi Huy-Tin, và Phạm Văn-Duyệt xét lại sổ sách và giấy má và làm tờ trình đại-hội-đồng. Còn việc xét sách-vở đồ-đạc thì giao cho hội-đồng nhà hội-quản phải xem xét và cũng làm tờ trình đại-hội-đồng.

3^o — Định ngày đại-hội-đồng.

Hội-đồng quản-trị định đến sáng ngày chủ-nhật 14 tháng năm tây, tức là 18 tháng tư ta thì họp đại-hội-đồng thường-niên.

Quan cai-trị Marty nói rằng đến ngày đại-hội-đồng sẽ xin quan Thống-sứ cho phép các hội-viên hội Khai-tri Tiến-đức làm việc quan ở các tỉnh về dự hội-đồng cho đông.

4^o — Vấn đề Tạp-chí Nam-Phong.

Quan Chánh hội - trưởng trình hội-đồng rằng ông Phạm Quyền là sáng-lập kiêm chủ-nhiệm và chủ-bút Tạp-chí Nam-Phong xin với hội ta quản-trị cho tờ Tạp-chí ấy. Ngài lược đọc tờ dự thảo hợp-đồng của ông Phạm Quỳnh sẽ ký với Hội ta.

Ngài nói rằng từ trước đến nay Chính-phủ Đông-Pháp vẫn quản-trị cùng trợ-cấp cho tờ Tạp-chí ấy.

Nếu hội ta bảo-thủ Tạp-chí ấy, thì chắc Chính-phủ cũng cứ cho tiền trợ-cấp. Và lại Nam-Phong vẫn có công cố-động việc Hội ta, như ý ngài mà nhiều ông hội-viên cũng cùng ý với ngài, thì Hội ta nên nhận quản-trị lấy Tạp-chí ấy để làm cơ-quan cho Hội, mà sau này sẽ có giá-trị thêm lên, nếu khoáng-trương thêm ra, mà thêm một mục Pháp-văn nữa thì Nam-Phong ắt là một Tạp-chí hoàn-toàn vậy.

Quan Marty lại nói rằng hiện ngay bây giờ Tạp-chí Nam - Phong đăng những bài có tư-tưởng có học-thức

lại nhờ cách in khéo và đẹp của nhà Đông-kinh ấn-quân, thì Nam-Phong đã có thể tỉ với những Tạp-chí lớn ở các nước văn - minh, so với Tạp-chí ở các nước văn-minh, so với Tạp-chí ở Trung-hoa ở Nhật-bản cũng chẳng kém gì.

Hội-đồng bàn định một lúc rồi đều cùng thuận nhận quản-trị Nam-Phong. Việc này sẽ trình đại-hội-đồng biết để đại-hội-đồng cử một hội đồng kiểm duyệt.

5^o — Duyệt sổ thầu trung nhà hội-quán (Cercle).

Hội đồng duyệt-y sổ thầu trung nhà Cercle. Sau ông tổng-thư-ký đọc những danh-sách các ông hội-viên đã được cử ngày 17 tháng ba trước (đã nói ở trên) hội-đồng quản-trị công-nhận.

Ông chánh thủ-quĩ M. Lê Văn-Phúc, xin với hội-đồng cho phép giao cho ông thủ-quĩ nhà Cercle một món tiền là 200 \$ 00) để sắm sửa những đồ đạc thiết-dụng ở nhà Hội-quán, hội y lời ông chánh thủ-quĩ.

6^o — Cải mấy khoản điều lệ Hội.

Hội đồng quản-trị trình đại-hội-đồng xin đổi mấy khoản như sau này :

Điều thứ 8. — Nói về hội-đồng bảo trợ hội Khai-Tri Tiến-Đức.

Điều thứ 27. — thêm ra nhiều khoản nói về việc tổ-chức trong nhà Hội-quán (cercle).

Điều thứ 30. — Đặt thêm một người coi thư-viện nhà cercle.

Trong thiên thứ bốn. — Điều thứ 40. — Nói về hội-đồng bảo- trợ và chức-vụ các hội-viên hội-đồng ấy.

Điều thứ 40. — Dịch xuống làm điều thứ 41 v. v.

Những điều sửa đổi cũng thêm vào điều-lệ Hội, hễ khi đại-hội-đồng duyệt rồi sẽ đăng vào mục kỷ-yếu việc Hội để các ngài xem.

Hội-đồng công-nhận đặt hiệu Hợp-

lợi làm đồ bát đĩa chén, theo kiểu mẫu riêng của Hội để dùng ở nhà Hội-quán. Còn đồ đạc bằng gỗ thì giao cho hiệu Phúc-lợi làm.

Đúng 11 giờ, Hội-dồng giải tán.

Quyền tổng-thư-ký ký.

Quyên tiền giúp Hội. — Những ông có tên sau này có lòng tốt quyên tiền giúp Hội :

M. M. Nguyễn Hữu - Nghi, Huyện honoraire.	1.000\$00
Nguyễn Hữu-Tiếp, En- trepreneur. . .	200 00
Nghiêm Thụy-Ứng, tri- phủ Từ-sơn. . . .	100 00
Dr. Le Roy des Barres.	100 00
Jeambrau, Chef des ser- vices de la Sûreté et des Ren- seignements politiques. . .	100 00
Nguyễn Đình - Phẩm, commerçant. . .	100 00
Tổng cộng	1.600\$00

Giấy xin vào hội

Trong tháng Mars có những ông kê tên sau này xin vào Hội, hạn trong hai tháng, trong các hội-viên ngài nào có điều gì dị-nghị xin viết thư cho Hội biết :

Xin vào chân chủ-trì :

1. M. M. Monet Paul. Directeur du Foyer des Etudiants Annamites, 21 Bd. Rialan Hà-nội.

2. Ưng Ngọc-Thư, Travaux publics, 13 Rue du Lac Hà-nội.

3. Thái Văn Toàn, Ngự tiền-thông sự Huế.

4. Vương Tú-Đại, Thừa-thiên phủ-đoãn Huế.

5. Tôn Văn-Cơ dit Huyện Cơ, Direc-
teur de l'Exploitation de charbon de
Đông-triều, 19 Rue des Eventails Hanoi.

6. Ngô Văn-Hóa, Cửu-phẩm bá-hộ,
19 Rue des Eventails Hanoi.

7. Trần Văn-Chinh, Cécrétaire-in-
terprète à la Direction de la Justice
Hanoi.

8. Lê Quang-Tiểu, Commis indigène
à la Direction de la Justice Hanoi.

9. Nguyễn văn-Kinh Commis indi-
gène à la Direction de la Justice Hanoi.

10. Trần Tất-Đại, Secrétaire-inter-
prète à la Direction de la Justice Hanoi.

11. Ngô Văn-Nhã, Secrétaire-inter-
prète à la Direction de la Justice
Hanoi.

12. Phùng Văn-Thanh, Secrétaire-
interprète à la Direction de la Justice
Hanoi.

13. Trần Duy-Kỳ, Entrepreneur
des Travaux publics Vĩnh-yên.

14. Đặng Đình-Tiếp, Thư-ký tòa
Công-chánh Fort Bayard.

15. Vũ-Gian Giáo-viên trường Pháp-
Việt Pháp-hoa Fort Bayard.

16. Kiều Tất-Cường, Tùng-cửu-phẩm
văn - giai, 18 Bd. Amiral Courbet
Hanoi.

17. Hoàng Thế-Nguyên, buôn bán,
21 Bd. Amiral Courbet Hanoi.

Xin vào chân thường - hội - viên:
M. Nguyễn Trọng Phủ cựu lý trưởng ở
làng Thổ-thạch tổng Qui-hóa, huyện
Hoài - an tỉnh Bình-định Trung-kỳ.
(Do ông Lê Văn-Phúc giới-thiệu).

Đổi chỗ ở. — Xin các ngài có chân
hội-viên hội Khai-trí Tiến-dức, khi các
ngài đổi chỗ ở hoặc thăng-hàm hoặc
thăng-chức, làm ơn viết giấy về cho
tòa thư-ký Hội biết để gửi thư từ cho
tiện, nhất là kỳ đại-hội-dồng sắp đến
lại cần phải gửi giấy mời các ngài.
Nếu không cho biết trước, cứ theo
hiệu đề cũ mà gửi thư từ thì sợ thất-
lạc.

Vậy có lời kính-cáo đề các ngài rõ!